

TRẦN-VĂN-QUẾ

Giáo-Sư trường Quốc-Gia Sư-Phạm

# CÔN - LÔN QUẦN - ĐÀO

Trước ngày 9-3-1945



THANH - HƯƠNG    TÙNG - THƯ

XUẤT BẢN

TRAN-VĂN-QUẾ

Giáo-Sư trường Quốc-Gia Sư-Phạm Saigon

# CÔN - LÔN QUẦN - ĐẢO

TRƯỚC NGÀY 9-3-1945

THANH-HƯƠNG TÙNG-THƠ

*XUẤT - BẢN*

**1961**



Thành kính dâng quyền sách « Côn-lôn quần-đảo » này lên cho hương hồn của ức vạn chiến sĩ đã từ xưa đến nay ngã gục vì Tổ-Quốc Việt-Nam và những nhà cách-mạng đã, trong một thời gian, bị bắt buộc lấy ngục-thất Côn-đảo làm nhà.





Luy huy giả tởa xuất Đô-môn,  
Khẳng khái bi ca thiết thượng lôn,  
Quốc thổ trăm luân dân tộc luy,  
Nam-nhi hà sự phạ Côn-lôn !

Tây-Hồ Phan-Chu-Trình  
(tháng 4 năm 1908)

Thích nôm

*Xiềng gông cả kẻ biệt Đô-môn,  
Khẳng khái ngấm nga lưới vẫn còn.  
Đất nước đắm chìm nói giống nôm,  
Thần trai nào sợ cái Côn-lôn !*

*Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng*

---

**Bị chú :** Năm 1908, Cụ Tây-Hồ bị Chính-phủ - thực-dân bắt giam tại nhà lao Phủ-Doãn (Thừa-Thiên). Ngày mà cụ mang xiềng ra khỏi ngục-môn để xuống tàu đi Côn-đảo thì cụ ngấm bài thơ chữ Hán nói trên (tháng tư 1908). Sau này cụ Minh-Viên mới thích nôm bài thơ ấy vì cho đăng trong quyển « Thi tù lòng thoi » mà chính cụ Minh-Viên là tác-giả.



## LỜI NÓI ĐẦU

---

*Trước năm 1945, hai tiếng Côn-nôn (hay là Côn-lôn) đã đập mạnh trong tâm hồn Quốc dân đồng bào không phải vì những cảnh nên thơ của nó mà chính vì một cái chi rùng-rợn được nó kêu gọi lên!*

*Côn-nôn! Côn-nôn! Từ 1862 đến 1945, trên tám mươi năm, hai tiếng ghê-tởm ấy đã kêu gọi lên hình ảnh của vạn ức con người gầy-còm, bệnh-hoạn, xanh mét, quần-áo tả-tơi, đang bị bắt buộc làm những công việc chết người dưới những trận mưa: nào hèo nào gậy, nào dấm nào đá, pha lẫn với những lời miệt thị, chửi rủa của tay sai thực-dân!*

*Nhìn kỹ lại, họ cũng là người ! Nhưng hoặc là vì  
lỡ một lần hai mà ra có đổi ; hoặc là vì trước cảnh  
quốc phá gia vong non sông bị chà đạp, họ đã mạnh dạn  
đứng lên quyết tháo cũi, mở lồng cho đồng-bào đề rồi  
rước cái chết vào mình !*

*Quyền « Côn-lôn quần đảo » sẽ giúp đồng bào biết  
rõ nơi này dưới mọi khía cạnh như địa-lý, hành-chánh,  
kinh-tế v.v...và nhất là dưới khía cạnh « địa ngục ở miền  
đương-gian » đề đồng bào thương xót cho những chiến sĩ  
vô-danh vùi hài-cốt nơi đây và nghìn thu cam chịu cảnh  
« mồ hoang cỏ lạnh » !!!*

*Quyền « Côn lôn Quần-đảo » cũng sẽ giúp đồng bào  
nhận định địa thế quan-trọng của vùng này trong khung  
cảnh nước non nhà về quá khứ cũng như về hiện tại  
và tương lai. Nó quả thật là :*

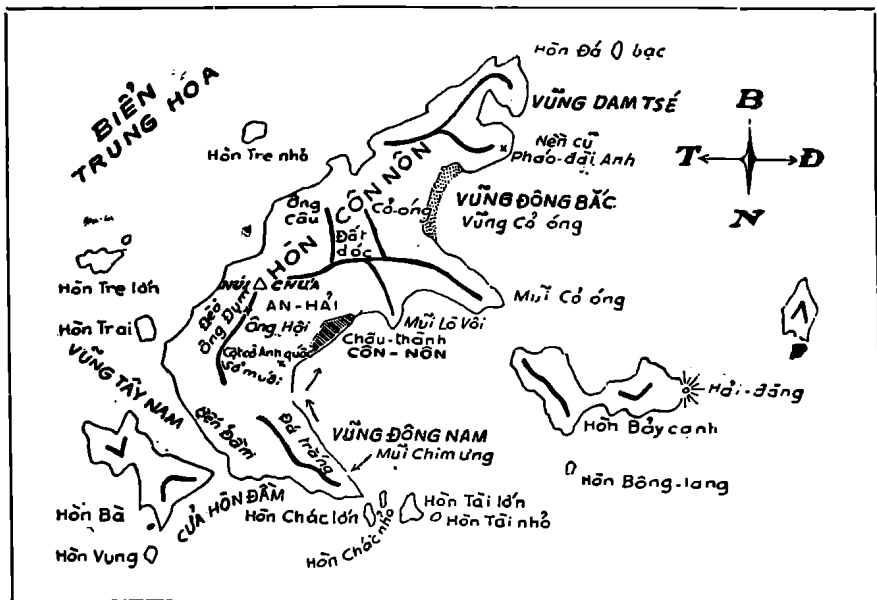
*Bình phong non nước cũ,  
Aĩ ngữ mười cửa sông.*

*Ngày hôm nay quần-đảo Côn-lôn đã được chính-  
phủ Quốc-Gia đưa lên hàng các tỉnh miền Nam nước  
Việt dưới danh từ : tỉnh Côn-Sơn. Đó là một bằng chứng  
chỉ rõ sự quan-trọng của nó.*

*Nó đã được khoác lên một bộ áo mới để làm mất  
hẳn cái vẻ đen tối thảm đạm thời xưa của nó.*

TÁC GIẢ

BẢN ĐỒ  
QUẦN - ĐẢO CÔN - LÔN





# CÔN LÔN QUẦN ĐẢO

trước ngày 9 - 3 - 1945

## *CHƯƠNG THỨ I*

---

### **ĐỊA LÝ HÌNH THỂ**

#### **I. — VỊ TRÍ**

Côn-nôn, hay là Côn-lôn, là một quần-đảo ở giữa biển Trung-Hoa về hướng nam Nam-Việt, cách hà-khẩu Hậu-giang hay là sông Ba-thắc (Bassac) độ 84 kilômét và cách mũi Vũng-tàu (Cap Saint-Jacques) thuộc tỉnh Phước-tuy (Bà Rịa) độ 180 kilômét.

Trung tâm điểm của quần-đảo này là châu thành Côn-nôn, trước kia được gọi là « làng Côn-nôn ». Châu-thành Côn-nôn, nay là Côn-sơn, là tỉnh lỵ của tỉnh Côn-sơn.

Châu thành Côn-nôn nằm trên bắc vĩ-tuyến  $8^{\circ}40'57''$  và trên đường kinh tuyến  $106^{\circ}36'10''$ .

#### **II. — DIỆN TÍCH**

Diện tích chung của toàn thể quần đảo Côn-lôn là 7.728 mẫu tây. Quần đảo gồm tất cả 14 đảo lớn và nhỏ kể ra như sau :

a) **Hòn Côn-nôn** (nay là Côn-sơn) : Đảo lớn nhất, chiều dài đo được 15 kilômét và chiều ngang đo được 9



kilomét ở chỗ rộng nhứt, và 3 kilomét ở chỗ hẹp nhứt. Riêng diện tích đảo Côn-nôn đo được 5.152 mẫu tây. Hòn Côn-nôn đã được người Pháp gọi là Grande Condore.

**b) Hòn Bà (Petite Condore) :** Tức là đảo kế theo hòn Côn-nôn, về phía tây nam châu-thành Côn-nôn và chỉ cách đảo này bằng một cái eo, hay nói cho đúng hơn, một cái khe rộng không quá năm thước tây.

**c) Hòn Bẫy cạch :** Tức là đảo ở trước mặt Châu-thành Côn-nôn và cách biệt châu thành bằng này một eo biển rộng độ 7 kilomét.

**d) Hòn Cau :** Hòn này ở giữa và cách châu thành Côn-nôn độ 40 kilomét về phía đông-nam.

**e) Hòn Tre lớn :** Hòn này ở về phía tây-bắc châu thành Côn-nôn.

**f) Hòn Trai :** Hòn này ở về phía tây châu thành Côn-nôn.

**g) Hòn Tre nhỏ :** Hòn này ở phía bắc châu thành Côn-nôn.

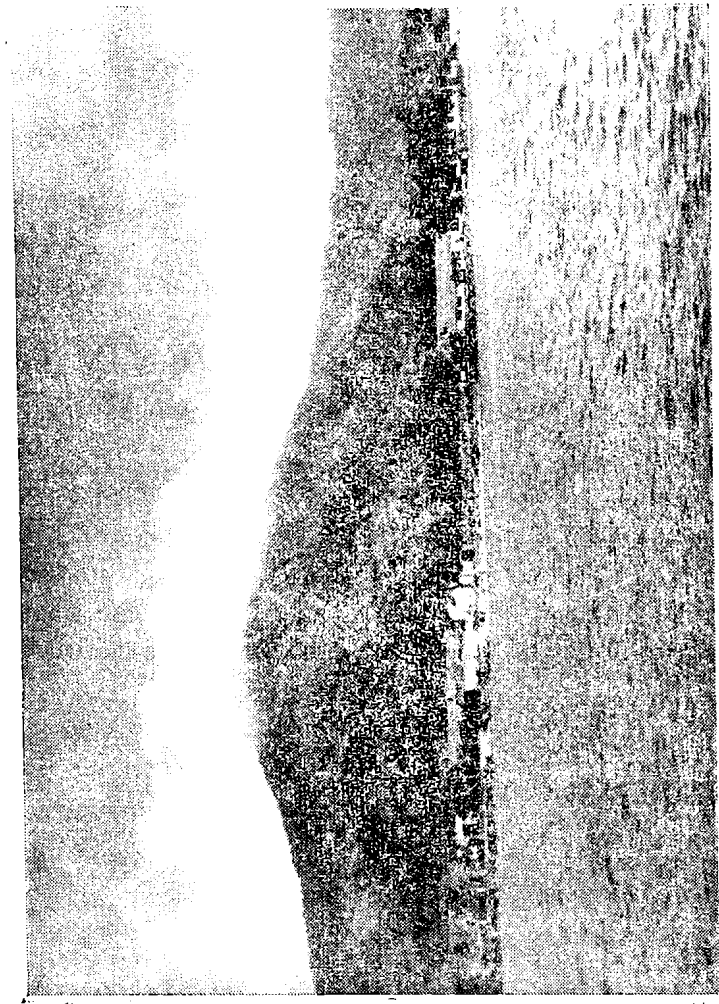
**h) Hòn Thỏ :** Hòn này ở phía đông-nam châu-thành Côn-nôn.

**i) Hòn Tài lớn :** Hòn này ở về phía đông-nam châu-thành Côn-nôn.

**j) Hòn Tài nhỏ :** Hòn này cũng ở về phía đông-nam châu-thành Côn-nôn.

**k) Hòn Chác lớn :** (Hoặc Trác lớn) : Hòn này cũng ở về phía đông-nam châu-thành Côn-nôn.

**l) Hòn Chác nhỏ (hoặc Trác nhỏ) :** Hòn này cũng ở về phía đông-nam châu-thành Côn-nôn, gần mũi Chim-



**Đảo Côn-nôn (nay là Côn-sơn) với châu-lành Côn-nôn (nay là Côn-sơn)  
từ ngoài biển ngó vào.**

(Ảnh riêng của Giáo-sư Hồng).



Ừng (Bec d'Aigle) hay là mũi cá mập của Hòn Côn-nôn.

**m) Hòn Bông-Lang :** Hòn này ở gần hòn Bải-Cạnh nhưng nhỏ hơn, cũng về phía đông-nam châu-thành Côn-nôn.

**n) Hòn-Vung :** Hòn này ở gần hòn Bà nhưng nhỏ hơn về phía nam của hòn này.

Ngoài mười bốn hòn vừa kể lại còn một ít hòn nhỏ bé, một ít gộp đá tro-trọi, dọc theo bờ biển phía tây của đảo Côn-nôn, nhưng không có tên.

### III.— Ý-NGHĨA TÊN CỦA MỘT ÍT HÒN VỪA KỂ.

#### a) Hòn Côn-nôn :

Người Pháp đã chiếm Quần-đảo Côn-lôn vào ngày 28-11-1861 và sau ngày 5-6-1862 đã sáp nhập nó vào ba tỉnh phía đông của Nam-Kỳ Lục-lĩnh vừa bị chiếm và sau năm 1867 vào địa phận Nam-Kỳ sau khi ba tỉnh phía Tây đã bị Pháp chiếm luôn. Trong thời gian ấy người Pháp gọi hòn Côn-nôn là Poulo-Condore hay là Grande Condore. Poulo Condore cũng được viết là Poulo-Condor rồi lấy tên mà gọi chung cho quần-đảo.

Tuy-nhiên người ta thấy rằng : Cái tên Poulo-Condore là do cái tên xưa Pulao Kundur mà trước kia người Mã-Lai đã đặt cho đảo ấy.

Pulao có nghĩa là : đảo

Kundur có nghĩa là : bầu, bí (courges)

Pulao Kundur có nghĩa là hòn bầu, hòn bí (Ile des courges). Có lẽ trước kia ở đảo ấy người ta đã trồng nhiều bầu, nhiều bí.

Sau người Mã-Lai, người Tàu đã đặt chân lên quần-

đảo Côn-lôn, vào năm 1285, trước người Miên và người Việt. Hạng người Tàu nói trên thuộc về bọn giặc Tàu Ô (Hải-Khẩu) đến chiếm quần đảo Côn-lôn để làm sào huyệt. Nhận thấy phong-cảnh quần-đảo nói trên (đảo nào cũng có núi nổi lên) rất đẹp cho nên họ mới cho nó cái tên là K'ouen louen dịch lại là Côn-lôn.

Người Nam-phần thì gọi đảo này là : Côn-nôn — Theo tạp chí của T.F.E.O. xuất bản tại Sài-gòn thì danh từ Côn-nôn có nghĩa là : Hòn Rắn (Ile des serpents) vì ở đảo Côn-nôn có ít nhứt bốn chục loại rắn.

#### **b) Hòn Bà (Petite Condore) :**

Người ta gọi hòn này là hòn Bà vì đảo này có một cái voi (cái mũi) quay về hướng bắc trên có một tảng đá hình người đàn bà đội khăn đứng trông về hướng bắc.

Tương truyền rằng khi chúa Nguyễn-Ánh bị quân Tây-Son đánh đuổi rất ngặt đã phải vượt biển ra trú ẩn tại đảo Côn-nôn cùng với vợ con. Sau một thời gian ngắn Chúa Nguyễn vượt trùng vi và trở về lục địa để tiếp tục việc phục quốc. Công việc kéo dài trên hai mươi năm và nhà Chúa không có dịp trở lại Côn-đảo để thăm gia-quyển. Ở nơi này, trên mỏm đá vừa kể bà phi của chúa ngày ngày thường ra đó, ngó về hướng bắc để trông chờ tin chúa. Lâu ngày chầy tháng, sức lực mỗi mòn bà mất ở đấy và theo tục truyền thì thân bà đã hóa đá. Có người cho rằng : đó là bà Phi Yến, thứ phi mà Chúa Nguyễn-Ánh. Bà đã dám can ngăn nhà Chúa không nên cầu viện với nước Pháp. Vì thế mà nhà chúa giam bà nơi đây cho đến chết. Ở Côn-đảo, ai ai đều biết tiếng Hòn Bà linh thiêng. Vào năm 1945 hòn ấy vẫn còn hoang vu, cây cối còn rậm rạp, vắng vẻ, phạm-nhơn đi đốn củi ít có dám dể chân đến. Có

người lại quả quyết rằng : « Chiều tối đôi khi nghe có tiếng người kêu heo bên ấy. » (gọi lợn về chuồng)

Vào năm 1945, ở bờ biển phía tây đảo Côn-nôn, trước mặt hòn Bà, có một thung lũng con mà người ta gọi là : Bến Đầm, ngoắt thẳng ra bãi biển mà người Pháp thời ấy gọi là Baie des Dames (chữ Đầm do đó mà ra). Có một cái miếu con độ một căn (một gian), bằng gạch lợp ngói, trong có linh vị nêu rõ tên bà là : Nguyễn-thị-Thành. Ấy là miếu Bà ở Bến Đầm do thầy-chú dựng lên.

Hiện nay ở An-Hải cũng đã có một ngôi miếu thờ Bà.

Sau này người ta có tìm ra ngôi mộ của Bà tại Hòn-Cau và nơi ấy người ta đã đào được một cái mũ và một cái đai bằng vàng, trái với tin Bà hóa đá nói trên. Đồng thời ở Bagne I, tại làng Côn-nôn, người ta đã đào được hai cái chum bằng sứ đựng nhiều ngân tiền và kim tuyến. Tại làng Ông-Hội, trên bãi cát dọc theo mé biển gần đó người ta thấy không biết bao nhiêu là mảnh-chum, lọ cổ bằng sứ màu xanh rất đẹp,

Trên đỉnh núi Chúa, tại trung tâm đảo Côn-nôn, cách châu thành Côn-nôn độ vài kilômét, người ta có tìm thấy một bàn cờ tướng vẽ trên đá.— Tục truyền rằng Chúa Nguyễn-Ánh đã có ngự tại đó. Vì thế, mà đỉnh núi này được gọi là Núi Chúa.

### **c) Hòn Bầy Cạnh :**

Hòn này được liệt vào hạng nhì trong số các đảo lớn nhứt của quần - đảo. Nó có bầy cái mũ hay là bầy cái voi nhô ra như bầy cái cạnh. Vì thế mà nó được gọi là Bầy Cạnh. Ở trên Hòn Bầy Cạnh nhà cầm quyền Pháp có cho xây một hải-dăng để rọi đường cho những tàu bè qua lại gần đó.

**d) Hòn Cau :**

Tức là đảo mà nơi ấy có mọc lên một thứ cau rừng, trái nhỏ, ăn trâu được, và một thứ trâu rừng.

Hòn Cau thuộc về hàng thứ ba trong các đảo lớn của Quần đảo. Nơi đây người ta có cất lên một nhà dưỡng lão cho những phạm nhơn (thường phạm lần chánh trị phạm) từ năm mươi tuổi trở lên. Hạng phạm nhơn này được miễn những công việc nặng nhọc. Ngoài ra còn có một đường dành cho những phạm nhơn mắc phải bệnh nan y như : bệnh lao, bệnh cùi (hủi) v.v...

**e) Hòn Tre lớn và Hòn Tre nhỏ :**

Tức là những đảo trên ấy có mọc một thứ tre rừng, cây nhỏ mà gai nhiều, được dùng trong các công việc đan lát (đan) hoặc cất nhà làm phen v.v...

**f) Hòn Trai :**

Tức là đảo có nhiều con trai (huitres) và nhiều thứ ốc khác, nhất là ốc đụn (ốc xa cừ).

**g) Hòn Bông lang :**

Tức là đảo có hình ổ bánh bông lang cất làm đôi (Bánh bông lang là thứ bánh làm với bột mì, trứng gà và đường hình tròn bằng cái tô (bát tô) thường thấy trong các đám cưới, đám giỗ ở trong Nam)

**h) Hòn Tài lớn, Hòn Tài nhỏ, Hòn Chác hay Hòn Trác lớn và nhỏ.**

Ý nghĩa tên các hòn này không rõ rệt.

**i) Hòn Vung :** Hòn này có hình như một cái vung (couvercle).

**k) Hòn Thỏ :** Ấy là đảo có hình như con thỏ hoặc có nhiều thỏ (Ở hòn Côn-nôn có loại thỏ rừng).

#### IV.— ĐỊA THỂ ĐẢO CÔN-NÔN

Theo khoa Địa chất học thì toàn đảo Côn-nôn (đảo lớn nhất) là một nền móng bằng chất đá hoa cương (roches granitoïdes) thuộc Địa chất đệ Nhứt thời đại (Ere primaire). Cái móng ấy được làm trẻ lại (hình răng cưa) do những cuộc bùng nổ của các núi lửa (hỏa diệm sơn) thuộc về Địa chất đệ Tam thời đại (Ere tertiaire). Chính vào thời đại này mà dãy núi Hy-mã Lạp-sơn, Tuyết sơn hay là Côn-lôn sơn ở biên giới phía bắc Ấn-độ và dãy núi Trường-Sơn hay là Việt-thông-Lĩnh (Chaîne annamitique) đã xuất hiện.

Hiện nay ở đảo Côn-nôn người ta tìm thấy chất huyền-vũ-nham (basalte) một loại đá thường thấy quanh miệng những hỏa-diệm-sơn. Ở đảo nói trên loại đá này xuất hiện dưới hình thức những tảng đá to tướng màu đen xám.

Thực ra xưa kia hòn Côn-nôn gồm hai đảo ở gần nhau. Sau rồi nhờ các lượn sóng ngày đêm đưa chất cát vào làm cho hai đảo nói trên dính liền tại. Việc này đã xảy ra trong Địa chất đệ tứ thời đại (Ere quaternaire). Di tích của hiện trạng nói trên hiện nay là một dãy núi ở vùng đông bắc của đảo Côn-nôn chiếm trọn đầu mũi của đảo ; hai là dãy núi to nhất hình bán nguyệt, chạy từ mũi Chim-Ưng (Bec d'aigle) hay là mũi Cá mập đến mũi Cỏ-Ổng. Hiện giờ hai dãy núi này cách nhau do thung lũng Cỏ-Ổng.

Hòn Bẫy-Cạnh, hòn Tre lớn cũng được tạo nên cùng một cách tương tự. Có điều khác là ở Hòn Tre lớn các đảo, hiện nay được dính lại, trước kia toàn là đảo san-hô (récifs coraliens).

Ở phía đông-nam đảo Côn-nôn có một thung lũng hình bán nguyệt rất rộng, chiều dài độ 8 đến 10 kilômét ;



Chiều ngang độ 2 đến 3 kilômét. Bao quanh thung lũng này là dãy núi to nói trên. Thung lũng này có hình cái ngai (cái ghế dựa, fauteuil) ngó thẳng ra bãi Côn-nôn. Chính ở trung tâm thung lũng này mà châu thành Côn-nôn đã được dựng lên. Dãy núi to bán nguyệt bao quanh Châu thành Côn-nôn chia ra làm ba đoạn hay là rặng phân cách nhau nhờ hai cái đèo : « Đèo Ông Đụng » ở về phía Tây-nam châu thành Côn-nôn và đèo Đất dốc ở phía tây bắc châu thành này.

Đỉnh núi to và uy nghi của rặng trung ương ở sau lưng châu thành Côn-nôn là núi Chúa cao 584 thước, có hai chỏm hình nón. Đứng trên đỉnh núi Chúa mà trông thẳng ra bãi Côn-nôn thì phía trước mặt là hòn Bấy-Cạnh đóng vai một cái bình phong khổng lồ. Phía tay phải (tay mặt) là một rặng núi cao đến 500 trăm thước, bích lập hình răng cưa, lên xuống, uốn khúc như con rồng khổng lồ đang thò đầu xuống biển ngay ở mũi Chim-Ưng hay là mũi Cá-Mập. Phía tay trái (tay tả) là rặng núi thứ ba, thấp hơn chạy dài theo vòng cung từ đèo Đất.dốc đến mũi Cỏ-Ổng.

Nhưng trước khi đến mũi nói trên thì rặng núi này lại chia ra làm ba nhánh ; nhánh phía hữu (ở châu thành Côn-nôn trông rất rõ) chạy dài ra biển và có hình một con voi khổng lồ đang quì, đầu và vòi hướng ra biển. Hai nhánh kia thuộc về phía tả thì chạy song song nhau đến bờ biển tây bắc của đảo.

Có người làm bài thơ vịnh cảnh Côn-nôn như sau :

*Ngắm cảnh Côn-nôn thật qui mầu,  
Oai-phong, hùng-vĩ, thiếu gì đâu.  
Rồng xanh, Cọp trắng châu đôi phía,*



Nhóm quần - đảo : Hòn Bông - Lang, Hòn Tái Lớn, Hòn Tái Nhỏ, Hòn  
Chúc ở trước mặt châu-thành Côn-lôn (nay là Côn-sơn).

(Ảnh của Tổng nhà Thông-Tin Việt-Nam).



*Phụng đở, Rùa đen ngừ trước sau.  
Cần sóng, ngăn mưa nhờ Bầy-Cạnh,  
Chặn mây, đón gió, cạy Ông Cầu (1)  
Cảnh thiêng sớm được Cao-Hoàng ngự,  
Thanh sử lưu danh Á lẫn Âu.*

1) **Ông Cầu** : Ông Cầu ở phía sau Núi Chúa, ngó ra bãi Ông Cầu, phía tây bắc châu-thành Côn-nôn.

Dưới chân các rặng núi vừa kề có nhiều động cát pha lẫn đất đỏ có thể trồng trọt được.

Thi dụ : Bến Đầm ở về phía tây nam, Ông Cầu ở về phía tây của đảo Côn-nôn và Đất-dốc, một thung lũng con ở giữa hai rặng núi song hành vừa kề.

Đại để, ở đảo Côn-nôn có hai đỉnh núi cao hơn 500 thước và ba đỉnh khác cao độ 400 thước.

Giữa hòn Côn-nôn và hòn Bầy Cạnh có một bãi cát bắt đầu từ bờ biển Côn-nôn mà lan rộng ra ngoài khơi có đến hai kilômét khi thủy triều hạ xuống. Căn cứ vào đó người ta nói rằng : « Một ngày kia hòn Bầy cạnh sẽ dính liền với đảo Côn-nôn, như việc đã xảy ra cho nhiều đảo ; và phải ít nhứt một thời gian là hai trăm năm. » Giữa đảo Côn-nôn và hòn Bầy-Cạnh đáy biển không sâu lắm. Vì thế mà các tàu lớn không thể cập bến Côn-nôn được. Trái lại, các tàu ấy phải đậu tại Vũng-Đông-Nam cách châu thành Côn-nôn một kilômét, ở ngoài khơi, trước hòn đá trắng (tảng đá sơn trắng để làm dấu hiệu cho các tàu bè đậu nơi đó) sau khi đã phải theo lòng lạch chạy dài từ mũi Cỏ-ống đến hòn Bầy-Cạnh rồi đến mũi Chim-Ừng, hay là Mũi Cá-Mập.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Nói tóm lại, về phương diện địa-lý và địa-chất-học, quần đảo Côn-lôn là phần-chi cuối cùng của dãy núi Trường Sơn. Hình thể các núi trên quần đảo giống hệt các dãy núi tại Trung Việt và thuộc về Địa chất đệ Tam thời đại. Các núi hình răng cưa xen lẫn với một ít đồi núi hình tròn và trọc thuộc Địa chất đệ Nhứt thời đại. Vì là các thành phần của quần-đảo, các hòn núi nói trên hằng ngày đều chịu ảnh hưởng của sóng gió và cát. Sự thay hình đổi dạng vì thế mà có thể xảy ra sau một thời gian lâu hoặc mau.

Cũng như các dãy núi Trung-Việt, các dãy núi trên quần đảo Côn-lôn có nhiều khoáng sản.

..

## CHƯƠNG THỨ II

### KHÍ HẬU — SÔNG NGÒI

#### I.— KHÍ HẬU

Quần đảo Côn-lôn có khí hậu hải đảo. Bốn bề có gió biển thổi rất mát mẻ như ở Châu thành Côn-nôn.

Quần đảo có gió mùa thổi chung cho cả biển Trung-Hoa như ngọn gió từ Tây-nam đến Đông-bắc, từ tháng 5 đến tháng 9 dương-lịch ; và ngọn gió thổi từ Đông-bắc trở lại Tây-nam, từ tháng 10 đến tháng tư dương-lịch.

Ngọn gió mùa thứ hai này thổi rất mạnh, nhiều khi có bão tố. Năm 1931 có một trận bão kinh khủng đi qua đảo Côn-nôn với một tốc độ từ 7 kilômét đến 70 kilômét

một giờ. Trận bão ấy đã làm sập một khám đường có tường dày 6 tấc tây bằng đá hoa cương và làm thiệt mạng 300 tội nhơn ở trong ấy. Năm 1944 di tích khám đường này cất sát mé biển hầy còn.

Ngoài ra, dọc theo các con đường trải đá của châu thành Côn-nôn người ta còn thấy những cây bàng, cây thị, có dấu bị gãy ngang độ ba thước tây từ mặt đất trở lên. Vì lẽ đó mà các khám đường, các công thự ở côn-đảo đều được xây bằng đá hoa cương, tường dày có đến 6 tấc tây và trên lợp bằng một thứ ngói lớn miếng, dày và thật nặng, theo kiểu ngói Marseille. Mỗi miếng ngói đều được cột dính với cây rui bằng dây sắt.

Ở Côn-nôn, mỗi năm mưa được hai thước nước trên một phân vuông, bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 11 dương-lịch. Những trận mưa lớn nhứt thường xảy ra trong tuần tháng 8 dương-lịch và thuộc vào loại mưa các miền nhiệt đới (mưa như nước lũ trong nhiều ngày).

Ở Côn-nôn, vào mùa nắng, khí hậu rất mát mẻ. Từ tháng 11 đến tháng 3 dương-lịch trung bình chỉ có 24° nhiệt độ. Qua tháng 5 dương-lịch trời nắng oi, nhiệt độ lên đến 34°. Trái lại về tháng hai trước đó, khí trời mát mẻ có hơi rét (lạnh). Nhiệt độ trung bình là 22°.

Điều đáng chú ý là : Ở Côn-nôn thời tiết có thể biến chuyển một cách đột ngột trong một ngày.

## II.— SÔNG NGÒI

Về sông ngòi thì tại đảo Côn-nôn có hai cái suối bắt nguồn từ dãy núi phía hậu Châu thành Côn nôn, một cái suối từ trong núi chảy ngang qua sở Tiêu, Lò gạch rồi

xuyên qua đồng cát sau châu thành Côn-nôn và đổ thẳng ra biển, gần Sở Muối. Cái suối thứ hai bắt nguồn từ chân núi Chúa, xuyên qua Sở Ruộng rồi chạy thẳng ra cống Lò-Bò để đổ ra biển, gần núi Lò Voi.

Ngoài ra, trên Cao-nguyên (cao độ 80 thước mà người Pháp gọi là Plateau de Vanilles vì nơi ấy trước kia có trồng cây Vanillier) có một cái hồ thiên nhiên, quanh năm có nước. Phải chăng đó là miệng của một hỏa diệm sơn đã tắt? Ý nghĩ ấy có thể đúng là vì loại đá chung quanh hồ ấy thuộc về loại huyền vũ nham (roches basaltiques) chứng minh sự có mặt một hỏa diệm sơn.

## KẾT-LUẬN CHƯƠNG II

Châu-vi đảo Côn-nôn rất hẹp lại bị núi non bao phủ cho nên trừ châu-thành Côn-nôn ra các nơi khác đều có khí hậu vùng lam-chương. Ngoài ra, toàn quần đảo đều ở trong vùng nhiệt đới cho nên mưa nhiều, nắng gắt, bão tố bất thường, nhiều khi có hại cho người. Tại châu-thành Côn-nôn khí hậu mát mẻ, dễ chịu. Nhưng khi hậu ấy không hợp mấy cho sự trú ngụ trường-kỳ.

Sông ngòi trên đảo Côn-nôn không đáng kể. Đáng kể nhất là cái hồ trên cao nguyên Vanilles chứng-minh rằng quần-đảo Côn-lôn thuộc hệ-thống các hỏa-diệm-sơn quanh Thái-bình-Dương.

Ngày nào ở Côn-đảo các ao chum được lấp hết và loài muỗi đòn xóc không còn nữa, ngày nào mà các thung lũng được dễ-dàng thông đồng với châu-thành Côn-nôn và tình trạng lam-chương ở các nơi ấy không còn nữa thì ngày ấy đảo Côn-nôn sẽ là một nơi du-lịch tốt.

## CHƯƠNG THỨ III

---

# KHOÁNG-SẢN – THỔ-SẢN THÚ - CẦM – THỦY - TỘC

### I. — KHOÁNG SẢN

Đá núi Chúa ở đảo Côn-nôn thuộc loại hoa cương-thạch. Thỉnh-lhoảng người ta có tìm thấy chất *vàng-gấm* (pyrite ou sulfure de fer) và nhiều điểm vàng y, nhưng còn non. Nước trong núi Chúa chảy ra màu trắng đục như nước dừa. Nước ấy từ sớm đến chiều, đổi màu sắc ba lần và uống rất ngọt, nhưng rất độc. Chắc-chắn trong nước ấy có nhiều khoáng-sản nhưng chưa phân chất được. Bởi có ấy nhiều phạm nhân bị đày ra đó uống phải nước này bị bệnh ngã nước và chết rất nhiều.

Ở tại Sở-Tiên, (sở trồng hồ-tiên) có một cái giếng nước có màu như trên. Theo lời các phạm nhân ở sở này nói lại thì đến năm 1944 cái giếng ấy đã giết chết có trên hai trăm người rồi !

Ở Côn-nôn người ta tin rằng : Núi Lò Voi, hình voi phục, có vàng. Trên núi ấy bốn mùa tám tiết đất vẫn tro-troi, không một thảo mộc nào sống được.

Có người nói rằng : « Một đạo nọ có người ngoại-quốc đến viếng quần-đảo và xin khấn hoặc mua đoạn mãi hòn núi này, nhưng nhà cầm quyền Pháp thời ấy không khứng ».

### II. — THỔ SẢN.

#### a) Nông sản :

Tại đảo Côn-nôn, về nông sản người ta kể : Chuối lá



Xiêm hay là chuối sứ, đu đủ, măng cầu (quả na) khoai lang, khoai mì, củ sắn (củ đậu), khoai mỡ, khoai môn (khoai sọ), các thứ bầu, bí, mướp (mướp hương, mướp tây, mướp đắng hay khổ-quả), các thứ dưa (dưa chuột, dưa gang, dưa hường, dưa hấu), các thứ cà (cà trắng, cà nâu, cà chua), các thứ cải (cải diếp, cải nõi, cải bông, cải bẹ trắng, cải bẹ xanh, cải củ trắng, cải cúc, cải rổ), các thứ rau ta (rau răm, rau muống, rau dền, rau húng cây, húng lủi, rau vấp cá, rau, rau lang), và các thứ hoa như hoa hồng là hoa hường thuộc loại hoa Đà-Lạt.

Tại vườn rau của viên Giám-Đốc Quần-Đảo và Khám Đường Côn-nôn, từ năm 1945 trở về trước, đã có trồng một vườn nho trắng trái không lớn lắm, nhưng có thể dùng làm rượu nho được mỗi năm có đến vài trăm lít.

Ở những khoảnh đất thịt (đất sét đỏ) giữa Sở-Tiêu và châu-thành Côn-Nôn, thường có nước quanh năm được người ta vỡ ruộng để trồng lúa. Năm 1945 có đến 500 mẫu tây ruộng lúa và cả trăm con trâu. Nhưng vào năm 1945, số lúa thu hoạch được chỉ đủ nuôi 6000 phạm nhân trong một tháng mà thôi. Quanh năm phần lớn lúa gạo đều do Chính-phủ Saigon tiếp tế bằng tàu thủy.

Ở các triền núi, các thung lũng nhỏ như Sở Tiêu, Ông Đụng, Đất-Dốc, Cỏ-Ông v.v... có loại đất đỏ do chất huyền vũ-nham lâu ngày biến thành. Nơi ấy sự trồng trọt rất dễ vì loại đất đỏ rất hợp với sự trồng lúa, rau đậu, khoai củ v.v... Ở các nơi đất cao thì người ta trồng chuối, mít, khoai mì, khoai mỡ, khoai lang, củ sắn (củ đậu) và hồ-tiêu (tiêu.sọ), bí rợ (bí đỏ), bắp nếp (bắp trắng) và các thứ đậu (đậu xanh, đậu đũa, đậu ván), thơm dứa v.v...

Ở một ít nơi người ta có trồng dâu để nuôi tằm, trồng bông vải, trồng café, trồng vanille.

**b) Lâm sản :**

Ở Côn-đảo có đến 36 thứ gỗ đại loại như sau :

*Hạng danh mộc* : Tức là những loại gỗ quý dùng làm bàn ghế, nhà cửa như : gỗ găng (thịt đỏ và cứng như cam-xe trong đất liền) gỗ mun, gỗ thị v.v...

*Hạng tạp mộc* : Tức là các loại gỗ thường dùng để đun bếp, đốt than, đốt nhà máy điện, hầm vôi v.v... Người ta kể : da tày, cò-ke, sim, cây bàng, đung đỉnh v.v...

*Tre* : Ở Côn-đảo có đủ loài tre rừng cây nhỏ mà gai nhiều giống như loại tre là-a thường thấy ở rừng tỉnh Bà-rịa (Phước Tuy) và quận Long Thành (tỉnh Biên-Hòa).

Măng tre này ăn rất ngon gọi là măng là-a.

Hòn Bà và các Hòn Tre lớn và Tre nhỏ đều đầy đầy loại tre này.

*Mây (rotins)*. Ở Côn-đảo có nhiều loại mây : nhỏ bằng ngón tay, chiếc dũa thì gọi là mây tàu, lớn bằng ngón tay cái thì gọi là mây cát. Hai loại mây này được dùng trong sự đương đất. Loại mây thứ ba lớn bằng cổ tay trẻ con, có hoa ngoài da gọi là « mây chà vong » dùng làm các loại ghế ngồi như ghế Thonet, ghế xích đu, bàn trong phòng khách và gậy cầm tay.

*Cây đung-đỉnh hay là móc-đen* : Loại cây này mọc thành rừng dưới chân các rặng núi. Người ta chặt cổ hủ những cây ấy đem về nấu cháo hoặc làm món ăn khác (chou palmiste).

**Các vị thuốc :**

Ở Côn-đảo có nhiều loại thảo-mộc có thể dùng làm vị thuốc Nam và vị thuốc Bắc, Người ta kể : Cam-thảo, Sài-hồ, Hà-thủ ô, Nhan-trần, Phòng-đẫn sâm, bạch-bì-sâm,

Đỗ-trọng, Hương-phụ, Mao-căn, Hoài-sơn, dây thần-thông v.v... và các lá cây dùng làm thuốc Nam, kể không xiết.

Tại hòn Bầy-Cạnh có một thứ ngải, củ to lắm thì bằng ngón tay út là cùng, ruột màu xanh hơi vàng, và chứa một chất dầu rất thơm, giống mùi đậu khấu. Thứ ngải này trị bá chứng, nhứt là đau bụng, ỉa mửa, cảm gió, nóng lạnh và được gọi là « Ngải Bầy-Cạnh ». Ấy là thứ ngải danh tiếng nhứt ở Côn-đảo.

Ở Hòn-Cau cũng có một thứ ngải hình tròn, công dụng cũng tương tự như ngải Bầy-Cạnh nhưng không công hiệu bằng.

Vào năm 1944 vì sự tiếp tế thuốc men cho toàn đảo trở nên khó khăn (Tàu tiếp tế ở Sài-gòn ra đến biển nhiều khi bị phi cơ Đồng-Minh liệng bom đánh chìm) cho nên viên Chánh-sở Truy-nã Côn-đảo (Service des Recherches) bèn cho dựng lên một cái trại chuyên nhặt tất cả những vị thuốc Nam và thuốc Bắc hiện có tại đảo để tạm thời trị bệnh cho các Phạm nhân.

Cũng như ở Hòn-Cau, ở Côn-đảo cũng có cau rừng, trâu rừng và chuối rừng. Loại chuối này trái rất nhỏ và ăn không ngon.

### III. THƯỢNG CẦM — HẠ THÚ.

#### a) Thượng cầm

*Thú nhạ:* Ấy là những loại được mang từ Sài-gòn ra như : gà, vịt, ngỗng, gà tây, bò câu.

Để cho nhân dân toàn đảo có thịt ăn, nhà cầm quyền thời ấy khuyến khích các nhân viên các sở và các phạm nhân trông coi các trại trồng rau, cải, nuôi gà, vịt, ngỗng để có thịt và có trứng ăn.



Hòn Bà đường vô HONG ĐẰM nơi giam bà Phi-Yến.  
(Ảnh của Tổng Nha Thông Tin Việt-Nam)



*Thú rừng* : Người ta kể : chim cắc-ca, gà rừng, con cuồng, con sáu, cu xanh (pignons verts), cu đất, cu ngói, cò ngà (aigrette) chim sơn ca (chim chà chuyện), chim sâu, chim se sẻ, chim yến (chim én) hay là hải-yến.

*Chim cắc-ca* : Loại chim này to như con sáo, ức trắng, cổ trắng, cánh đen thường ở trên những đỉnh cao. Chúng chỉ xuất hiện trong những trường hợp đặc biệt. Thí dụ : khi trời mưa tầm tã, cánh trời mù mịt suốt ngày đêm, bỗng chút chim cắc ca xuất hiện và kêu lên mấy tiếng thì trong ít tiếng đồng hồ sau trời quang mây tạnh. Trái lại, nếu trời nắng chang chang, oi ả, mà chim ấy lại bay lên không trung và cấn lộn nhau thì trong vài tiếng đồng hồ sau trời sẽ vẫn vũ chuyển mưa. Đôi khi có bão tố. Hai hiện tượng ấy đã được người ta đặc biệt chú ý và nói rằng :

« Sáo (grue) kêu trời nắng ; sáo cấn trời mưa ».

Các ông già bà cả ở miệt Long-Thành, Phước-Tuy đều biết câu ấy và ngay ở Côn-Nôn người ta cũng công nhận như vậy.

Có người cho rằng : Khi người Anh-Cát-Lợi đến chiếm quần đảo Côn-lôn (trước người Pháp) rồi sau 20 năm lại bỏ mà đi, đã để ý đến loại chim này và tưởng chúng là cùng một loại với loại kên kên, thứ chim ăn thịt thối ở Ấn-Độ gọi là Condor. Vì thế mà đảo Côn-nôn cũng gọi là Poulo-Condor.

*Gà rừng* : Loại thượng cầm này có rất nhiều ở Hòn-Bà. Những phạm nhân đi đốn cây gần đấy thường nghe gà rừng gáy rân bên ấy.

*Chim yến, chim én hay là hải-yến* : (Salangane) Loại chim này thường làm ổ (tổ) ở dưới các vồ đá cheo leo trên mặt biển các đảo nhỏ như Hòn Tỏi-Lớn, Hòn

Tài Nhỏ, Hòn Chác và Hòn Cau. Đến mùa đi lấy ồ yến nhà cầm quyền Côn-đảo phái một số phạm nhân đi thuyền ra các nơi ấy, dùng cách thức khéo léo, nhưng rất nguy hiểm để leo lên gỡ các ồ yến ấy. Sơ ý một chút các phạm nhân nói trên sẽ rơi ngay xuống biển và làm mồi cho cá mập đang chực sẵn ở phía dưới.

### b) Hạ thú

*Thú nhà* : Người ta kể : chó, mèo, dê, lợn, bò, trâu mang ở Saigon ra.

Vào năm 1945 tại Côn-Đảo có đến trăm con trâu dùng để cày 500 mẫu ruộng. Sau ngày Nhứt đảo Chánh 9 tháng 3 năm 1945 việc chăn giữ không còn chặt chẽ như trước và trâu ấy được tự do vào sống trong rừng. Năm 1947, sau khi nhà cầm quyền Pháp trở lại Côn-đảo thì bầy trâu hoang này đã trở thành một tai họa cho sự trồng trọt trên toàn đảo và người ta đã phải dùng súng trường hạ sát chúng như trong một cuộc săn bắn ở trong đất vầy.

*Thú rừng* : Người ta kể : lợn rừng, khỉ, thỏ rừng, sóc con, sóc mun to, cắc kè (kecko), rắn mối, thằn-lằn bay, rắn.

*Loại khỉ* : Vào thập thất thế-kỷ loài khỉ rất đông ở Côn-đảo cho đến đôi khi người Anh-Cát-lợi mới đến lần đầu tiên tại Vũng Cỏ-Ổng đã phải mau mau xuống tàu vì họ bị bầy khỉ tấn công mãnh-liệt !

Đến nay loài khỉ ấy không còn bao nhiêu. Có lẽ là từ năm này sang năm khác loài khỉ ấy đã bị người ta bắn giết lần lần để ăn thịt.

*Lợn rừng* (heo rừng) : Trước kia chúng thuộc loại heo nhà. Nhưng vào năm 1931 tại Côn-đảo có bảo tổ lớn

các con heo nhà bèn chạy vào rừng ẩn-trú và trở nên heo rừng. Hiện nay chúng tụ tập tại Hòn-Bà và thỉnh thoảng có người săn được. Có người cho rằng : « Muốn bắt được heo rừng tại Hòn-Bà phải khấn vái Bà thì mới được ».

*Thần-lân bay hay Cắc kè bay* : loại này to bằng ngón tay cái, có hai cánh bằng thứ da mỏng dính liền với thân mình và hai chân trước. Mỗi khi chúng bị rượt bắt thì chúng giương hai cánh ra và bay từ cành cây này sang cành cây khác.

Loại này được người ta bắt ngâm rượu để làm thuốc trừ bệnh lao.

*Loại rắn* : Ở Côn-đảo có đến bốn chục loại rắn trong số có loại trăn (python) nữa.

Nhưng có một điều lạ này là loại rắn ấy thường trốn trong hang và người ta ít khi gặp chúng. Từ năm 1862 đến nay khám đường đã được nhà cầm quyền Pháp dựng lên và mỗi năm số tội nhân bị đưa ra đó có đến mấy ngàn người (Năm 1945 số tội nhân tổng cộng là 6.000 người) mà trên 80 năm không nghe ai bị rắn cắn chết bao giờ, ngoại trừ trường hợp hết sức đặc biệt xảy ra ở hòn Cau.

Ở hòn-đảo nói trên người ta kể lại một chuyện như sau : có một con rắn rất lớn ở dưới hang nhưng không làm hại ai. Bữa nọ vì tính nghịch ngợm một phạm nhân tìm cách đốt con rắn ấy cụt mất khúc đuôi. Con rắn ấy bèn trả thù bằng cách nuốt trọn người ấy. Con rắn nói trên được nhân-viên và các phạm nhân ở Hòn Cau cho cái tên là « ông Cụt ».

Về vấn đề : « Ở Côn-đảo các loại rắn không làm hại



người » mà nhà cầm-quyền Pháp cũng đã nhìn nhận như vậy có một câu chuyện truyền khẩu như sau :

« Khi chúa Nguyễn-Ánh ngự ra Côn-đảo để trốn giặc « thì Ngài nghĩ rằng : sau này con dân nước Việt sẽ theo « gương Ngài mà ra đây cho nên Ngài mới khẩn vớ « Trời Đất và Thổ-Võ thần-kỳ đừng cho ác thú tại đây « làm hại tính mạng người sau này ».

« Có người lại nói rằng : « Trước năm 1944 mỗi năm « hễ đến ngọn gió mùa thổi từ Côn-đảo vào đất liền (miệt « Bạc-Liêu) thì luôn luôn một số tội nhân vượt ngục « về đất ».

« Để ngăn cản việc vượt ngục ấy, nhà Cầm-Quyền Pháp « ở Saigon có cho mang ra Côn-đảo mười con cạp và thả « chúng vào rừng. Làm như thế nhà cầm quyền thời ấy « mượn mười con ác thú nói trên thanh toán giùm những « phạm nhân cả gan trốn lên rừng đóng bè vượt ngục ! « Nhưng kết quả rất là buồn cười ! Không thấy nói có phạm « nhơn nào bị cạp ăn ! Trái lại số cạp ấy chết lần chết hồi « hết có lẽ vì thiếu mồi. Một con cạp còn sống sót, vì đói « phải xuống biển trong khi nước ròng để tìm cua, ốc dờ « dạ. Cạp ấy mó tay vào miệng một con ốc tai tượng khổng « lồ (Bénitier) to bằng một cái nón lá để móc ruột ăn thì « liền bị con ốc ấy khép miệng lại. Cạp ta đau quá không « thể rút tay ra đành phải ngồi đó chịu cho nước thủy triều « lên ngập quá đầu rồi chết ! »

*Con rết khổng lồ* : Năm 1883 phạm nhơn Trần-văn-Còn đã dùng lưới bắt được một con rết (hay là rít) bề dài đo được 19 thước tây, bề ngang đo được mấy tấc tây. Vỏ con rết ấy vàng và cứng như đồng (như thau). Con rết ấy bị đập chết và chia ra nhiều khúc cho phạm nhơn để ăn thịt. Theo lời nhiều người nói thịt rết ăn ngon như thịt

gà vậy. Nhà Cầm quyền Pháp ở Côn-đảo cho biết rằng : Con rết nói trên trước kia ở tại một hòn đảo gần đảo Côn-nôn. Vì đảo này thường bị bão tố và tro rơi không có gì ăn nên rết ta mới bỏ đảo đó lội qua biển để lên ẩn trú trên Côn-đảo.

#### IV.— LOÀI THỦY TỘC

##### a) Loài cá nước ngọt :

Người ta kể : Cá lóc (cá chuối, cá quả) cá trê, cá rô, cá sặt được mang từ Saigon ra và được nuôi ở trong các ao con chung quanh châu thành Côn-nôn. Loại cá rô được nuôi trong những giếng nước ăn để chúng ăn những con bọ gậy (con lăng-quăng) và các trứng muỗi sinh ra bệnh sốt rét.

Năm 1943 nhà cầm quyền Pháp ở Côn đảo có cho đào một cái hồ nuôi cá nước ngọt mang từ Saigon ra. Hồ này cách châu thành Côn-nôn độ 1 kilômét nay gọi là hồ Vidal.

##### b) Các loại cá biển.

Các loại này đông không xiết kể và gồm có : cá voi, cá kình, cá mập, cá xà, cá đuối (raie), cá đao (espadon), cá cưa (la scie) mà người ta cũng gọi là cá đao nữa, cá thu, cá chẻm, cá hồng (cá hường), cá vang, cá rô bẻ, cá bẻ, cá vồ, cá út, cá ngát, cá mòi, (cá mòi dầu, cá mòi xanh kỳ, cá mòi trứng, cá mòi hộp), cá nục, cá đỏ dạ, cá chan chát, cá thù đừ, cá lòn bơn, cá chình, cá lạt, cá mòi gà, cá côm hay cá bạc, cá hanh, cá chia vôi, cá mú, cá nóc, cá mùi, (loại cá nhỏ bằng ngón tay mà có màu xanh đỏ vàng trông rất đẹp), cá mặt quỷ, cá đầu rồng v.v..

*Cá voi* : Cá voi hay là cá ông (Baleine) thì thỉnh thoảng mới vào vùng Côn-nôn nhưng ở ngoài khơi cách

châu thành độ vài ba kilômét về phía hòn Bầy-cạnh. Người ta được biết cá voi đến là nhờ vòi nước mà cá ấy xịt lên không trung khỏi mặt biển. Khi thấy cá ông « lên vọi » thì nhơn viên sở lưới ở Côn-đảo mau mau lên thuyền lưới ra đến đó, bủa lưới xuống thì chắc chắn bắt được nhiều cá.

Các nhà thuyền chài thiện nghệ giải thích việc ấy như sau : « mỗi khi cá ông đi đâu thì phía trước đầu có cặp cá đao rất lớn (la scie); kể đó là một cặp mực thật to (poulpes). Rồi sau mới đến Cá ông . Cặp cá đao có bốn phần dùng cái gương (la scie) của chúng mà lừa các loài cá nhỏ đi ngay vào miệng khổng lồ của cá ông. Cặp mực có bốn phần là trong lúc đó phun chất mực đen ra trong nước biển khiến các loại cá con không thấy đường đi mà phải chạy ngay vào miệng Cá ông. Khi miệng Cá ông đã đầy cá con thì tất nhiên phải ngậm lại. Vì có đó mà Cá ông phải xịt nước trong miệng ra để ăn lấy các thứ cá,— Vì thế mới có sự : « Cá ông lên vọi ».

*Cá kinh* : (Cachalot) (Chien de mer) tức là loại cá lớn, rất khỏe, mình tròn, đầu bằng mà to ở phía trước. Miệng ở dưới đầu và hai mắt ở hai bên. Nhà thuyền chài thường lằm cá Kinh với cá Voi. Có điều khác là cá Kinh hại người, hay nhặn thuyền chìm để ăn người. Trái lại Cá Voi chẳng những không ăn người mà lại còn cứu người và các ghe thuyền bị bão tố nữa.

Vào năm 1944 một con cá kinh đi lạc vào eo biển (cái khe) giữa Côn đảo và Hòn-Bà. Khi nước thủy triều hạ xuống cá ấy đành phải mắc cạn trong khe nói trên. Nhà cầm quyền Côn đảo bèn dùng súng trường (mousqueton) hạ sát cá ấy. Việc xong, cá ấy được chặt ra làm hai khúc to để đem về Côn-Nôn phát cho phạm nhân làm thức ăn.



Ở đường mặt tiền Côn - Nón (gần lò vôi) ngó ra biển trông thấy  
Hòn Bảy Cạnh và ở xa phía sau là Hòn Cau.



Ở các chùa Phật trong nước ta người ta thường đóng chuông (nền chung) bằng cái chày hình dáng như sau : Hai đầu lớn tròn và bằng, khoảng giữa thì nhỏ để tay cầm cho tiện. Chày ấy gọi là chày Kinh. Trên cái chuông (đại đồng chung) thay vì một cái quay thường, người ta tượng hình một con thú thuộc loài thủy tộc, tương tự như con rồng gọi là con « Bồ lau ». Ở dưới biển khi bị cá kinh rượt bắt thì con Bồ-lau chạy và kêu lên. Đó là câu chuyện tượng trưng cho việc chày kinh đóng chuông (nền chung).

Trong bài thơ « Lão Kỵ qui-y » của thi sĩ Tôn-Thọ-Tường có câu :

*« Chày kinh đóng tĩnh giắc Vu-san,  
« Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng  
. . . . . v. v.*

Chày Kinh ám chỉ chày đóng chuông hình con cá Kinh nói trên.

Khi Bà Triệu Âu nói : « Chém cá Thần Kinh ở bể đông » là ám chỉ loại cá này.

*Cá mập* : (Requin) Tức là loài cá to dài có đến sáu, bảy thước tây đầu dẹp và nhọn. Hai con mắt ở hai bên đầu. Miệng ở phía dưới đầu có 12 hàm răng rất sắc và không có mang hai bên má như loại cá thường. Bề ngang mình cá này có đến 7, 8 tấc tây. Da nó dày độ nửa phân tây, màu xanh lục đậm, thịt nó đỏ như thịt bò nhưng khai lắm (mùi nước tiểu). Loại cá mập rất hung tợn và hay ăn tạp. Bất cứ vật gì rớt xuống biển thì bị chúng đón ngay dù đó là xác người, xác thú, giày rách, áo quần, hoặc cục đá.

Ở Đảo Côn-nôn loại cá này rất nhiều, nhứt là ở trước Mũi Chim-Ứng (Bec d'Aigle) mà ta gọi là mũi Cá mập và gần hòn Tài, hòn Chác.

Đôi khi nước thủy triều hạ xuống, ở ngoài khơi, người ta thấy cá mập bày khải mặt nước cái kỳ trên lưng của chúng.

Vào năm 1945, sau ngày Nhứt đảo Chánh, tưởng thế là yên, một chánh trị phạm bèn đóng bè bằng cây chuối tươi và nung bè ấy để lộn qua hòn Bầy-Cạnh để rồi từ đó tìm cách về đất. Nhưng vừa ra khỏi mé biển thì bè bị sóng đánh tan rã ! Người ấy bị cá mập xoi ngay !

Ở Côn-đảo nếu cá-mập lúc nào cũng chực sẵn để xoi người thì người cũng tìm cách xoi lại cá mập !

Vào năm 1945 vì các chuyến tàu tiếp tế lương thực cho Côn-nôn thường bị phi cơ Đồng Minh đánh chìm và toàn thể quần đảo thiếu thực phẩm, nhứt là thịt, nhà cầm quyền mới nghĩ cách câu cá- mập tại mũi nói trên.

Nhợ câu là một sợi giây xích dài và to. Cắn câu là một đòn gỗ to, một đầu thì gie ra ngoài xa trên mặt biển, một đầu thì được cột vào gốc một đại thọ. Lưỡi câu gồm nhiều móc bằng thép rất sắc. Mồi là một miếng thịt bò, thịt lợn hoặc là thịt vịt để ươn, móc vào chùm lưỡi câu vừa nói. Khi mồi được thả xuống nước thì sau đó, không lâu, cá mập đánh hơi đến dớp ngay.

Khi chúng mắc câu rồi chúng vùng vẫy ầm-ầm trên mặt nước. Người thợ câu bèn cho người chạy về Côn-nôn phi-báo. Tức thời nhà Cầm-quyền cho tàu chạy đến, quần sợi giây lòi tời nói trên vào bần trục trên tàu và trục lên. Khi cá mập bị kéo lên khỏi nước thì người ta dùng súng trường hạ sát nó ngay. Đoạn người ta đem nó lên tàu và chở về Côn-nôn để phân phát cho các sở, các trại làm món ăn. Mấy cái vây (vì) của nó thì được cắt ra và phơi khô, gỏi về bán cho các cao-lâu ở Chợ-Lớn.

Da của nó người ta lột ra và thuộc để làm một thứ da đóng giày rất chắc.

*Cá Cui hay là Cá Lợn* : (hải tru). Ở Côn-đảo thỉnh-thoảng người ta lưới được Cá cui. Tuy nói là cá vì loài này sống ở dưới nước nhưng kỳ thật nó thuộc về loại có vú nghĩa là loại hạ thú, cùng một loại với loại phoque, morse, mình có một ít lông Da nó dày lắm có đến 6, 7, phân tây. Bởi thế người ta mới nói: « Dày như da cá cui ». Xương nó không tí gì giống xương cá và trái lại, giống xương lợn. Thịt nó đỏ như thịt bò, toàn nạc, ít mỡ.

Ở Côn-đảo người ta thích ăn thịt cá cui mỗi khi lưới được. Mỡ, da và xương cá cui dùng trị bệnh ghẻ và các chứng trái nhứt là trái giống.

Hai cái nanh của nó người ta dùng làm ống điều rất đẹp. Lâu ngày nó lên nước đỏ ao, Xương của nó, khúc lớn thì được trau ra thành những chiếc vòng xương, khúc nhỏ thì được trau ra thành cà rá. Lâu ngày các đồ nữ trang này lên nước như ngà vậy.

*Cá mòi hộp* : (Sardine) Loại cá này to bằng ngón tay, lưng màu xanh hơi đen, bụng trắng. Chúng thường đi từng bầy hết sức đông và thỉnh-thoảng mới đến bãi Côn-nôn.

Người ta biết được chúng đến nhờ bầy cò trắng bay liện trên mặt nước. Chúng đến đâu thì bầy cò trắng đến đó. Lại nữa, nơi chúng đến thì nước biển có màu xanh đen, đứng xa trông thấy được. Khi thấy hai triệu chứng ấy nhà thuyền chài Côn-đảo cấp tốc ra khơi và lưới được nhiều cá ấy.

Ở Côn-đảo vì chưa có kỹ-nghệ làm cá hộp cho nên khi bắt được cá này người ta chỉ kho nó với nước mắm rồi ăn thôi.



*Cá Chan-chát* : Loại cá này to bằng ba ngón tay, mình đẹp, trắng, dài độ hai tấc tây. Loại cá này thường đi từng bầy, rất đông.

Năm 1944 tại bãi Cỏ.Ống người ta lưới được trên mười xe bò cá này.

*Loại cá mùi* : (cá màu) Loại cá này gồm những cá lớn nhút bằng ngón tay út, nhỏ nhút bằng chiếc đũa ăn, màu sắc xanh, đỏ hoặc tím, vàng, rất tươi. Chúng thường bơi lội trong các vũng nước con trên bãi cát sau khi thủy triều đã hạ xuống.

*Cá mặt quỷ, cá đầu rồng* : Cá mặt quỷ có một cái đầu, một bộ mặt vằn-vện, u nần trông rất ghê sợ.

Cá đầu rồng là loại cá có cái đầu giống như đầu của con rồng, con lân mà ta thấy làm bằng giấy hoặc vẽ trong tranh.

*Cá nóc lồng đèn — Cá ốc mít* : Cá nóc lồng đèn lớn như trái dứa to, màu xám, da có gai, mỗ như mỗ kết, rất sắc, Loại cá này rất nguy hiểm. Người nào lặn xuống nước bị phải cá này cắn thì phải mất một miếng thịt khá to và chỗ ấy sẽ thành một lỗ hủng sâu.

Người ta gọi nó là cá nóc lồng đèn là vì khi bắt được nó người ta xẻ lấy thịt ra một cách khéo và da nó, một khi phơi khô, sẽ trở thành một cái bong bóng trong ấy người ta thắp đèn nến.

Cá ốc mít là loại cá nóc nhỏ, to bằng cổ tay, da có gai màu vàng, có nhiều đốm đen.

Cá nóc lồng đèn, mà người Pháp gọi là Tétrodon và cá ốc mít có thịt ăn được, sau khi người ta lột bỏ da bên ngoài và nhút là bỏ cái mặt của nó. Ai ăn phải mặt của nó

thì chết ngay. Bởi vậy thỉnh thoảng có người chết vì ăn phải mặt cá nóc !

*Cá Chình* : Loại cá này hình dáng giống con lươn nhưng đẹp hơn. Ở trong đất liền như các sông nước ngọt thuộc tỉnh Biên-Hòa cá chình có con to bằng bắp chân người, da màu đất và thường rút trong hang đá,

Ở Côn-đảo cá chình lớn bằng cổ tay và mình có răng ri trông như con rắn hoa, rất ghê sợ. Lại nữa nó rất dữ. Nó cắn người như chó cắn vậy. Nhưng nọc không độc như nọc rắn.

Thịt cá chình ăn rất ngon. Người Hoa Kiều rất ưa ăn đầu cá chình. Họ dám mua đầu nó với một giá rất đắt.

### c) Loại cua.

*Loại cua* : Ở Côn-đảo có ít nhất 10 thứ cua như sau :

*Con ghe hay là cua ghe* : Loại cua này, càng dài, que dài mai nhỏ màu trên xanh dưới trắng khi nó còn sống. Sau khi đã bị luộc chín rồi thì mai và càng que đều có màu đỏ, trên mai có nhiều điểm trắng nhỏ. Thịt cua ghe ăn cũng ngon.

*Cua biển thường* : Tức là thứ cua biển thường được bán ở các chợ trong đất, màu đen hơi xanh, bụng hơi trắng hoặc đỏ sậm. Khi luộc chín thì màu nó hoàn toàn đỏ.

*Cua mặt trắng* : Khi còn sống thì loại cua này có màu xanh. Nhưng sau khi bị luộc chín rồi thì mai càng và que đều có màu đỏ sậm. Trên mai có nhiều quầng tròn, trắng, gọi là mặt trắng.

*Cua xanh* : Loại cua này có màu xanh dương đậm khi còn sống. Khi bị luộc chín thì nó có màu đỏ như các loại trên.

*Cua lông* : Loại cua này có cái mai hình chữ nhật lớn độ ba ngón tay, màu vàng đất, có lông. Khi nó bị người chọc phá thì nó nằm im một chỗ, thu càng và que vào dưới cái mai. Mới trông qua người ta tưởng đâu là một cục đá. Thịt cua này ăn không đắng.

*Công dã tràng* : hay là công gió tức là một loại cua to nhất là bằng đầu tay út, nhỏ nhưt là bằng đầu chiếc đũa ăn, mai màu đen, que, rất dài, chạy rất mau trên cát. Đặc sắc của loại cua này là xoi cát thành hang và đắp thành mô hình tròn chung quanh hang. Một lượn sóng từ ngoài khơi chạy vào đánh tan mô ấy. Khi lượn sóng rút ra xa thì dã tràng lại lo xây mô khác rồi lại cũng bị phá vỡ, mỗi ngày không biết mấy chục lần. — Bởi thế mới có câu.

« *Dã tràng xe cát bể đông*

« *Nhọc nhàn mà chẳng nên công cán gì* ».

*Con Công* : Dọc theo bờ biển Côn-đảo, trong những kệt đá, có một loại cua mà người ta gọi là « Con Công » Con lớn lắm thì chỉ bằng ngón chân cái là cùng. Loại cua này có mai màu đen hoặc nâu có pha điểm đỏ, càng và que đều đỏ. Loại cua này ăn được và người ta có thể làm một thứ mắm gọi là « mắm công ».

*Con Ba Khía* : Ấy là loại cua lớn hơn loại công, mai và càng que toàn màu đen tím. Càng que hình đẹp. Đặc sắc của con Ba khía là nước lợ thì leo lên trên những cây đước cây vẹt, cây bần. Nước ròng thì lại xuống đất kiếm ăn. Loại Ba khía ở Côn-đảo cũng có, nhưng rất ít. Loại này sanh sản rất nhiều ở vùng Bạc-Liêu, Cà-Mau và bị người ta bắt làm mắm Ba khía đem lên Saigon bán, kể cả tấn.



*Phía trước : Một Con Vịt (loại Rùa biển) nằm lật ngược.*

*Phía sau : Một loại cá đuối lật ngửa.*

*(Ảnh của Tổng Nha Thông Tin Việt-Nam)*



*Con rẹm hay là con rạm* : Ấy là loại cua lớn lắm là bằng ngón tay cái màu đất đen, giống như con cua ruộng, nhưng lại ở giữa dòng sông nước mặn. Loại cua này ăn được.

*Loại cua đồng* : Loại cua này chuyên sống ở ngoài đồng ruộng, ở các ao nước ngọt ; có hai thứ như sau.

Thứ có hai càng một càng lớn một càng nhỏ. Càng lớn màu trắng. Thứ cua này cũng được gọi là cua kinh. Nó có thể lớn bằng ba ngón tay nhưng thịt tanh lắm, ăn không được và chỉ dùng để làm thuốc đắp mấy chỗ đứt ở tay, ở chân mà thôi.

Trước trận thế chiến thứ hai, ở thôn quê người ta tìm thấy sự kiện lạ này : thường thường càng phía tay mặt (tay phải) thì lớn hơn càng phía tay trái (tay tả). Nhưng trong thời kỳ nói trên thì càng bên tay trái lại lớn hơn. Bởi thế mới có câu mà người ta cho là câu sấm :

« Cua kinh đổi gọng (càng) về cùng lũ dê ».

Dê là tiếng nôm của chữ Hán là « Dương » ám chỉ Tây dương nhân trở lại Việt-Nam vào năm 1946.

Ở Côn-đảo trong các đồng ruộng có loại cua kinh vờn nói.

Thứ cua đồng thứ hai là cua ruộng. Con lớn lắm thì bằng ngón chân cái, màu đất, càng que đủ. Thứ cua này sau khi luộc chín rồi thì màu đỏ và ăn được. Cua ruộng phá hại mùa màng bằng cách cắn ngang cây lúa. Chúng ở theo những hang mà chúng đã đào theo bờ ruộng (bờ mấu). Có năm số cua này sanh sản quá mau và làm thiệt hại mùa màng quá lớn.

Ở Côn-Đảo người ta bắt thứ cua này để ăn.

*Cua lửa* : Loại cua này to bằng ngón chân cái hoặc lớn hơn, màu đỏ như lửa (mai, càng và que đều như thế) và sống ở trên các đỉnh đồi Côn-đảo, ẩn núp dưới các lá khô trong rừng. Mùa mưa mát mẻ chúng hiện ra để ăn những loại côn-trùng : như loại ốc rừng, loại giun, loại sâu bọ v.v... Thịt loại cua này rất độc. Nhiều phạm nhân đi đồn củi ở các đồi này bắt và luộc loại cua ấy để ăn. Sau đó họ mắc phải chứng ghẻ không khi nào trị dứt và họ bị đau đớn cho đến chết !

#### d) Loại tôm

Ở Côn-đảo có các loại tôm như sau :

*Tôm nước ngọt* : Người ta kể : *Tôm càng* to bằng ngón chân cái, có càng, có nhiều que gọi là râu, khi còn sống thì màu nó xanh. Khi luộc chín thì màu nó đỏ. Tôm này ăn rất ngon nhưng rất hiếm.

Kể đó là « Tôm quýt » lớn bằng chiếc đũa con mình tròn, trắng và trong, ăn rất ngon,

*Tôm nước mặn* : Người ta kể : tôm hùm, tôm vang, tôm bạc, tép bạc, khuyết, tôm tích và ốc mượn hồn.

*Tôm hùm* : (homard) Tức là thứ tôm rất to, mình dài có đến 3, 4, tấc; càng lớn que nhiều và râu dài. Khi còn sống thì loại tôm này có màu xám hơi xanh xanh. Nhưng sau khi đã bị luộc chín thì chúng có màu hơi vàng. Thịt loại tôm này ăn rất ngon.

*Tôm vang* : Loại tôm này lớn bằng ngón tay, màu đỏ đậm có pha điểm đen, ăn được và ngon.

*Tôm bạc* : Tức là loại tôm thường thấy bán ở các chợ trên lục địa. Có con lớn bằng ngón tay cái màu trắng. Khi luộc chín thì chúng có màu đỏ và được phơi khô gọi là tôm khô.

**Tép** : Tức là loại tôm bạc cỡ nhỏ bằng chiếc đũa con. Người ta có thể ăn loại tép này bằng cách kho mặn, rim đường, rang khô, làm mắm ruốc và mắm tôm.

**Khuyết** : Tức là loại tôm mới sinh ra, nhỏ hơn tép nữa và mềm lắm. Người ta ăn khuyết luộc chín với rau sống, bánh tráng (bánh đa) nhúng nước, chấm trong nước mắm có chanh ớt.

**Tôm tích** : Tức là thứ tôm lớn bằng ngón tay có càng, không râu, mình chia làm nhiều ngăn như tôm hùm và hay cong lại. Thịt ăn được. Loại này thỉnh thoảng mới có một vài con thôi.

**Ốc mượn hồn** : (Bernard l'ermite ou Pagure) Tức là loại tôm đầu có râu, có mắt có càng, có que, nhưng mình là một cục thịt tròn, mềm. Vì lẽ đó mà loại tôm này hay mượn một vỏ ốc nào bỏ trống để chui thân mình vào đó cho khỏi bị các loại thủy tộc khác xoi. Vì thế mà người ta mới gọi nó là « ốc mượn hồn ». Luộc chín ốc mượn hồn có màu đỏ và ăn được.

### e) Loại sò.

Dọc theo bãi biển Côn-nôn có lắm loại sò như sau :

Sò tai tượng, hào, vọp, ngao, sò huyết, hến, chan chan, vú nàng v.v.

**Sò tai tượng** : Tức là loại sò có hai cái vỏ úp lại, nhỏ nhứt thì cũng bằng cái đĩa, lớn nhứt thì bằng cái nón lá. Loại lớn nhứt này hiện nay ít có. Hai cái vỏ ấy màu trắng, hình giun tai bèo, lưng chôn dưới cát. Khi nước thủy triều hạ xuống thì hai cái vỏ này mở ra, phơi ruột bên trong màu xanh lục đầu có chạy bìa hỏa hoàng hoặc màu đỏ hỏa hoàng có chạy bì xanh lục đậu. Mới trông người ta tưởng đó là một miếng nhung xanh hoặc hỏa hoàng. Độ



là cách nhử mồi (dữ mồi) của loại sò này. Thú vật hoặc người láo táo mó tay mó chân vào sẽ bị hai vỏ ấy kẹp lại, không sao rút ra được và chỉ chờ chết khi thủy triều lên mà thôi.

Sò tai tượng mà người ta gọi lầm là « ốc tai tượng » có hai cái vỏ rất dày về phía lưng. Người ta lấy phần vỏ ấy đem về trau ra thành những chiếc vòng trắng như cẩm thạch thứ tốt, hoặc làm những chiếc cà rá, những hòn bi hay hòn đạn hay viên đạn bắn cung ngày xưa. Người ta cũng dùng vỏ ấy, mài với nước chín làm thuốc trị các ban-trái.

Trước đây mấy trăm năm, thuộc về cận kim thời đại, người Pháp và người Y-Pha-Nho thường dùng vỏ sò tai-lớn bằng cái thau rửa mặt để đựng « nước thánh » trong các thánh đường. Vì thế mà sò tai-tượng được gọi là *bénitier*. Người Việt ta gọi nó là sò Tai tượng là vì cái vỏ của nó lớn và có hình như lỗ tai con tượng, con voi.

**Loại hào :** Loại sò này cũng có hai vỏ lớn hơn bàn tay soè. Một trong hai vỏ ấy dính liền trong một tảng đá, ở dưới nước. Loại hào thường ở chung, khít nhau trong một tảng đá. Ruột hào ăn được và làm mắm gọi là mắm hào. Miếng hào hay là mảnh hào rất bén. Đi dưới biển mà chạm phải miếng hào thì có khi bị đứt đến xương, rất nguy hiểm.

Vỏ hào được lấy về để hầm vôi.

**Ngao hay là vọp :** Ấy là loại sò có hai vỏ, lớn lắm thì bằng bàn tay nắm lại. Ruột ngao rất ngon. Vỏ dùng hầm vôi ăn trầu.

**Nghêu :** Tức là loại vọp vỏ trắng, láng, lớn lắm thì độ bằng lòng cái muống (cái thìa) canh. Có khi cả hai vỏ lại có điểm đen.

Ruột nghêu ăn rất ngon.

*Chan-chan* : Tức là loại sò hai vỏ, hình dẹp bẹt trong thì xanh, bề ngoài thì đen nâu, chôn dưới cát về phía lưng. Ruột chan-chan ăn được, nhưng hiếm có.

*Sò huyết* : Tức là loại sò hai vỏ màu xám, đen, trên hai vỏ có những sọc cứng một chiều theo hình rẽ quạt, bắt từ phía lưng đi tới. Ruột nó màu đỏ hồng hoàng có đựng một chất nước cũng màu ấy. Vì thế mà người ta gọi loại sò này là sò huyết.— Ruột sò huyết ăn rất bổ và chỉ ăn nướng trên lò lửa thôi. Người ta cũng có thể nấu cháo với ruột của nó.

*Vú nàng* : Tức là loại hào một vỏ hình nón, dính cứng vào các tảng đá dựa mé biển. Người ta phải dùng dao cứng cạy vỏ ấy ra mới lấy ruột được. Ruột ấy người ta đem về nấu một thứ cháo rất ngon. Vỏ vú nàng có hoa dùng làm một thứ muống (thìa) rất đẹp.

*Hến* : Tức là loại sò ti hon, lớn lắm là bằng đầu ngón tay là cùng. Người ta ăn hến bằng cách nấu lấy nước làm canh thêm đồ gia vị vào.

Vỏ hến cũng dùng hầm ra vôi ăn trầu.

#### f) Loại ốc

Ở Côn đảo có nhiều loại ốc, hình dáng kỳ dị kẻ không xiết. Có mấy thứ người ta biết tên là : ốc anh-vũ hay là anh-vũ loa, ốc dụng hay là ốc xa cừ, ốc lân, ốc gấm, ốc gai, ốc len, ốc ngựa v.v...

*Ốc Anh-vũ hay là anh vũ-loa* (Nautilus) Loại ốc này lớn có khi bằng trái dừa khô, vỏ màu trắng có vân đỏ sậm. Nếu người ta cưa vỏ ốc này theo chiều dài thì người ta thấy bên trong có chia nhiều ngăn, mỗi ngăn là căn nhà của ốc trong một thời gian... Căn ngoài chót mà người ta cũng gọi là miệng là căn nhà sau cùng. Chính

đầu và thân ốc ở vào căn này và có một giây gân nối thân ốc với căn nhà đầu tiên ở bên trong sấu, xuyên qua vách ngăn các căn khác.

Theo các nhà địa chất học Anh-vũ-loa đã chào đời vào Địa chất đệ nhất thời đại (Ere primaire) và đến nay loại ốc ấy đã trải qua ít nhất là 600.000 năm rồi. Trong thời gian ấy chúng đã chứng kiến không biết bao nhiêu là cuộc tang-thương, biến đổi trên mặt địa cầu về hai phương diện Địa-lý và Sinh-vật-học.

*Ốc Đụng, hay là ốc xa cừ :* (La nacre). Loại ốc này to bằng bàn tay nắm của người lớn, hình nón. Bề ngoài bao một lớp da màu đất đen. Dưới lớp da ấy là chất xa cừ (nacre) đủ bầy màu của cầu vồng, (cái móng). Ruột ốc đụng ăn được. Người ta bắt ốc về, trước là lấy ruột ăn, sau là lấy chất xa cừ để khảm (cắn) bàn, ghế, tủ, hộp, khay, ống điếu. v,v...

Ốc xa cừ phải còn sống thì nước ốc mới tươi tốt. Trái lại, vỏ ốc chết đã lâu thì nước ốc lờ mờ, xấu. Ấy là nước ốc chết.

*Ốc lân :* Tức là thứ ốc có gai. Vỏ ốc này giống như đầu con lân. Vì thế mà người ta gọi nó là ốc lân. Loại ốc này rất hiếm và ngay tại Côn-Nôn nó được mua với giá rất cao.

*Ốc gốm :* (Les porcelaines) Loại ốc này có vỏ dày và láng, màu xám hoặc trắng có nhiều đốm đen hoặc đỏ tương tự như đồ bằng sứ (Vỏ ốc này được bày trưng trong phòng khách hoặc được dùng làm những thìa (muỗng) rất đẹp.

*Ốc gai :* Tức là loại ốc hình dáng kỳ-dị vỏ có nhiều gai.

*Ốc len :* Ốc này có vỏ vắn khu ốc nhưng kéo dài ra,

trước lớn sau nhỏ, ruột xanh, đen và vàng, ăn được, thường đeo theo các cây được, vệt, bần hoặc trên các tảng đá khi nước thủy triều lên.

**Ốc ngựa :** Loại ốc này hình tròn : ngoài vỏ có nhiều đường nổi cứng chạy song song từ lưng ra miệng. Ruột ốc ngựa ăn được. Loại ốc này thường đeo trên các cây vệt, cây mắm và bần, khi thủy triều lên.

### **g) Loại giun (trùng)**

Về loại này thì có đĩa biển to bằng chân cái dài độ một tấc tây, màu đen tím, trông rất kinh sợ. Đĩa biển có một chất độc làm ngáy ngất các loại cá con. Bởi thế ở Côn-Đảo khi người ta muốn bắt cá trong một vũng nào trên bãi biển thì người ta bắt một con đĩa biển dầm nát nó ra rồi vớt xác nó xuống vũng ấy. Một lúc sau các cá con nổi lên lơ dờ trên mặt trước. Người ta cứ việc lấy rổ hoặc vớt lưới xúc chúng lên.

**h) Loại đờm-độp, đọt-đọt hay là hải-sâm :** (les holothuries).

Loại này to và có một hình dáng một củ khoai lang đỏ, hơi tím, trên đầu có chia nhánh, có tua như cái hoa và không tựa cây gì, trông rất sợ. Người Tàu dùng hải-sâm phơi khô để chế các thứ ăn trong các cao lầu.

**i) Loại chôm-chôm, con-nhum hay là hải-đờm (Oursins).**

Loại này hình to bằng đầu ngón chân cái, màu xanh hơi đen có nhiều gai dài độ một tấc tây, lông lạnh, màu xanh đỏ như pha lê dưới ánh sáng mặt trời.

Loại chôm - chôm thường ở chung với nhau từng

khóm đến mấy chục con. Trông khóm chôm-chôm ở dưới nước người ta có cảm tưởng như đứng trước một tấm khảm hoa (thảm hoa) rất đẹp. Ruột của chôm-chôm màu vàng giống như gạch cua, ăn rất ngon.

Loại này được gọi là con chôm-chôm vì nó giống như trái chôm-chôm (letchi poilu).

**j) Loại chong - chóng hay là hải - tinh** (Etoile de mer).

Loại chong-chóng chia làm năm nhánh, giống như một cái chong-chóng năm tay hoặc một ngôi sao năm chia (tia).

Vì thế mà người ta gọi là hải tinh (sao biển). Loại này không ăn được.

**k) Loại sứa** (Les méduses)

Ở Côn-đảo thỉnh thoảng người ta lưới được sứa. Có nhiều thứ sứa : sứa trắng, sứa hoa, sứa lửa.

*Sứa trắng* : hình như cái nấm mối to bằng trái dừa, màu trắng, trôi lơ dờ trên mặt nước. Người ta lưới sứa này, đem về rửa sạch, xẻ ra nhiều phần rồi ngâm muối để làm thức ăn.

*Sứa hoa* : Loại sứa này có hình như một chậu hoa lộn ngược lại. Sứa này ngứa lắm, ăn không được.

*Sứa lửa* : Tức là loại sứa khi người ta tuồng phải thì da bị nóng, rát, như bị phỏng lửa, phỏng giầy điện vậy.

**l) Loại san-hô hay là hoa-đá.**

Giữa hòn Côn-nôn và hòn Bầy Cạnh, cách bến tàu Côn-nôn độ một kilômét có một vùng san hô rất to đang sinh sôi nảy nở. Những san-hô già (hay nói cho đúng hơn

là những bộ xương của san hô) có hình thảo mộc toàn bằng đá vôi, trông rất đẹp. Khi nước thủy triều hạ xuống thì san-hô này nhô lên khỏi mặt nước. Những san-hô non thì hợp thành một khối rất to, ngoài bao một chất trắng trắng, mềm mềm như thịt người, trông giống như bàn tay khổng lồ của một người bị bệnh cùi, hoặc cánh tay, bắp chân, thân mình của một người bị chết đuối.

Những san-hô già được nhà cầm-quyền Côn-đảo cho phạm nhân nhặt về để hầm vôi (loại vôi bột dùng xây cất nhà cửa).

#### **m) Loại thảo mộc giả :**

Ở trên bãi Côn-nôn vừa kể có nhiều rong biển, rau câu, màu đất hoặc xanh lá cây, lá nhỏ giống như loại rau, từng chùm, từng khóm, mọc trong các hồ, các ao nước ngọt.

Có loại nấm giống như loại mộc-nhĩ (nấm mèo) mà người ta thường thấy trên những thân cây ở lục địa khi mùa mưa đến.

Ngoài ra lại có những cây bé ti-hon ở dưới cát nhô lên có cành, có lá, màu xanh đậm, trông giống như cây kiền (cây cảnh) trồng trong chậu. Các cây này toàn bằng đá vôi cả.

Các rong biển, các nấm nói trên có chất độc vô cùng. Độ nọ có hai người nhặt thứ rong và thứ nấm ấy về rửa sạch, nấu canh ăn. Ăn xong thì một người bị phong giựt (giật) méo miệng. Còn người kia thì bị mày đay nổi đầy mình. Cả hai đều phải vào nằm nhà thương, một thời gian mới khỏi bệnh.

## **n) Loại bả trùng. (les reptiles)**

Ở Côn-đảo loại bả trùng hay là loại bả sát gồm có : bốn chục thứ rắn đã kể trong đầu chương này. Ngoài ra lại còn có con dến, ông iều, rết biển, đồi mồi, con vít hay là hải qui.

*Con dến* : Tức là loại rắn biển mình có màu sắc, nọc rất độc. Người bị dến cắn sẽ ngủ mãi cho đến chết. Kẻ trộm thường bắt con dến giết chết làm thuốc xông. Khi bị xông khói dến thì những người trong nhà đều ngủ mê man, không hay biết sự gì, mặc tình cho kẻ trộm vào khuôn đồ !

*Ông iều* : Tức là loại dến lớn hơn, nọc cũng độc như nọc dến vầy,

*Rết biển* : Ở Côn-đảo rết biển to bằng ngón tay, có nhiều chân, dài độ 5, 6 tấc tây, màu vàng, cựa cựa chậm chạp, trông rất kinh sợ,

*Đồi mồi* . Tức là loại rùa biển, mai đẹp, vẩy màu vàng có điểm hoa (vân đen hoặc tím). Đồi mồi nào to lắm thì bề dài độ 6, 7 tấc tây và bề ngang 4, 5 tấc là cùng. Vẩy của đồi mồi hình tai hoa sen rất đẹp. Mai của đồi mồi có 9 cái vẩy lớn nhứt. Kỳ dư là không đáng kể. Bắt đồi mồi người ta cốt lột lấy 9 cái vẩy ấy rồi thả con vật trở lại biển để rồi vài ba năm sau lại bắt và gỡ vẩy nó nữa. Sở dĩ người ta làm thế là vì thịt đồi mồi rất độc, ăn không tốt. Ở dưới biển đồi mồi thường ăn những loài độc như loài dến, chẳng hạn.

Vẩy của đồi mồi được dùng làm nhiều vật quý giá như : lược chải đầu, ô trầu của các bà, quạt, nĩa, muống, hộp tròn, vương, đủ cỡ, đốt hút thuốc, ống tầu (ống hút nha phiến) v.v...

Ở Côn-đảo, sau hoa-viên và biệt thự của vị Giám-đốc có một cái bể to chứa nước biển để nuôi đồi mồi và vít trên có nhà che nắng mưa, gọi là « chuồng vít ông Lớn ».

Vít : Tức là loại rùa biển hay là : hải-quì (tortues de mer), Loại vít có cái mai rất cao, hình trái soan màu đen xám và có nhiều vảy màu đen. Vít có nhiều con to lắm nặng có đến 200 hoặc 300 kilos và dài đến một thước tây 50, Chiều ngang của loại vít này có đến 9 tấc. Cái mai to tướng ấy có thể dùng làm bể nước tắm cho đứa trẻ ba, bốn tuổi được. Một con vít như thế có đầu to bằng cái bát, bằng trái dừa xiêm là thường.

Bốn chân của vít là bốn cái dầm bơi, cực khoẻ để bơi dưới nước và đi trên cát.

Ức (ngực) của vít, đầu và bốn chân đều trắng. Các hòn đảo thuộc quần đảo Côn-nôn có lắm vít. Một con vít cái, đến mùa sinh nở, có thể cùng một lúc sinh ra 300 hoặc 400 trứng to bằng trứng gà so, trong chứa toàn tròng đỏ có pha một chút nước, ngoài bao một thứ da màu trắng, mềm mềm, hơi tanh.

Đến thời kỳ nói trên vít cái, đang đêm, bò lên bãi cát ngó quanh ngó quất không thấy bóng người bèn chọn chỗ đào một cái lỗ to bằng cái thúng và đẻ một loạt 400 trứng vào đấy. Xong rồi vít cái bèn lấp đất lại và lấy cái ngực của nó nhún lên như xuống nên cát cho dễ, tiếng nghe « thịch thịch ». Nghe tiếng ấy người rình vít gần đó bèn chạy ra mang theo một cây đòn dài có đến ba hoặc bốn thước tây. Với đòn ấy, trong nháy mắt, họ lật ngửa vít ra. Vít nằm ngửa, giơ bốn chân lên trời, không bám víu vào đâu đành để chối dậy. Giờ đây người ta chỉ còn lấy giây thừng to, trói vít lại, điều vít xuống thuyền (đối với vít nhỏ bằng thúng cái phải ba người khiêng mới



xong) đưa về nhốt vào chuồng, chờ ngày chở về Côn-đảo.

Bắt vít là việc không phải dễ. Nếu sơ ý, người ta sẽ bị vít dùng cái dầm bơi đập gãy chân hoặc cắn. Ai sơ ý đứng trên mai vít sẽ bị vít cõng chạy xuống biển một cách dễ dàng.

Nếu vì chạy chậm mà đám người rình vít để chúng chạy thoát thì họ chỉ còn có nước là : tìm nơi vít dễ trúng. Theo kinh nghiệm đã thu lượm được thì nơi nào có vít dễ trúng thường trên cát có rất đông ruồi nhặng. Người ta cứ việc đến các chỗ ấy, đào cát lên thì gặp trúng vít.

Nếu trúng vít không bị người đào lấy đi thì đến ngày giờ nhứt định vít mẹ sẽ lên lần thứ để rước các con xuống biển.

Vào khoảng năm 1686-1687 ông Allen Catchpôle và đoàn thủy thủ Anh-Cát Lợi đã đổ bộ đầu tiên lên bãi Cỏ-Ổng và đã gặp nơi đây nhiều mẹ vít to tướng hiện đang chạy xuống biển. Theo sau có đến mấy nghìn vít con to bằng đồng xu, mỗi con còn mang dưới ức cái nhau hay là bào-y.

Ở Côn-đảo, nhiều khi lưới cá người ta lại lưới luôn cả vít.

Nhưng thường người ta bắt vít bằng cách rình chúng như đã nói trên. Đến mùa vít đẻ nhà cầm quyền Côn-đảo phái một số phạn nhơn (phần nhiều là thường phạm có tính hạnh tốt và sắp sửa được mãn án) đến cất chòi ở nhiều bãi biển để rình vít.

Thịt vít đỏ như thịt bò, có lẫn mỡ, mùi tanh, ăn đắng, nhưng độc là vì ở dưới biển loại vít thường ăn đến và nhiều loại độc khác như loại rong v.v...

Gan vít, theo lời người ta nói, có tính chất làm cho sáng mắt. Vì thế mà ở Côn-đảo người ta tìm gan vít để ăn.

Vì số đồi-mồi bắt được mỗi ngày một ít cho nên ở Côn-đảo người ta lấy vảy vít thay vào trong việc làm các món đồ bằng đồi-mồi vừa kể ở khoản trên.

Ở Hòn-Cau, sau khi đã bắt và giữ một số vít khá lớn và sau khi đã thu góp các thực phẩm như ; dừa khô, chuối, xoài, măng cầu, thơm, đu-đu v.v... thì thầy-chú coi giữ Hòn Cau cho người lên đỉnh núi đốt lửa làm hiệu : một đóm lửa có nghĩa là : « cho tàu qua chỗ vít và thực phẩm ». Hai đóm lửa có nghĩa là : tại đảo có biển và xin tiếp viện ». Ngày hôm sau tức nhiên sẽ có tàu ở Côn-nôn qua chỗ các thực phẩm vừa kể.

Cách truyền tin cổ kìn ấy đã làm cho nhiều người liên tưởng đến « Phong-hỏa-đài » đời Châu-U-Vương và nghĩ rằng :

« Ở vào thời đại nguyên tử này, một phương tiện « truyền tin đến nay có trên ba nghìn năm mà vẫn tồn tại thì hẳn là một điều không phải không đáng để ý ».

### KẾT LUẬN CHƯƠNG III

Nói tóm lại về Nông-sản ở Côn-đảo không có gì đáng để ý lắm, vì sức sản xuất không dồi dào hơn ở một quận trên lục địa.

Về lâm sản người ta thấy có nhiều loại không có ở trên lục địa. Nhưng trái lại, có nhiều loại giống các loại ở rừng trên lục địa. Tại sao có sự di giống như thế ? Bằng cách nào ? Ấy lại là một vấn đề khác.

Về khoáng sản vấn đề cần được đề ý là sự có mặt của loại vàng. Việc ấy có đúng chẳng ? Và nếu có thì vàng ấy đúng tuổi và cần được khai thác chưa ? Đó là vấn đề thuộc về tương lai và thuộc về phạm vi sở hằm mỏ của Chính-phủ. Hiện nay nhà cầm quyền đương cho tìm mỏ ở Côn-đảo.

Về thượng cầm hạ thú ở Côn-đảo vấn đề không mấy quan trọng.

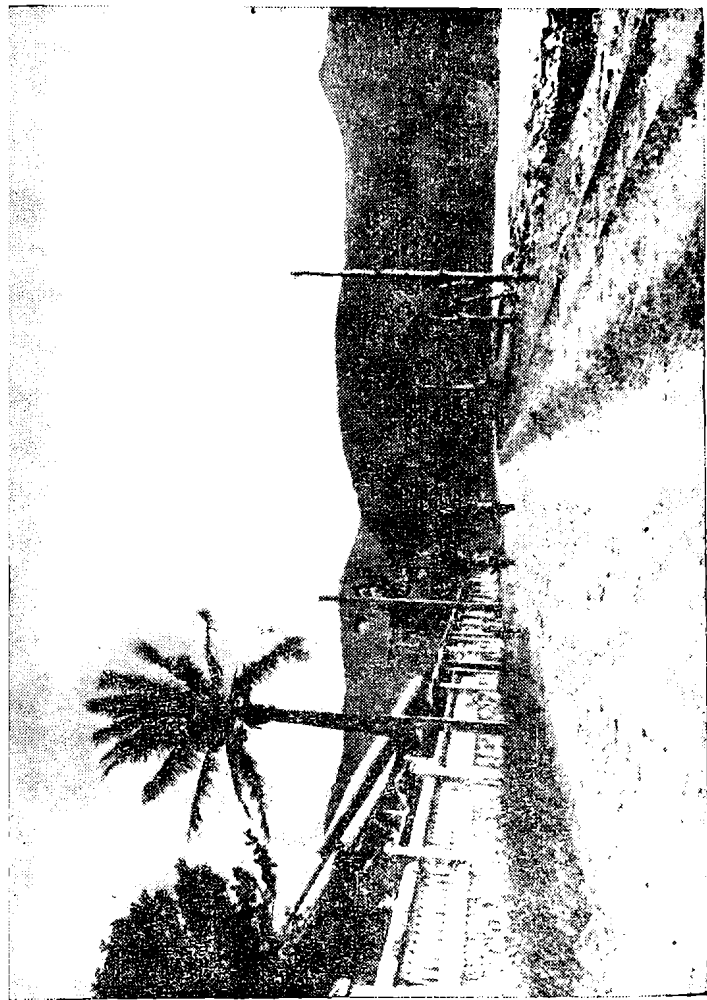
Có quan trọng chẳng là vấn đề thủy tộc. Loài thủy tộc ở Côn-đảo rất dồi dào. Đáng kể nhưt là các loại cá, rồi đến loại dơi mồi và vít.

Theo toán người Nhựt có mặt tại Côn-đảo từ 1941 đến 1945 thì quần đảo Côn-nôn là vùng có nhiều cá nhưt và họ đã có ý định lập nơi đây một căn cứ ngư nghiệp với những dụng cụ tối tân. Nhưng sau đó, trong tuần tháng tám năm 1945 thì Chính-phủ Nhựt đầu hàng vô điều kiện và ngày 25 tháng 8 năm 1945 họ phải rời bỏ Côn-đảo. Ý định trên đành phải dẹp lại.

Dù sao ý định nói trên cần được chú ý. Những lý do sau đây chứng tỏ rằng người Nhựt thấy đúng. Mai sau này tưởng Chính-phủ Việt-Nam sẽ không bỏ qua nguồn lợi ấy của nước nhà.

Về phương diện địa lý Quần đảo Côn-nôn ở vào miền nhiệt đới : nước biển quanh năm ấm áp. Điều kiện ấy cho phép quần đảo quyến rũ được những loại cá miền ôn đới trong những mùa rét lạnh ở các miền nầy. Sự có mặt của các loại cá voi, cá cúi, cá mồi hộp v.v... đủ chứng tỏ điều nầy.

Lại nữa, quần đảo Côn-nôn ở ngay trước mặt mười hà khẩu của Nam-Việt (Hà khẩu Cần giờ, Gành rái của



*Đường mặt tiền thị xã Côn-Nôn (Côn-Sơn) trước khi chưa tráng dầu,  
Đường này nay đã được tráng dầu sạch sẽ*

(Ảnh của Tổng nha Thông-Tin Việt-Nam).



sông Đồng-nai, sáu hà khẩu của sông Tiền giang : Cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba-lai, cửa Cổ Chiên, cửa Hàm luông và cửa Cung hầu ; ba hà khẩu của sông Hậu giang là : Cửa Định-An, cửa Ba thắc và cửa Tranh-đế. Ngày ngày mười hà khẩu ấy vận tải ra biển biết bao là thực vật làm thức ăn cho các loại cá vùng Côn-đảo.

Thêm vào đó các dòng hải-lưu (courants marins) từ Mã-Lai đến, từ Phi Luật Tân sang và từ vịnh Xiêm-La lại đã đưa đến vùng này hoặc gần hoặc xa nhiều thứ cá con, nhiều mồi ngon cho các loại cá lớn và như thế, một cách vô cùng tận.

. \* .

## *CHƯƠNG THỨ IV*

---

### **CÁC NỎ GIAO THÔNG. CÁC DINH THỰ. — CÁC CƠ SỞ**

#### **I.— CÁC NỎ GIAO THÔNG**

Trước dinh vị Giám-đốc Côn-đảo có một con đường (lộ) trải đá chạy dài theo mé biển, từ Lò.Vôi đến Nhà mát (mũi chim Ưng hay là mũi Cá mập) rồi chạy vòng quanh dãy núi, sát mé biển đến Bến-Đầm, rộng có độ 3, 4, thước tây, đẹp không kém lộ trong đất. Trong phạm vi châu-thành Côn-nôn, dài theo hai bên lộ này người ta trồng nhiều cây bàng (badamier) làm tăng vẻ đẹp. Chiều tà trong những đêm có trăng, các công chức thường ra đó hóng mát đi bách bộ, hoặc ngồi trên mấy tảng đá ngó mông ra ngoài khơi để thưởng thức cảnh nên thơ !

Con đường thứ nhì khởi sự từ con đường nói trên phía tả dinh Giám-Đốc Côn-đảo, chạy qua văn-phòng vị giám-đốc rồi qua trước Nhà đèn (nhà máy điện), kể chạy qua Sở Chuồng Bò (Bouverie) và thẳng đến chân núi Chúa. Nơi đây lộ ấy chia ra làm ba nhánh, nhánh thứ nhứt chạy qua trước núi Chúa, qua sở Bồng hường (Hoa hồng) qua Sở Ruộng, qua Banh III (Bagne III) rồi quay trở lại Lò - Vôi. Nhánh thứ nhì (mới mở vào năm 1944) chạy qua đèo Ông Đụng đến sở Ông-Câu phía sau núi Chúa. Nhánh thứ ba đã có lâu đời rồi, chạy từ Sở Cải đến sở Tiêu, ngang sau Lò-Gạch rồi, chạy thẳng ra hai làng An-Hải và Ông-Hội để giáp với con đường thứ nhứt, con đường chánh của Côn-đảo kể trên. Ngoài hai con đường này ra trong Châu thành Côn-nôn còn có những con đường ngắn, rộng rãi, sạch sẽ, có trải đá, chia châu thành ra làm nhiều khu.

Ở Côn-Đảo có một con đường sắt rộng độ 6 tấc tây, dành riêng cho đầu xe lửa cỡ nhỏ để kéo những Gon (Wagonnets) đầy những đá miềng (đá hoa cương) từ Núi Chúa ngang qua sở Củi, Sở Chuồng bò, dọc theo mé biển cho đến Banh III (Bagne III). Các gon này buổi sáng thì chở đầy nhơn công từ Banh III đi các sở như Sở Củi, Sở Đập-đá, Sở Làm đường. Buổi trưa và chiều thì lại chở đá, chở củi, chở rau cải và nhơn công về trả cho Banh III.

Nghe tiếng súp-lê in ỏi của đầu xe lửa này người ta liền tưởng đến đường xe lửa nhỏ chạy từ Saigon vô Chợ-lớn, Saigon vô Gò-Vấp và lên Hố-Môn thuở nọ.

## II.— CÁC DINH THỰ.

Ở Côn-Đảo đẹp nhứt thì có tư dinh của viên Giám-đốc (nay là dinh Tỉnh-Trưởng) trông coi quần-đảo. Biệt thự này tráng lệ trông không kém tư dinh quan Chánh Tham

biện của một tỉnh tại Việt-Nam thời xưa. Tòa nhà này ngó thẳng ra bãi Côn-nôn, trước có một cái sân rộng, và có một cái cầu tàu bằng đá hoa-cương. Khung cảnh bao quanh tòa nhà này là một công viên rất rộng đến mấy mẫu tây chia ra làm nhiều khu : phía trước mặt là một hoa viên trông rất đẹp. Phía sau là vườn trồng rau và và cây ăn trái. Trước đại môn của biệt thự này có trí hai khẩu thần công kiểu xưa đề niên hiệu vua Louis thập lục. Hai khẩu thần công này đã được đức cha Bá-da-Lộc cho mang từ Ấn-độ Dương sang Côn-đảo.

Đến năm 1945 hai khẩu thần công ấy vẫn còn. Trong vườn rau tư dinh vị Giám-đốc Côn-đảo có nhiều nhà : nhà nuôi vịt, nhà nuôi thỏ, nhà cho nhân công làm vườn ở để trông coi các thứ hoa nhứt là các loại rau cải Đà-lạt.

Ở trong nhà giặt ủi của vị Giám-đốc nói trên có một cái giếng to, sâu có đến ba, bốn thước nước rất trong và uống rất ngon. Tuy vậy theo sở Vệ-Sinh thì nước này nặng hơn nước ở Saigon. Người ta nói rằng : « Mạch của giếng này và mạch của giếng ở Bắ-n-Chế (Bagne des Métiers) ở gần đó, đều ăn thông với mạch nước tại Cái-tàu-Thượng (tỉnh Sadéc Nam-Việt) ». Nước giếng ở Bắ-n-Chế được lấy lên lọc lại và phát cho các sở của Chính-phủ mỗi tuần hai hoặc ba lần.

Trước mặt tư dinh vị Giám-đốc, vào năm 1944, có Nhà tiếp tân (maison des passagers) để tiếp những quan khách ở Saigon ra vì công vụ. Gần đó có Thư-Viện Côn-đảo. Hai biệt thự này đều ở sát mé biển có gió thổi rất mát mẻ.

Các công thự khác hiện diện tại Côn-đảo là Sở-Kho-Bạc (Trésor), Sở Vô-tuyến-điện, Thành sấn-đá, Dưỡng-



đường Công-Chức Pháp-Nam, Bưu-điện, Trường tiểu học cho trẻ em Việt, Trường tiểu học cho trẻ em Pháp, Sở Lục-lộ, Sở nhà đèn, Sở Xà-lúp (trong coi chiếc xà lúp, các canots và xà lan của Quần-Đảo), Sở Hỏa-Xa, Sở lưới, nhà trữ thuốc tây, Lò Bò, (lò mổ bò). Ở Côn-đảo trong phạm vi châu thành có ba ngục thất rất lớn chung quanh có tường cao, có lính canh gác ngày đêm. Ấy là Banh I (Bagne I) nơi vừa là kho chứa lương thực (gạo, lúa, khô dầu ăn, tương tàu, nước mắm), vừa là nơi nghỉ của phạm-nhơn được phép ra ngoài làm việc tại các văn phòng hoặc làm bồi bếp cho công chức. Nơi đây cũng là nơi nhốt những phạm nhân bị phạt hầm (cachot). Banh I lại cũng là nơi đặt văn phòng của viên Xếp-Chánh trông coi các đề lao. Mỗi ngày nơi đây có sự cắt cử các Thầy-Chú và Gardiens đi làm các việc và sự phân phát rau cải, cá tươi, thịt tươi cho công chức và phạm nhân các sở.

Banh II (Bagne II). Cũng lớn như Banh I và được chọn làm đường dành riêng cho các phạm-nhơn trên quần-đảo.

Banh III mới cất sau cũng rộng lớn không kém gì hai Banh trước, ngoài có tường cao bao quanh. Chính nơi đây người ta giam giữ những chính-trị phạm, bị coi là nguy hiểm thuộc về Ân : manoeuvres subversives. Các tội-nhơn nầy trước kia bị giam giữ trong những phòng có song sắt và không được liên lạc với ai. Đó là khám cấm cố. Nhưng sau vì nhận thấy mỗi năm số phạm-nhơn bị án cấm cố chết quá nhiều so với tội-nhơn thuộc các loại khác người ta mới cho phép họ ra ngoài làm việc bằng tay : như dẹt vải, kéo chỉ, làm đồ mộc, đóng giày để có thể đi đứng và vận động tay chân, nhưng chỉ trong phạm vi Banh III mà thôi.

Vào năm 1944 — 1945 vì số tội nhân đưa ra Côn-Đảo mỗi ngày mỗi tăng, người ta đã phải cất thêm một cái Banh mới nữa gần Banh III mệnh danh là Annexe du Bagne III nghĩa là Banh phụ của Banh III.

Trên kia đã có nói đến Băn-chế. Băn-chế ở gần tư dinh vị giám đốc Côn-đảo là khám đường (Bagne) được chuyển thành xưởng các công nghệ tại Côn-đảo. Vì thế mà người Pháp mới gọi là Bagne des Métiers mà các phạm nhân gọi tắt là Băn-Chế.

Ở Băn-Chế có nhiều khu riêng dành cho mỗi nghề : nghề đan lát, nghề cưa gỗ, nghề làm ghế bàn, nghề điêu khắc, nghề làm đồ bằng sắt, nghề thiết, làm nút áo, làm đồ bằng đồi mồi v.v... Các sản phẩm do Băn-chế trình bày có một giá trị đặc biệt và được quốc dân và người Pháp ở trong đất tán thưởng. Bởi thế một công chức sau khi ở Côn-đảo được đổi về trong đất, phải có những sản phẩm ấy để hoặc kỷ-niệm mấy năm làm việc ngoài ấy, hoặc để tặng cho các thân bằng cố hữu.

Về phương-diện Tôn-giáo, Châu thành Côn-nôn có một ngôi nhà thờ khá lớn do một linh mục điều khiển để làm lễ các ngày chủ nhật và các ngày lễ khác. Trong hàng công chức làm việc tại Côn-đảo có nhiều người cần đi xâm lễ mỗi buổi sớm mơi chủ nhật. Ngoài ra trong các phạm nhân cũng có một số người cần được xâm lễ và cần được vị linh mục để lời an-ủi, xoa dịu vết thương lòng.

Về đạo Phật thì ở Lò-Gạch có một cái am thờ Phật. Tục truyền rằng : Khi cụ Phan-trọng-Kiên (Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục) bị đày ra Côn-đảo, Cụ đã khéo vận động để lập lên cái am này. Vào năm 1944 — 1945 Am tự này được các Thầy-Chú người Việt và người Miên

mộ đạo Phật trông nom và cắt người hương khói, chọn trong số phạm nhơn có hạnh kiểm tốt và biết tu-trì.

Vào tháng 7 năm 1945 nhà Cầm-quyền Côn-Đảo lúc đó là người Nhật có cho các tu sĩ đạo Cao-Đài bị nhà Cầm Quyền Pháp đày ra đó dựng lên một thánh Thất gọi là : Côn-nôn thánh-Thất, trong một biệt thự ở gần mé biển, sát lộ đá.

Ngoài các công thự ra lại còn có những biệt thự làm tư gia cho các công-chức ở về mặt tiền, dọc theo bờ biển.

Về Y-tế, ở Côn-đảo, vào năm 1944-45, trên hết có một bác-sĩ ngạch Thiếu-tá người Pháp trông coi cả hai bệnh viện nói trên. Đó là Thiếu tá Rosec. Dưới quyền ông thì có một vị bác-sĩ Đông-Dương người Việt, Bác-sĩ Nguyễn-văn-Qnảng, và nhiều vị Y-tá khác của chánh-phủ. Ngoài các vị Y-tá chánh ngạch này ra lại có một số khá đông trợ-y tá chọn trong hàng phạm nhơn có học thức và có hạnh kiểm tốt.

### III.— CÁC SỞ, CÁC NÔNG-TRẠI THUỘC CÁC VÙNG NGOẠI Ồ.

Ở các vùng ngoại ô châu-thành Côn-nôn có các sở như sau :

#### a) Sở chuồng bò.— (Bouverie)

Sở này có hai phận sự chính là :

*Phận sự thứ nhất* : Trông nom coi sóc một số bò cái để lấy sữa và những bò thịt và lợn sống do nhà cầm quyền Saigon gửi ra.

*Phận sự thứ nhì* : Đốn bốn loại củi như sau : củi nhà đèn, củi đốt than, củi lò vôi và củi banh. Công việc này rất là khó nhọc vì các loại củi, nhất là củi nhà đèn, và

củ hầm than mỗi ngày mỗi ít dần phải trèo núi, lên trên mới có.

**b) Sở Lưới.**

Sở này chuyên lo chài lưới bắt cá tiếp tế cho toàn đảo.

**c) Sở Lò Vôi.**

Tức là sở chuyên việc mò san-hô ở dưới biển, mỗi buổi tối, khi nước thủy triều hạ xuống, từ 9 giờ tối đến 2, 3 giờ khuya và hầm san-hô ấy ra thành vôi bột dùng cất nhà.

**d) Sở Khoai Lang.**

Tức là sở chuyên trồng khoai lang và nhiều thứ khoai khác nữa như khoai môn, khoai mì, khoai mỡ (khoai ngọt) v.v...

**đ) Sở Muối.**

Sở này chuyên lấy nước biển lên nấu thành muối bột để cung cấp cho các sở, các Ban.

**e) Sở Cải.**

Tức là sở chuyên trồng các rau cải tây, ta và chuối lá xiêm.

**j) Sở Lò Gạch.**

Trước kia sở này chuyên việc làm gạch. Nhưng sau này việc ấy được bãi bỏ và được thay thế bằng sự chăn nuôi gà vịt, ngỗng lợn, và trồng rau cỏ (rau muống, khoai môn v.v.)

**g) Sở Tiêu**

Sở này chuyên việc vừa trồng hồ tiêu vừa trồng mít, trồng chuối và trồng thơm ăn trái.

### **h) Sở Bông hường.**

Trước kia sở này chuyên trồng hoa hường được thay thế bằng sự trồng rau cải và chuối, đủ đủ như các sở khác.

### **i) Sở Ruộng.**

Sở này chuyên lo đóng cày bừa bằng gỗ để cung cấp cho các thợ cày của chánh phủ về việc canh tác 500 mẫu ruộng.

### **j) Sở Quả-ni. (vanille)**

Tức là một cao nguyên mới được khai thác. Nơi ấy người ta trồng giống hồi hương (vanillier) và sau này các rau cải, thuốc lá, khoai củ và đồn củ đụn.

### **k) Sở Ông Đụng.**

Tức là sở rẫy mới lập trên triền núi Chúa. Đất sở này rất hợp cho sự trồng trọt. Nơi đây người ta trồng bí đỏ, bí đao, bầu, mướp, cà, ớt, củ sắn (củ đậu) khoai mì, khoai mỡ, khoai môn, khoai lang, rau cải, thuốc lá. vv...

### **l) Sở An-Hải và Ông Hội.**

An-Hải xưa kia là một thôn xã do bấy tôi theo hầu chúa Nguyễn-Ánh ở lại đảo mà lập lên. Tại thôn này vào năm 1945 có đến mấy mươi cây dừa lão tuổi có 80, 90, năm hoặc hơn. Đó là bằng chứng tỏ rằng: nơi đây xưa kia đã có người sống thành thôn xã. Ông Hội là một địa điểm gần làng An-Hải.

Hai nơi này đã được nhà cầm quyền Pháp, trước năm 1945, chọn làm nơi an trí, nơi quản thúc những nhà cách mạng bị họ tình nghi và bị coi là nguy hiểm. Tại An-Hải và Ông Hội các nhà cách mạng bị an trí được quyền cất chòi ở riêng biệt nhau, nhưng mỗi ngày phải tự nhau lại mà trồng rau, trồng cải dưới sự chăm nom của Thầy Chú.



*Làng An-Hải. Những cây dừa lão chứng tỏ làng này đã  
được lập lên có trên trăm năm.*

**(Ảnh của Tổng Nha Thông Tin Việt-Nam)**



Nước ở An-Hải và Ông Hội rất độc. Lại nữa hai nơi này là hai thung lũng con, ít có gió biển thổi đến. Vì vậy các nhà cách mạng bị an trí nơi đó thường bị bệnh sốt rét trường kỳ, chết người.

**m) Sở đập đá.**

Sở này được đặt ngay dưới chân núi Chúa và chuyên việc bắn các tảng đá lớn của hòn núi này thành những hòn đá vụn để rồi đập lại thành đá trải đường.

**n) Sở Đất Dốc.**

« Đất dốc » là một thung lũng con, bốn bề có núi. Vì thế mà gió biển không thổi vào khí hậu rất độc. Các phạm nhân ở đây thường bị bệnh ngã nước, màu da huỳnh đẳng, sức khỏe kém dần rồi chết.

Ở Đất-Dốc người ta trồng nhiều dừa, chuối, mít, đu-đu, rau cải nuôi bò, nuôi lợn, gà vịt v,...

**o) Sở kéo cây.**

Sở này cũng được gọi là Sở Ông-Câu chuyên việc đốn cây to trên núi rồi thả cho nó chạy xuống mé biển theo những đường mòn. Công việc này rất nguy hiểm. Nhiều khi các phạm nhơn tránh không kịp phải bị gỗ to đè chết, hoặc nếu không như thế thì cũng bị cụt tay, cụt chân, trọng rất thảm thương !

Các khúc gỗ này, một khi đã xuống đến bãi biển sẽ được kết lại thành bè để chờ xà-cúp Côn-đảo qua kéo về.

**p) Sở Cỏ-ống (Ferme de Cỏ-Ống)**

Tức là một nông trại gồm có đến 5, 6 trăm tội nhân. Sở này chuyên việc trồng lúa, trồng dừa, trồng rau cải, khoai, củ, chuối, mít, thơm. đu-đu để tiếp tế thực phẩm cho Côn-nôn và nơi nộp là Banh I.



Khi hậu ở Cỏ-Ống rất độc. Các phạm nhân bị đưa ra đó bị chứng sốt rét vàng da, lổn bụng, sức khoẻ kém dần rồi chết như ở Đất-Dốc. Theo lời một viên chức ngạch đề lao trông coi nơi ấy thì năm đầu sáu trăm phạm nhân được đưa qua Cỏ-Ống. Hai năm sau trong số đó chỉ còn lại độ hai trăm người là nhiều. Từ Cỏ-ống qua đến Châu-thành Côn-nôn phải đi đường núi độ 11, 12 kilômét. Các phạm nhân có bốn phân mang thực phẩm qua nộp tại Banh I ở Côn-nôn, phải khởi sự đi từ 1, 2 giờ khuya trong ban đêm thành từng đàn. Năm giờ sáng họ phải có mặt tại Banh I. Sau khi nộp thực phẩm xong thì họ lại phải mau mau quay về Cỏ-ống.

Công việc thật là vất vả. Ở Cỏ-ống không có đường. Bởi thế khi có một phạm nhân bị bệnh nặng thì Thầy-Chú cho hai người phạm-nhơn mạnh khoẻ lấy mền cột hai đầu làm võng rồi võng người bệnh bằng cách ấy qua đến Côn-nôn, theo đường rừng núi nói trên. Đôi khi chưa đi đến Côn-nôn mà bệnh nhân đã trút linh-hồn rồi !

Cỏ-ống xưa kia đã có người ở. Bằng chứng là nơi ấy người ta thấy có nhiều ngôi mộ đất có mộ chí bằng danh mộc trên có khắc chữ Hán còn đọc được.

Cỏ-ống có một vườn vừa lớn và rậm như các vườn dừa ở các tỉnh Định-tường và Kiến-hòa hiện nay.

#### **q) Bến-Đầm (Baie des Dames)**

Tức là một cái bãi con. Trên đất liền ở nơi này có trồng rau cải, khoai củ và nuôi gà vịt, dê. Ngoài các công việc ấy ra các phạm nhân còn phải đập đá trái đường, lưới cá và đốn củi. Công việc làm rất nặng nhọc.

#### **r) Hòn Bầy-Cạnh.**

Như trong chương nhứt đã nói, tại hòn Bầy-Cạnh nhà

cầm-quyền Pháp ở Côn-Đảo đã sớm cho dựng lên một hải-dăng và một đài vô-tuyến điện do một kỹ-sư người Pháp trông coi với sự phụ tá của một ít công-chức và thêm vào đó một thiểu số nhân-công phạm nhân. Trong trận thế- chiến thứ hai hải đăng và đài vô-tuyến điện bị bom Đồng Minh phá-hoại. Các nhơn viên nói trên được lệnh mang các máy về Côn-đảo và làm việc nơi ấy cho đến ngày Nhứt đảo Chánh mới thôi.

### s) Hòn Cau.

Hòn Cau chung quanh có núi bao phủ. Mặt tiền là một cái bãi. Phía trên bãi là một cái thung-lũng con. Nơi đây, như trong chương-nhút đã nói, người ta đã cất lên một nhà dưỡng lão và một đường đường cho những phạm nhân mắc phải bệnh bất trị. Ở hòn Cau các vị tuổi lớn có thể xin phép ra ngoài cất chòi ở để được thông-thả. Hòn Cau được đặt dưới quyền chỉ-huy của một Thầy-Chú người Việt.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG IV

Nói tóm lại về phương tiện giao-thông số đường (lộ) tại Côn-đảo tuy chưa nhiều nhưng hẳn đã làm thỏa-mãn nhu-cầu của địa phương được là vì vào năm 1945, toàn thể dân-số Côn-Đảo chỉ vừa được 6500 người hoặc đến 7000 người là cùng, kể cả nam phụ lão ấu. Ngày hôm nay quần-đảo Côn-Lôn đã biến thành tỉnh Côn-Son thì cuộc diện sẽ lại đổi khác và sẽ hòa nhịp với sự gia-tăng dân số. Cho đến năm 1945 các công-thự ở Côn-đảo thật ra chưa có gì đáng gọi là mỹ-lệ. Nhưng sau này Côn-đảo sẽ là một thắng cảnh quyến-rũ rất nhiều khách du

lịch quốc-tế. Chừng ấy bộ diện của châu-thành Côn-Nôn lẽ tất nhiên sẽ được đổi mới để phù hợp với tình thế.

Hiện nay nhiều cuộc sửa đổi lớn đã được thực-hiện tại Côn-Đảo từ khi quần đảo này đã được liệt vào hàng các tỉnh của Miền Nam nước Việt.

Dưới thời Pháp thuộc vào khoảng 1900 — 1914 nhà cầm-quyền Côn-đảo có đề-nghị với Chánh-Phủ Saigon xin đem toàn thể tội nhân tại đảo về đất và phân phối cho 20 tỉnh trong Nam Kỳ trông giữ để biến Côn-đảo thành một nơi du lịch. Nơi ấy sẽ có mở hoa chi cờ-bạc theo kiểu thành Ma-Cao (Áo-Môn) gần Quảng Châu bên Trung-Hoa. Được hỏi ý-kiến về việc này các Tham biện của hai mươi tỉnh đều phản đối không chịu nhận những tù trọng tội vào tỉnh mình vì lý do an-ninh và nhất là vì lý do thuần phong mỹ-tục. Vì lẽ đó mà đề nghị trên không thực hiện được.

\* \* \*

## *CHƯƠNG THỨ V*

---

### **VIỆC CAI TRỊ ĐỜI SỐNG CỦA CÔNG-CHỨC**

#### **I.— VIỆC CAI TRỊ.**

Đảo Côn-nôn đã chánh thức trở nên một nơi giam giữ các phạm nhân dưới quyền chính phủ thuộc địa Nam-kỳ bắt đầu từ năm 1862 nghĩa là sau khi triều đình Huế đã ký hòa ước 5 tháng 6 năm 1862 nhượng cho Pháp 3 tỉnh phía đông Nam kỳ là Biên-Hoà Gia-Định và Định-Tường (Mỹ tho).

Chế độ cai trị quần đảo này, như là sự tổ chức ngục thất Côn-đảo đã được Thủy sư đế đốc Bonard, vị Nguyên soái (gouverneur) đầu tiên của ba tỉnh nói trên, ấn định. Những phạm nhân bị đày trước tiên ra Côn-đảo là những người bị án từ 1 đến 10 năm trở lên.

Mấy mươi năm sau này chỉ những phạm nhân bị án từ 5 năm đến chung thân khổ sai mới bị đày ra đây.

Trước năm 1945, về phương diện hành chánh, làm đầu các cơ quan và các ngục thất tại đảo thì có một viên-quan cao cấp hoặc thuộc phái võ-biên từ cấp bậc Trung úy trở lên hoặc thuộc ngạch tham-biện các thuộc địa Pháp với chức « Giám-Đốc quần đảo » và ngục thất Côn-nôn tục gọi là « ông Lớn ».

Trong thời gian 1943-1945 vị Giám-Đốc Côn-đảo và các ngục thất là một Thiếu tá lục quân.

Dưới quyền Thiếu tá Giám-Đốc có mấy viên chức cao cấp điều khiển các cơ quan hành chánh và chuyên-môn sau đây.

a) Một Bác-sĩ Thiếu tá người Pháp điều khiển Cơ quan Y-tế của toàn quần đảo.

b) Một Đại-Úy người Pháp chỉ huy Trung Đội Lục Quân gồm toàn lính Pháp và Miên đóng đồn Côn-đảo (Caserne).

c) Một Tham tá người Việt đảm nhận chức vụ chủ sự văn phòng của vị Giám-Đốc. Vị này có ba thơ ký thuộc ngạch Nam-Kỳ Soái-phủ giúp đỡ.

**d) Một Giám lại ngục :** (Gardien — Chef)

Viên chức này là người Pháp mà người ta thường gọi là : « Ông Xếp Chánh cấp bậc tương đương với Trung-Úy

lục quân hoặc kém hơn, Viên chức này điều khiển 40 lại ngục (gardiens de prison) tục gọi là « Xếp » người Pháp, người Pháp lai hoặc có Pháp tịch (ngoại quốc hay người Việt) và hơn 80 Giám thị Việt (Surveillants) tục gọi là « Thầy Chú ».

Các Sở thuộc phạm vi đề lao Côn-nôn ở các vùng ngoại ô đều do các lại ngục người Pháp hoặc có Pháp tịch (người Ấn-Độ hay người Việt) điều khiển.

Mỗi lại ngục tại sở riêng của họ là một Ông « Chúa » của địa phương ấy. Họ có dưới tay mấy trăm phạm nhân và được một số Thầy Chú giúp sức. Họ có quyền sanh sát đối với phạm nhân. Bởi lẽ ấy nhiều khi họ hành hạ tội nhân đến thiệt mạng mà Chính phủ Trung-Ương không hay biết. Mỗi khi tội nhân tìm được miếng ngon vật lạ gì trên rừng hoặc ở dưới biển thì họ có bôn phạn dâng lên cho « Ông Xếp ».

Các ông « Xếp » ở các sở trên Quần đảo Côn-nôn đối với vị Giám Đốc toàn thể Quần đảo giống như các chư hầu trong 18 tỉnh nước Tàu ngày xưa đối với nhà vua toàn xứ Trung-Quốc. Ở Côn-đảo vị Giám Đốc nói trên nghiêm nhiên là một ông chúa vậy, « Chúa đảo ».

Đối với chúa đảo các « Ông Xếp » chủ sở phải phục tùng tuyệt đối. Có bắt được cá ngon, săn được thịt quý thì họ phải mau mau hiến dâng lên « Chúa đảo » để được hưởng ân huệ của Chúa, được « Chúa » đề ngôi lâu trong lãnh thổ của mình !

Ở Côn-đảo « Ông Lớn », vừa là Giám Đốc cơ quan hành chánh vừa là vị Chánh án những phiên tòa đặc biệt được mở ra tại Côn-đảo để xử các án như trộm, cướp, sát nhân tại đảo hoặc tội vượt ngục về đất v.v.,...

**e) Một cối kê viên : (Agent — Comptable)**

Viên chức này là người Pháp hay được gọi là ông Kho bạc. Vị này vừa là chủ sự « kho bạc vừa là chủ phòng Lục Sự của Côn-đảo. Theo đẳng cấp của ngành đề lao Côn đảo, vị Cối-kê viên là nhân vật thứ hai, ngang hàng với giám lai ngục, sau viên Giám-Đốc và có thể thay thế vị này khi vắng mặt.

**f) Một viên Sen đầm : (Gendarme)**

Viên chức này là người Pháp và dưới tay có vài người lính thuộc sở này.

Mỗi khi có phiên tòa mở ra tại Côn-đảo thì viên Sen Đầm đóng vai Biện-Lý buộc tội.

**g) Một Kỹ sư, người Pháp,**

Chủ sự Nhà đèn (nhà máy điện) Côn-đảo.

**h) Một Kỹ sư, người Pháp,**

Giám-Đốc đài vô tuyến điện.

**i) Một Giám thị người I-pha-nho, nhập Pháp tịch, coi Sở Lục-lộ.**

**j) Một chủ sự người Việt trông coi sở Bru-điện.**

**k) Một đốc công (contre maître) người Việt trông coi Sở Xà-lúp và các cù-lạp (canots)**

**l) Một bà Pháp Chủ-sự Hợp-tác-xã Côn-đảo.**

**m) Một nữ Giáo-viên người Pháp cai quản trường Tiểu-học của các trẻ con Pháp (con cái của các nhân viên người Pháp hoặc ngoại quốc có Pháp tịch)**

**n) Một giáo viên người Việt cai quản trường Tiểu-học trẻ con Việt-Nam.**

**o) Một lại ngục người Pháp được cử lên điều khiển**

Sở truy nã Côn-Đảo (Service des recherches) thay thế cho Ty Công An trong đất liền. Các nhơn viên của sở này đều được chọn trong số thường phạm có tánh hạnh tốt và trung thành với nhà cầm quyền Côn-đảo. Họ được đội mũ và mặc sắc phục như lính nhưng đi chân không và được mang mã-tấu thay vì súng lục hay súng thường.

## II.— ĐỜI SỐNG CÔNG-CHỨC TẠI CÔN-ĐẢO.

### a) Vị Giám-đốc :

Đời sống của vị « chúa đảo » rất là đầy đủ. Về phương diện vật chất vị quan cao cấp ấy không thiếu món gì : những cá ngon, sò lạ, ốc tươi, rau thơm cải đẹp đều được các nơi đem dâng.

Về phương diện tinh thần vị này có toàn quyền trên quần đảo đối với các công chức cũng như đối với 6.000 phạm nhân.

### b) Vị giám lại ngục :

Tức là nhơn vật thứ hai trên quần-đảo. Đời sống vật chất của vị này rất đầy đủ không kém vị Giám-đốc nói trên.

### c) Các chủ sở lớn (các ông Xếp)

Các vị này phần nhiều là người Pháp hoặc người Ấn hay Việt có Pháp tịch, được liệt vào hạng ba ở Côn-đảo. Lương bổng của họ rất hậu và đời sống vật chất cũng rất đầy đủ.

### d) Các chủ sự các cơ-quan hành-chánh :

Các viên chức này cũng được liệt vào hạng được ưu đãi. Tuy rằng họ có « học-lực » văn bằng cao nhưng họ không có thực quyền trong tay như các chủ sở lớn (Chuồng bò, Cỏ ống, Bến-Đầm, Đất-dốc, An-Hải, Ông Hội, Banh I, Banh II, Banh III, Bẩn-Chế, Sở Lục-Lộ, Sở Đập-đá, Sở lưới, Lò-vôi, Sở ruộng, Lò gạch v.v...)

Ở Côn-đảo các viên-chức ấy được ở những công-thự rất đường-hoàng. Họ được lãnh gạo, nước mắm, thịt rau, cải tươi, cá tươi nếu có. Mỗi ngày và mỗi tháng về mỗi thứ họ chỉ trả một số tiền rất nhỏ. Thí dụ : Về mỗi xuất rau cải thì mỗi tháng họ phải trả từ một đồng rưỡi đến hai đồng hoặc ba đồng là cùng. Nếu có cá tươi thì họ được lãnh mỗi xuất cá giá đáng năm hoặc mười lần số tiền ấy. Về các món thực phẩm khác như rượu, trà, đường, cà phê, đồ hộp và vải sớ thì họ mua ở Hợp tác xã Côn-đảo. Tại Côn-đảo vào năm 1945 không có chợ bán hàng-hóa thực phẩm. Trước năm 1944 có một vài tiệm bán tạp hóa của người Huê-kiều. Nhưng vì xảy ra lăm chuyen lòi-thời giữa các tiệm ấy và các phạm nhân nên nhà cầm quyền phải hạ lệnh đóng cửa các tiệm ấy và thay thế vào đấy bằng Cơ-quan Hợp tác xã do chính-phủ chủ-trương một cách gián-tiếp. Các chủ tiệm Huê-kiều nói trên đều bị bắt buộc phải rời khỏi đảo.

Mỗi viên-chức nói trên có quyền chọn một người bồi, một người bếp và vài ba người cu-li trong hàng thường phạm có tánh hạnh tốt.

Mỗi tháng mỗi người này chỉ được nhận của chủ năm đồng bạc thôi.

Vị Lương-y, vị Tham-Tá người Việt được liệt vào hạng này.

**e) Các Giám-thị, các thơ-ký, các Y-tá người Việt.**

Các công-chức này được liệt vào hạng năm ở Côn-đảo và là hạng chót. Họ được lãnh gạo, được ở trong những căn phố nhỏ bé của chính-phủ cất cho họ. Mỗi tháng họ phải đóng một đồng cho mỗi xuất rau cải, hoặc cá, nhưng thua về phẩm lẫn lượng các xuất thuộc cấp trên,

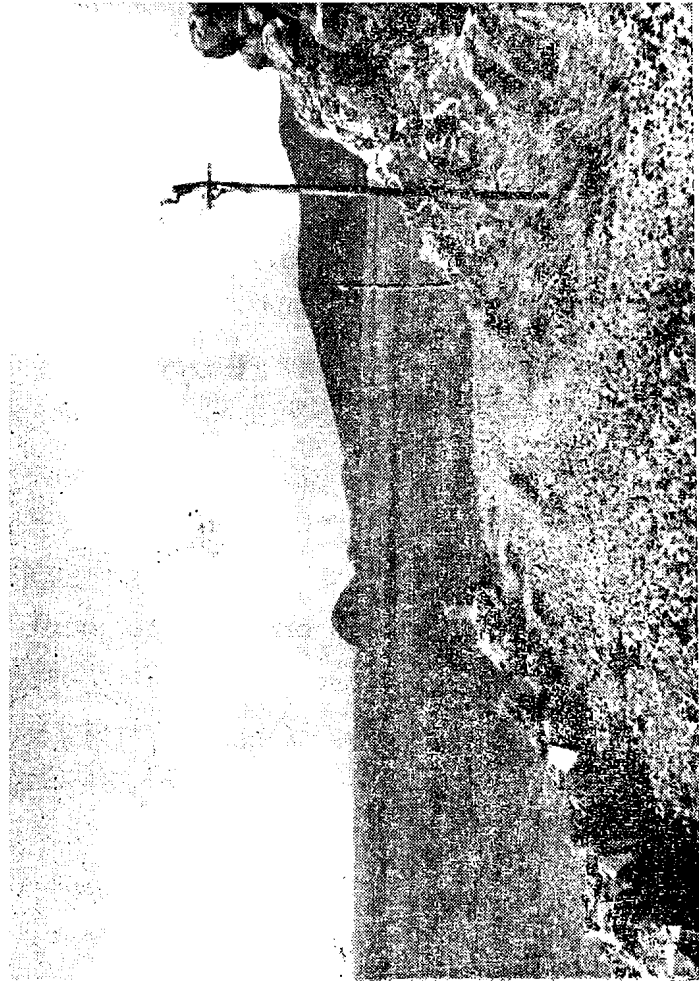


## BỀ MẶT VÀ BỀ TRÁI ĐỜI SỐNG CỦA CÔNG-CHỨC TẠI CÔN-ĐẢO

Về bề mặt đời sống của công-chức tại Côn-đảo rất là tốt đẹp. Khi hậu châu-thành Côn-nôn rất mát mẻ, dễ chịu. Ở Côn-đảo công-chức ít có dịp lãng phi. Mỗi tối, đến chín giờ là nhà nhà đều an-nghỉ vì ở trong châu thành không có các loại hi-trường như ở Saigon ; quán xá cũng không. Các khoảng chi-tiêu chính đều do chính-phủ đài-thọ. Bởi thế một Công-chức cần-kiệm, sau một thời gian ở Côn-đảo, có thể dành-dụm một số tiền to. Một thầy chú thuộc hạng cao-cấp đã ở Côn-đảo có đến mười mấy năm và tỏ ý không muốn về đất. Vị Công chức ấy có gia-đình đông và trong lúc nhàn rỗi lại ra mé biển câu cá kiếm thêm thức ăn cho gia quyến. Có nhiều gia-đình, khi nước thủy triều hạ xuống thì cho người nhà đi xuống bãi-biển lưới cá con bằng những cái vợt lưới hoặc dùng chĩa đâm cá, đâm mực, bắt sò ốc v.v... Gia-đình nào siêng thì không thiếu thức ăn bao giờ. Đời sống ở Côn-đảo có phần dễ-dàng là vậy.

Nhưng đó là bề mặt. Bề trái thực không được đẹp như thế.

Tại châu-thành Côn-nôn, những người ở Saigon mới ra đều nhận thấy khí hậu mát-mẻ, dễ chịu. Nhưng càng ở lâu thì họ thấy sức khỏe của họ bắt đầu xuống. Họ bị sốt rét, một chứng bệnh do loại muỗi đòn xóc (anophèle) gây nên, là vì chung quanh châu-thành Côn-nôn còn lắm hồ ao, giếng và các cỏ dại rất hợp cho sự sinh-sản mau chóng của loại muỗi này. Ngoài ra, nước uống tại châu-thành Côn-nôn thì nặng hơn nước ở Saigon. Ở các sở phạm nhân uống phải nước này có thể bị chứng ngã nước đến thiệt mạng. Thêm vào đó, khi đá, khí độc của



« Bốn phương mây trắng một màu  
« Trông vời cổ quốc biết đâu là nhà.  
*Đường trải đá chạy quanh bờ biển dưới chân núi, từ châu thành Côn-Nôn  
(nay là Côn-Son) qua Bến-Đầm.  
(Ảnh của Tổng Nha Thông Tin Việt-Nam)*



rừng núi đưa ra mỗi khi có mưa đủ làm cho sức khỏe con người suy giảm mau!

Vào năm 1944, vị Cối-kê-viên Côn-đảo có cho biết rằng ông và vợ ông, toàn là người Pháp, mắc phải bệnh rét kinh niên chữa thuốc không khỏi. Bà vợ ông đã mắc phải chứng bệnh đau tim, hậu quả của bệnh sốt rét kinh niên, mà bỏ mình.

Để tránh khỏi bệnh sốt rét và bệnh ngã nước các ông xếp các sở như : Cỏ-Ổng, Đất Dốc, Bến Đầm, An-Hải, Ông-Hội đều bằng ngày, ngoài thuốc Quinine ra, phải uống rượu Rhum Stella. Các thầy-chú cũng theo gương ấy và nhiều khi thay thế thứ rượu đắt tiền này bằng thứ rượu để hay là « rượu rừng ». Vì thế mà một số ông Xếp và thầy-chú đều nghiện rượu. Khi có chén thì họ trở nên hung tợn đối với phạm-nhân. Vì quanh quẩn chỉ có bao-nhiều phường-phố, bao nhiêu đường lộ và bấy nhiêu người, để giải trí, họ mới tự nhau lại uống rượu và đánh bạc. Nhiều vị phải mắc nợ vì thế. Cũng có một số tìm sự giải trí lành mạnh hơn bằng cách ra thư viện đọc sách, đi viếng các sở, đi núi vào uểnh ngày nghỉ hoặc tổ chức những cuộc đi câu, đá banh, đánh vợt (tennis) v.v...

Thỉnh-thoảng, tại rạp hát Chuồng-Bò có tổ chức những buổi hát bộ hoặc cải lương do các thường phạm hoặc chánh trị phạm có học thức đóng các vai đào và kép. Nhiều buổi hát cải lương đã được Ông Giám-Đốc, các ông Xếp các công chức hành chánh và các Thầy-Chú tán thưởng một cách nồng nhiệt. Số tiền thu được sau mỗi buổi hát kể cũng khá. Những buổi hát bộ thì dành riêng cho các phạm-nhân nhưt là phạm-nhân Chuồng bò sau những ngày đồn củi vất vả.

Ngoài những điều kiện không hay vừa kể từ « ông lớn » ông Xếp Chánh, các ông Xếp, các ông Vệ đến các

thầy-chú, tất cả mỗi vị đều phải luôn luôn có khẩu súng lục bên mình để phòng tội-nhân ám-sát.

Năm 1863 có cuộc nổi loạn chống người Pháp do tội nhân tên Nguyệt cầm đầu với sự đồng lõa của một số « lính bầu » và một số tội nhân khác. Bị tố cáo tên Nguyệt bị đem ra hành hình ngay tại đảo (xử thắt cổ).

Năm 1906 các phạm-nhân Sở lười ở Côn-đảo nổi loạn bắt một ông Xếp tây và hai thầy-chú ném xuống biển và đoạt thuyền về đất.

Một thời gian sau một ông Xếp Chánh và vài ông Xếp nữa bị phạm nhân ám-sát.

Cuối năm 1917 tội nhân ở Banh I nổi loạn, toan cướp súng trong văn phòng ông Xếp Chánh và Thầy-Chú đặt trước cửa ngục thất này. Hay tin ấy bên thành sẵn-đá ở sát vách Banh I quân lính bèn xả súng liên thanh bắn qua. Số tội nhân chết có đến 100 người. Việc này đã xảy ra trong nhiệm kỳ của vị Giám-Đốc Andouard.

Năm 1919 ông lớn Côn-đảo là Trung-úy Andouard nói trên bị một phạm nhân vào phòng giấy của ông bắn chết ông với cây súng lục mà nó đã ăn cắp của vị sĩ-quan Pháp cai quản đồn sẵn đá Côn đảo. Việc xong tên sát nhơn này bèn tự bắn lấy nó và ngã gục gần xác của Trung-Úy Andouard.

Vào khoảng 1943 các người « Lưu » đều hè nhau bắt trói một thầy chú và khiêng về Côn-Đảo để phản đối trước mặt ông Xếp Chánh sự lạm quyền quá mức của vị giám thị ấy.

Cuối năm 1943 nhà cầm quyền Côn-Đảo có khám phá ra việc làm giấy bạc giả và việc mưu chiếm Côn-đảo của một số chính trị phạm.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG V

Từ năm 1862 đến năm 1945, trước ngày Nhật đảo chánh quần đảo Côn-lôn hoàn toàn thuộc Pháp và được coi như một quận (arrondissement) của chính quốc Pháp. Vì lẽ ấy mà vị Giám-Đốc, vị Giám-lại ngục (ông xếp Chánh) và các viên chức chuyên môn người Pháp hoặc người Việt có Pháp tịch được trả lương rất hậu. Nhưng ngoài bề mặt quyền rũ như thế ra, bề trái không mấy đẹp.

\* \*

## CHƯƠNG THỨ VI

### **ĐỜI SỐNG PHẠM NHÂN TẠI CÁC SỞ Ở CÔN-ĐẢO**

Đầu năm 1945 ở khắp quần đảo Côn-lôn tổng số có đến 6.000 phạm nhân được chia ra làm ba loại như sau : Lưu, Thường phạm và Chánh trị phạm.

#### **A) Lưu : (Les relégués).**

Hạng Lưu là hạng người can phạm án ăn trộm, ăn cắp nhiều lần, bị phạt tù mà không hối cải ; cho nên lần chót tòa chiếu theo các tiền án phạt đương sự một năm hoặc hai năm lưu. Câu ấy có nghĩa là : sau khi họ ở hết án trong một hay hai năm thì chánh phủ Pháp trả lại tự do cho họ nhưng không cho họ về nguyên quán mà, trái lại, đưa họ ra an trí tại một khu vực riêng biệt ở Côn-đảo là Sở Muối.

Ở Côn-đảo người « Lưu » không phải là phạm nhân nữa mà là người thường dân bị an trí trong một khu vực

riêng biệt. Đúng lý ra họ phải sống một cuộc đời lương thiện mới phải để chứng minh sự hoàn lương của họ. Nhưng không, tánh nào tật ấy. Trong « Xã-hội người Lưu » ở Côn-đảo, họ đã nổi tiếng về tài ăn cắp, ăn trộm của họ. Chẳng những họ ăn cắp, ăn trộm rất tài tình đồ đạc của các công chức, các ông « Xếp » và « Thầy Chú » mà đến những vật dụng ít ỏi của các phạm nhân khác ở các Sở họ cũng chẳng tha nào ! Ngay đối với bạn Lưu với nhau họ cũng luôn luôn giở cái ngón khả ố ấy nữa ! Bởi vậy đối với nhà cầm quyền Côn-đảo người « Lưu » có giá trị thấp hơn một người thường phạm nhiều.

Ở sở Muối có 600 người Lưu. Trên áo vải xanh của họ nhà cầm quyền đã hạ lệnh cho viết chữ « R » to tướng bằng sơn trắng để mọi người ở Côn-nôn dễ nhìn biết họ. Họ bị cấm ra khỏi khu vực Sở Muối của họ. Độ nọ, đồng hồ gõ 12 giờ tất cả công chức cũng như phạm nhân đều an nghỉ. Bỗng có tiếng la « Lưu ! Lưu ! » và có tiếng rượt đuổi, đánh đập ầm ĩ, chẳng khác nào một cuộc đuổi bắt một con ác thú ! Thì ra, hơn buổi trưa sự canh phòng tại châu thành Côn-nôn không được gắt gao, một người « Lưu » đã từ Sở Muối lần mò ra Côn-nôn và vào nhà một Thầy Chú để giở trò « Đạo chích ». Nhưng rủi cho y, chủ nhà ngó thấy và tri hô lên nên mới có sự huyền não như thế. Thương hại cho y ! Không lấy được gì mà y phải bị một trận đòn nên thân và phải mau mau chuồn về Sở Muối !

Ở Sở Muối người « Lưu » không chịu tự lực cánh sinh. Họ chỉ trông mong sống với tài « Đạo chích » của họ. Rốt cuộc Chánh quyền Côn-đảo phải đối xử với họ như một hạng thường phạm thuộc loại tệ nhất. Họ bị bắt buộc phải trồng rau cải, chuối mít để nhận gạo, muối, nước mắm, quần áo xanh và các thức ăn khác do chính quyền Côn-đảo phát. Nhiều khi vì cò bạc và thiếu ăn một số người Lưu

bướng bỉnh, dám ra làm nghề đánh lộn và chém lộn mướn. Có khi họ cần gây ra tội tình để trở lại đời phạm nhân mà họ cho là khá hơn đời người «Luu». Để chung bao người Luu sống với nhau là đưa họ đến cái cảnh tự sát. Sống giữa một số người tinh tình độc ác, xấu xa hơn họ thì họ có bắt chước được điều gì hay đâu? Trái lại, họ rất bi quan! Tinh-thần của họ mỗi ngày mỗi xuống cho đến ngày họ tuyệt-vọng và chết một cách thảm thương! Ấy là trường hợp của hai người phạm-nhân có học-thức được chọn ra làm thơ ký phụ ở một Công Sở tại Côn-nôn. Trong thời gian ấy họ có một tinh tình khả ái, biết phải quấy như các thường-phạm hay chính-trị-phạm cùng một Sở. Nhưng sau đó vì họ phạm một tội lỗi gì nên họ bị trả về Sở muối. Kể từ ngày nói trên tinh-thần họ xuống quá thấp, họ mất hết sắc diện người bình thường và ít tháng sau họ chết trong đường đường Banh II một cách thê thảm!

Về điểm này người ta thấy rằng ảnh hưởng của xã-hội rất cần-thiết cho đời sống cá-nhân. Sống trong một xã hội tốt người xấu, sau một thời gian, có thể nhờ bắt chước mà trở nên người tốt được. Trái lại, sống trong một xã-hội xấu, thì người dù tốt đến đâu sau lâu ngày cũng sẽ trở nên xấu. Bài thơ xưa sau đây đủ chứng minh ảnh hưởng quá lớn của xã-hội đối với cá-nhân:

*Chi-lan mọc lẫn cỏ hoa thường,  
Chẳng để mũi gần chẳng biết hương,  
Hiền-ngõ rủ sanh đời bạo ngược,  
Dầu trong thánh-đức cũng ra thường.*

Xã-hội người Luu ở Sở Muối không phải là thiếu người có tài về nghề hát-bộ. Mỗi buổi chiều thứ bảy nào tại rạp hát Chuồng bò cũng có những kếp hát thuộc Sở



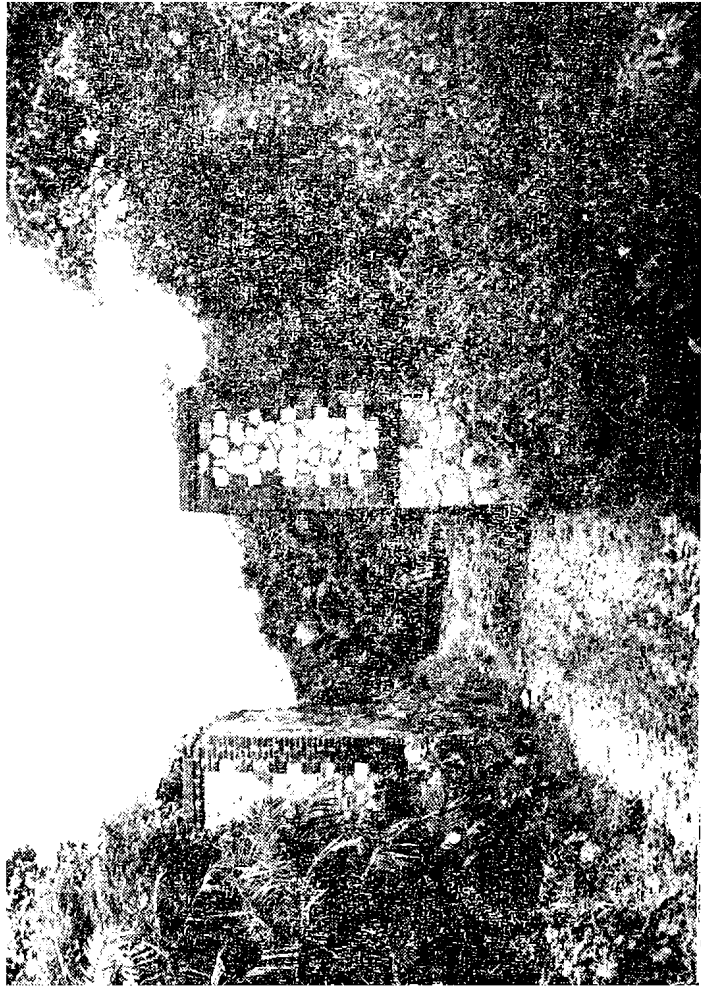
Muối lên sân-khấu. Họ đóng nhiều vai trò giúp vui cho các anh em cùng trong cảnh khổ. Nhiều vai kép của họ đã được khán giả hoan-nginh đặc biệt.

### B.— Thường-phạm.

Thường-phạm là những người can phải án như biển-thủ tiền bạc, giả mạo văn-tự, làm giấy bạc giả, oa-trữ đồ gian, trộm cướp, giết người vãn vãn và phải tù từ 5 năm cho đến khổ sai chung thân ! Các thường-phạm bị đày ra Côn-đảo đều thuộc vào loại khổ sai cả. Họ được coi là không nguy hiểm về phương diện chính-trị và được cho ra ngoài làm việc ở các Công Sở, các nông trại, các sở chăn nuôi và kỹ-nghệ. Họ thường được đưa ra ngoài làm bồi, bếp cho các công-chức Pháp và Việt.

#### 1) Phạm-nhân thơ-ký.— (Secrétaires detenus).

Tức là phạm-nhân có học lực khá, trước kia ở trong đất đã có làm thơ-ký cho các hăng, các Sở công và tư. Họ là hạng phạm-nhân được ưu đãi nhất ở Côn-đảo. Cả ngày họ được tự do ở ngoài để mỗi ngày đến làm việc hai buổi, mai và chiều, tại các Văn-phòng các Sở. Họ được mặc áo trắng quần trắng của chính-phủ phát cho, hoặc họ tự may lấy. Họ được đi guốc gỗ, đội nón lá, hớt tóc chớ không bị cạo trọc như các phạm-nhân ở các Banh. Mỗi ngày họ lĩnh xuất ăn (đồ sống) của họ tại Banh I rồi đem về Sở để tự nấu lấy mà ăn. Tối đến đúng 9 giờ thì họ mang mền (chăn) chiếu, gối vào Banh I ngủ đề rồi đúng 6 giờ 30 ngày sau họ lại ra làm việc như thường lệ. Mỗi ngày họ được lĩnh 0\$80 tiền lương. Trừ tiền cơm, tiền quần áo, tiền tổ tụng, tiền lưu ký (pécule) ra thì mỗi tháng họ chỉ lãnh 0\$46 hoặc 0\$70 là nhiều lắm. Nếu gia quyến gởi tiền cho họ, thì Sở Kho Bạc lãnh thay họ và giữ số bạc ấy lại và mỗi tháng chỉ phát cho họ 2\$00 mà thôi



*Đèo Ông Đụng (lúc gọi là Ma-Thiên-Lãnh) tại đảo Côn-Lôn (Côn-Son).*

*(Ảnh của Tổng nha Thông-Tin Việt-Nam).*



Biện pháp này cốt để tránh sự chém giết nhau vì tiền. Tuy vậy, họ vẫn lập thể lãnh trọn số tiền người nhà gởi ra bằng cách sau đây : Họ thương lượng trước với một công chức làm việc tại đảo và gởi thư về nhà báo khéo phải gởi tiền ra cho công chức ấy. Công-chức này sẽ lãnh trọn số tiền gởi ra rồi đưa lại cho phạm-nhân nói trên. Trường hợp này chỉ được áp dụng là khi công chức ấy là người rất thân của gia đình phạm nhân trong đất. Nhờ cách này mà có nhiều phạm nhân thường có bạc trăm trong mình.

Cũng như công chức, các phạm nhân thư-ký được nghỉ chiều thứ Bảy và trọn ngày Chủ-Nhật. Nhân mấy ngày nghỉ ấy họ mới lên viếng các đồn-diền, các Sở trông tọt như : Cỏ Ống, Đất Dốc, Bến Đầm, An Hải, Ông Hội, Sở Tiêu, Lò Gạch, Ông Đụng, Sở Cải, Sở khoai-lang, Sở Ruộng v.v... Đi tới đâu họ được các thường phạm biệt đãi bằng cách đem chuối, mít, khoai củ ra mời họ, nấu cơm làm gà đãi họ. Sở dĩ họ được kính trọng như vậy là gì các thường phạm các Sở, các nông trại luôn luôn cần đến sự bảo vệ, giúp đỡ của họ trong việc « chạy sở » (đổi sở làm). Tình trạng ấy giống như tình trạng các thông ngôn, ký-lục ở các Tòa Tham-biện trong Nam, các Tòa công-sứ ở Trung và ngoài Bắc đối với các chính tổng, lý dịch và dân chúng ở thôn quê trong đất liền ngày xưa.

Trong số phạm nhân thư-ký, đáng kể nhất là chức Memento. Nghĩa chữ Memento là : dấu hiệu để nhớ. Ở Côn-đảo chức Memento là Bí-thư của Ông Xếp Chánh. Phạm nhân nào, nhưt là thường phạm, được chọn làm Memento phải có một trí nhớ dồi dào, phải lanh lẹ, tháo-vác hiểu tiếng Pháp cho khá và nhưt là phải am hiểu tình-hình các phạm-nhân trên quần-đảo. Việc cất cử các Ông Xếp, các Thầy Chú thuộc ngành lưu-động làm công tác này,

công tác nọ mỗi ngày đều do Memento đề nghị lên Ông Xếp Chánh cả. Bởi thế người Memento rất được ông này tin cậy và rất có quyền chẳng những đối với các phạm-nhân trong việc « chạy sổ » mà còn đối với các Thầy Chú nữa. Việc trái ngược đã xảy ra tại Côn-đảo là Memento là một phạm-nhân lại có quyền hơn các ông Vệ, các Thầy Chú là Công-chức. Bởi thế ngày Tết tây và ngày Tết ta Memento được các thầy chú biếu các thứ rượu tây, bánh hộp rất ngon, chưa nói đến các món quà của phạm-nhân. Muốn « chạy sổ » (xin đổi sổ này để sang làm sổ khác, để làm công việc nhẹ hơn) họ phải thiết tha khéo nói với Memento với món « vi-thiền » ít nhất là 5\$. Ở Côn-đảo mỗi tháng mỗi tội nhân lãnh không quá 1\$00 lương thì số bạc 5\$00 thật là quá lớn. Nó đòi hỏi ít nhất sáu bảy tháng lương.

Ở Côn-đảo, mỗi khi vì một biến chuyển nào Memento tại vị mất chức thì có sự vận động ráo riết của phía người ra ứng cử là vì nếu người ấy được chức Memento thì phái đảng của người ấy sẽ được nâng đỡ rõ rệt, in hết như những việc ứng cử, đề cử trong chánh giới ở trong đất. Thiệt rất buồn cười ! Có ai ngờ đâu ở nơi sơn-cùng thủy tận này, trong xã-hội nhà tù, lại cũng có sự cạnh-tranh về ngôi thứ nữa ! Trên lưng đã mang nặng án tiết mà vẫn còn hối-mại quyền thế như ai ! Trong cái cảnh đèn tội là cảnh chết chưa chôn mà vẫn còn có người không một chút hối-hận lỗi xưa !

## 2) *Phạm nhân trợ-y-tá* (Aide-infirmiers).

Tức là những phạm-nhân có học lực khá, có tính hạnh tốt (thường phạm hoặc chánh-trị phạm) được cho ra tập sự trong một thời gian ở các dưỡng đường Côn-đảo. Sau khi lành nghề họ được phái đi các Banh, các Sở săn sóc các bệnh-nhân.

Phạm-nhân trợ-y-tá thuộc về loại phạm nhân ưu đãi sau các phạm-nhân thơ-ký. Họ được các phạm-nhân khác kính-nể và các thầy chú ưu-đãi. Với nghề tiêm thuốc riêng cho các Công-chức và gia-quyển các vị này một trợ-y-tá có thể kiếm khá tiền và sống phong lưu không thua một công-chức bậc trung ở Côn-nôn.

### 3) Bồi, bếp (Boys, Cuisiniers)

Tức là hạng phạm nhân ưu đãi thứ ba ở Côn-đảo. Họ được mặc quần áo trắng, hoặc áo trắng quần thâm, có dáng điệu sạch sẽ. Họ ở tại nhà chủ trọn ngày, được ăn uống no đủ. Tối lại đúng 9 giờ họ sẽ vô Banh I ngủ rồi sáng đúng 6 giờ rưỡi lại ra. Mỗi tháng chủ họ cho họ 5\$. Ngày mà bồi bếp lãnh lương thì đêm ấy trong Banh I đều thấy rõ. Sau khi cửa geôle đóng chặt rồi họ mới xúm nhau lại mở sòng xóc đĩa, đánh bạc sáng đêm. Họ nói khe khẽ để các Ông Xếp ngồi gác bên ngoài không nghe. Gặp phiên gác của những Ông Xếp hiền từ thì họ tha hồ đồ bạc. Trái lại, rủi đến phiên các ông Xếp hung tợn thì họ phải bị nhiều trận đòn toát mồ hôi ! Nghe họ nói thì thăm trong khám một ông Xếp bắt thang leo lên lỗ trống dòm vào. Thấy rõ ràng họ đang đánh «xóc đĩa» ông Xếp liền nhẹ nhẹ leo xuống thang, chạy đi mời vài Ông Xếp nữa đến trợ lực. Sau khi đã chuẩn-bị xong xuôi gây to nơi tay, các Ông Xếp bèn mở cửa Geôle ào vào một lượt và đánh tứ tung. Các con bạc hoảng kinh chạy tán loạn trong sanh (salle). Kẻ lạng lách chạy lại chui vào đám thơ-ký đang ngủ, nằm im giả ngủ và nhờ thế họ khỏi bị đòn. Trái lại, những kẻ nào còn chạy vơ vẩn thì bị đánh tại trận ít gây, bị lôi ra ngoài lãnh thêm ít gây nữa và bị lấy tên và số dính bài. Ngày sau những kẻ ấy đều bị bỏ hầm (cachot) nếu Ông Xếp thâu nhặt được tang vật (quần bài và tiền).

#### 4) Các phạm-nhân tùy-phái và cu-li.

Tức là phạm-nhân được ưu đãi thuộc hạng thứ tư tại Côn-đảo. Ngoài số tiền lương 0\$46 mỗi tháng và mỗi khi có lễ lớn được chủ thưởng cho mỗi người 2\$00 ra thì họ không có huê lợi nào khác nếu người nhà không gởi tiền cho họ. Tuy vậy họ cũng tự hào rằng : được ưu đãi là vì họ khỏi phải làm việc khổ-sai, chết người, như đốn củi, kéo cây, đập đá, mò san hô, gỡ tổ yến và khỏi phải ở các nơi sơn lam chướng khí như Sở Tiêu Đất Dốc, Ông Đụng Cỏ ống. Họ là phạm nhân tốt số hạng chót ở Côn-đảo.

#### 5) Các phạm nhân ở các Sở ngoại thành.

Các phạm nhân làm việc ở các sở như : Sở khoai-lang, Sở Cải, Sở Lò Gạch, Sở Ruộng cũng được liệt vào hạng tốt vì công việc họ làm rất nhàn. Họ được ở ngoài, được cất chòi riêng để trông nom công việc của Sở. Họ có quyền nuôi gà, nuôi vịt, trồng thuốc lá bán lấy tiền, ngoài sự trồng trọt cho chính phủ. Năm 1945 có một ông cụ ở Sở Ruộng bị án bảy năm khổ sai và đầy ra đó mấy năm về trước. Ông có một cái nhà tranh riêng. Ngoài sự đóng cày và bừa cho Sở Ruộng ra ông được phép nuôi gà nuôi vịt lấy trứng bán cho công chức ở Côn-nôn. Ngoài ra ông lại có trồng thuốc lá. Lúc ấy thuốc tây ở Saigon không thể đem ra được và khắp Côn-đảo giá thuốc lá rất cao : mỗi điếu giá 1đ.00. Nhờ bán thuốc lá do ông trồng mà ông được nhiều tiền. Ngày ông mãn án về đất vào hạ tuần tháng 8 đl. 1945 ông có một số tiền đến 2000đ.00 (trị giá bây giờ có đến 2 vạn). Các sở nói trên được dựng lên trên thung lũng Côn nôn mặt tiền không có núi nên luôn luôn có gió biển thổi đến. Các phạm nhân thuộc các sở này đều mạnh khỏe và cố sức vận động để được ở nơi đó lâu chừng nào hay chừng ấy.

### 6) Các phạm nhân ở các sở nước độc.

Nước ở các Sở ấy rất độc và các sở ấy thường là các thung lũng con bốn bề có núi ; gió biển không thổi đến được nên chương khí rất nhiều và làm hại sức khoẻ phạm nhân không ít. Các sở ấy là Sở Tiêu, Đất Đốc, Cỏ Ống, An Hải, Ông Hội, Ông Đụng.

### 7) Sở Chuồng bò.

Như trong chương trước đã nói : Sở Chuồng bò chuyên lo hai việc là : nuôi bò cái đẻ lấy sữa, nuôi bò thịt, lợn do Saigon gửi ra để lần hồi giết thịt, và sau đó là việc đốn bốn loại củ : củ nhà đèn, củ hầm than, củ hầm vôi, củ banh.

Công việc thứ nhất kể ra cũng nhàn và phải thần thế lắm, phải biết cách « vi thiềng » với phạm nhân thợ kỹ Sở ấy mới được.

Công việc ghê gớm nhất là việc đốn củ. Như trước kia đã nói : có bốn thứ củ với nhiều đặc sắc như sau :

**a) Củ nhà đèn**— Tức là loại củ dài đúng một thước tây, to bằng bắp vế và phải là loại gỗ tốt mới được. Nếu các điều kiện ấy không theo đúng thì một khi đem củ ấy về nhà đèn đun máy điện sẽ không lên chữ. Như thế các phạm nhân phụ trách việc đốn củ này sẽ bị hình phạt nặng nề : họ bị đánh bằng hèo và bị bỏ hầm.

Việc đốn củ thuộc loại này rất khó khăn là vì họ phải đi thật xa, trèo lên núi cao mới tìm được thứ củ này. Nhưng loại củ này hết dần và mỗi ngày họ mỗi đi xa hơn nữa. Điều đáng ngại là sự vác củ ấy xuống núi cho đến nơi nấp củ. Công việc này vất vả không thể tưởng tượng được, nhất là mùa mưa trơn trượt làm chết người ! Vì vậy mà những tội nhân bị cắt đi đốn loại củ này tìm



thế « chạy sở » bằng cách lấy rựa chặt ngón tay cái mình rồi cáo bệnh nằm nhà thương để tìm thế đi sở khác. Nếu việc ấy không được thì họ nhân việc đốn củi lên đống bè trồn về đất. Việc này rất nguy hiểm, thập tử nhất sinh. Nếu không làm được vậy thì hơn việc đi đốn củi trên họ bút mây rồi kết liễu cuộc đời tử nhục của họ ! Việc này đã xảy ra vào giữa năm 1944. Đầu năm ấy có độ bốn năm phạm-nhân người Miên lực-lưỡng bị đày Côn-đảo và bị đi đốn loại củi này. Một ngày kia, chiều lại, không thấy họ về Ông Xếp nghi họ vượt ngục. Nhưng ít hôm sau có người vào núi tìm thấy họ chết treo ! : Hài cốt họ đã tan rã và chỉ còn lại một đống xương thôi !

**b) Củi hầm than.**— Loại củi này dài đúng một thước tây, lớn bằng bắp tay và phải là gỗ tốt thì hầm than mới tốt. Loại than này sẽ phân phát cho các công chức và thầy chú dùng.

Loại củi này rất khó kiếm không thua loại củi nhà đèn và cách đốn cùng sự vác xuống núi cũng là gian nan khổ sở không kém loại củi trước. Ấy là loại củi thứ hai giết người.

**c) Củi lò vôi.**— Tức là loại củi dùng để hầm vôi. Loại củi này không cần dài đúng thước và không cần phải là thứ gỗ tốt. Một gốc cây, gồm cả rễ đào ở đất bằng cũng có thể được thu-nhận làm củi lò-vôi.

Sự đốn loại củi này ít vất-vả vì khối lên xa trên núi.

**d) Củi Banh.**— Tức là loại củi đun ở các banh để nấu cơm và các thức ăn cho tội nhân. Loại củi này có thể to bằng tay út, chon cái và có thể tìm ra ở dưới chân núi, dọc theo bìa rừng, các bụi cây, vùn vùn. Ấy là loại củi dễ



**Cụ Tậy - Hồ Phan - Chu - Trinh đã từng đập đá ở  
Côn-Đảo vào năm 1908.**



kiểm nhất và phải có phe đảng mới được giao phó để làm công việc này.

Ở Chuồng-bò số phạm-nhân chuyên việc đốn bốn loại củi có đến ba bốn trăm người.

Mỗi ngày, 5 giờ sáng họ phải thức dậy và, theo hiệu lệnh, ra ăn cháo hoa (cháo trắng) với khô chiên. Kế đó họ phải chuẩn bị các dụng cụ cần thiết để vào núi đốn củi.

Những phạm nhân lần đầu tiên bị cắt đi đốn củi thì trong tuần lễ đầu họ chỉ nạp 5 tấn khối mỗi ngày thôi. Tuần lễ kế họ phải nạp đủ mỗi ngày là một thước khối (stère). Nếu ngày hôm nay họ thiếu mấy tấn thì ngày mai họ phải bù lại cho đủ. Phạm nhân nào thiếu nhiều quá, trả không nổi, sẽ bị cặp-rắn báo cáo lên chủ-Sở Chuồng bò. Chiều lại, lối 6, 7 giờ khi tắt cả phạm-nhân đồng về đủ mặt chủ Sở mới hải tội phạm nhân ấy ra và phạt đánh đòn có đến một hai trăm hèo. Phạm nhân bị đánh không còn la lối gì nữa, và người ta đánh họ như đánh một cái áo, nghĩa là đánh vật vô tri vô giác vậy. Trong năm 1945 vì ăn uống thiếu thốn, vì quần áo không có và phải chịu thân trần-lở nhiều phạm nhân Sở Chuồng bò gầy còm, nước da đen sạm, bộ mặt bơ-phờ, mất hết tinh thần và không còn phẩm cách con người nữa ! Khi gặp họ ở trong rừng đi ra, thân hình trần trụi, đầu đội bó củi, người ta khó nhìn biết đó là con người ! Bởi thế ở Côn-đảo tất cả phạm-nhân, bất luận thường phạm hay chánh-trị-phạm, đều ghê sợ Sở Chuồng bò.

Một phạm nhân trong Saigon vừa bị đưa ra Côn-đảo, có hỏi ý kiến một phạm-nhân khác ở Sở Chuồng bò. Phạm nhân này bị bệnh nặng nằm dưỡng bệnh tại Banh II cho biết : « Đi chuồng bò là tự vận a ! » Giọng nói của

phạm-nhân ấy tỏ ra một con người mệt nhọc, bệnh tình rất trầm trọng. Một bệnh-nhân khác, trước kia cũng ở Sở Chuồng bò, nghe vậy bèn lật đật ngồi dậy nói thêm rằng « Ở Cón-nôn này ai ai cũng đều biết rằng : Sở Chuồng bò là nơi vô một gà, ra phải ba trâu !!! » Lời ấy chứng tỏ rằng : Vô Sở Chuồng bò thì dễ mà ra Sở ấy rất khó khăn, phải tróc vảy lời vì mới ra được ! Ấy là cửa ngục thứ mười, cửa chết người ở Cón-đảo vậy !

8) *Sở Kéo cây*.— Như trước đây đã có nói Sở này chuyên đốn gỗ to trên núi rồi lựa chiều của triền núi mà cho các khúc gỗ ấy chạy xuống đến bãi biển. Công việc này rất mệt nhọc và nguy hiểm cho phạm nhân. Nhiều người chạy không kịp bị cây đè mà chết, hoặc nếu còn sống thì mang tật cả đời. Ấy là Sở giết người thứ hai của Cón-đảo !

9) *Sở Đập đá*.— Nếu công việc của Sở này chỉ có đập mấy cục đá hoa cương to ra thành đá miếng trải đường thì có chi gọi là việc chết người. Sở dĩ công việc đập đá có cái tên như thế là vì ; ngoài công việc vừa nói, còn có việc bắn đá tại núi Chúa. Mặt tiền núi này trơn trượt, ít cây và chỉ có những tảng đá khổng lồ chồng chất lên nhau thôi. Chính các tảng đá chình-chong ấy là mầm gây ra tai nạn giết người. Mỗi lần bắn đá thì trời long đất lở. Cả vùng núi Chúa đều rung rinh. Trong lúc ấy các tảng đá vừa nói lăn xuống chơn núi với một sức nặng không biết bao nhiêu tấn và cán nát vào cây cỏ nào phạm nhân đang ẩn núp phía dưới. Năm 1945 người ta còn thấy tảng đá khổng lồ trước kia đã đè chết nhiều người nằm ngao ngễ trên mặt đất, gần lộ đá chạy qua chân núi Chúa !

Mấy mươi năm về trước, nhờ cách lấy đá như trên mà nhà cầm quyền Cón-đảo đã cho cần đá một khoảng

dài độ 2 kilômét của mé biển mặt tiền châu-thành Côn-nôn. Những tội nhân ở lâu tại Côn-nôn cho biết rằng : « Bờ biển cần đá ngày hôm nay của châu-thành Côn-nôn trước kia đã đánh đổi với mấy trăm mạng người rồi đó ».

Năm 1908, vào tháng tư, cụ Phan-chu-Trinh bị đày ra Côn-đảo. Lúc đầu cụ bị giam-giữ trong Banh I mất vài tháng và hằng ngày cụ bị đưa đi đập đá ở Sở nói trên.

Nhơn dịp này cụ có làm thơ kỷ niệm như sau :

*Làm trai đứng giữa đất Côn-Lôn,  
Lùng lẩy làm cho lở núi non.  
Xách búa đánh tan năm bảy đống,  
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.  
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,  
Mưa nắng chỉ sờn dạ sắt son.  
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,  
Gian nan nào sợ sự con con !*

10) *Sở Lò vôi* : Sở này chuyên việc đi lấy san hô ngoài biển cách châu thành Côn-nôn độ 2 kilômét, giữa Côn-nôn và Hòn Bảy-Cạnh.

Sở này gồm một số Xà lan (Chalands) có tàu dặt, một số tội nhơn trên trăm người và các dụng cụ cần thiết.

Đến mùa mưa nước thủy triều ban đêm hạ xuống thấp nhứt thì người ta bắt đầu làm công việc này.

Ban ngày các phạm nhơn nói trên, sau ba buổi cơm, đều được tự do ngủ đến tối. Tối đến, độ chừng bảy giờ họ được đánh thức dậy và chuẩn bị sẵn sàng để ra khơi.

Khi các xà lan đều đầy nhóc phạm nhơn với những dụng cụ, dưới sự hướng dẫn của một ông Xếp và nhiều

Thầy Chú, một chiếc tàu xà lúp (chaloupe) chạy đến kéo các xà lan ấy ra đến nơi đã được chỉ định. Tàu xà lúp và các xà lan đồng được lệnh « Quăng neo ». Lúc ấy nước thủy triều đã hạ xuống còn chừng một thước tây bề sâu. Tức thì lệnh « Quăng neo » đều được thi hành tức khắc. Trên mỗi xà lan đèn đuốc sáng trưng. Ai nấy đều ngồi chờ. Trong lúc ấy, ở bờ biển Côn-nôn trông ra người ta có cảm tưởng như một đoàn thuyền chài hợp thành một tiểu đô thị trên mặt nước ! Trông rất là ngoạn mục. Khi thủy triều hạ xuống còn chừng 5 hoặc 6 tấc nước thì ông Xếp ra lệnh « Khởi công ». Tức thì người nhảy xuống nước, kẻ ở trên thuyền, hèo gậy, xà ben giơ lên như rùng, giữa những tiếng cười nói, kêu bảo nhau ỳnh ỏi ! Mỗi phạm nhân phải đào cho được một thước khối san hô. Vì lẽ đó mà họ hiệp nhau từng cặp hai người hoặc từng nhóm bốn người. Phần nửa người khỏe mạnh, chịu lạnh giỏi thì nhảy xuống nước, xeo san hô rồi trao lên cho những bạn ở trên thuyền sắp lại thành thước khối cho Thầy Chú đo. Công việc làm phải gấp rút vì hễ thủy triều lên thì chẳng những không nay được san hô mà còn nguy hiểm cho tánh mạng nữa ; là vì thấy đèn nhấp nháy ngoài xa đàn cá mập đánh hơi tất nhiên sẽ đến ! Công việc làm như thế kéo dài đến một hai giờ khuya !

Khi đoàn xà lan về đến Sở Lò-Vôi thì đã ba bốn giờ sáng rồi. Các phạm nhân mệt lả, đặt lưng xuống là ngủ ngay. Trong lúc ấy thì một toán phạm nhân ở nhà, xuống thuyền khuân san hô lên bờ, chất thành đống to như núi. Tới những tháng không có lấy san hô ban đêm được nữa thì người ta mới khởi sự hầm nó trong lò để làm ra thứ vôi bột rất cần thiết cho sự trộn hồ cát các dinh thự.

Như trên đã nói, công việc lấy san-hô ở dưới biển ban đêm, tuy là vất vả nhưng cũng còn có thể làm được

nếu đêm nào trời quang mây tạnh. Trái lại, trong những đêm mưa dầm gió bắc thì thật là một công việc chết người, công việc khổ-sai đầy đủ ý nghĩa của nó ! Bởi thế Lò-vôi cũng được coi là sở giết hại mạng người, sau mấy sở trên. Ngoài sự mệt nhọc bệnh hoạn mà chết, các phạm nhân đi lấy san-hò có thể hoặc bị đập miếng hào đứt tận xương không thuốc chữa đến chết, hoặc bị đến cắn hoặc là, bị dạt hơn nữa, bị cá-mập xoi !

### C.— Chánh trị phạm

Tức là những người can phải án chính-trị nghĩa là án chống lại nhà cầm-quyền Pháp trên lục-địa dưới hình thức này hoặc hình-thức khác.

Những người bị đày ra Côn-đảo là những chánh-trị phạm bị án từ năm năm đến khổ-sai chung thân.

Vào khoảng 1944-1945, trên quần đảo Côn-Lôn có đến 1800 chính-trị-phạm đại-diện các phái tả khuynh và hữu khuynh.

Số chính-trị-phạm tả khuynh lên đến 1400 người. Trái lại, số chính-trị-phạm hữu-khuynh chỉ có 400 mà thôi.

Những người ngoại cuộc thường tưởng rằng : « Cùng chung một cảnh tù tội giữa các chính-trị-phạm chắc không có sự phân-biệt về chính-kiến nữa ». Sự thật không phải thế. Trong cảnh chật hẹp của nhà tù, vì có sự chung đụng hằng ngày, sự tranh chấp về chủ-nghĩa giữa hai bên nhiều khi trở nên kịch-liệt và, từ 1930 đến 1945 đã được cụ-thể-hóa bằng những trận ban đầu là : « Thiệt-chiến », kế đó là « Bút-chiến » và sau cùng là : « Dao con chó chiến » ! Cũng vì vậy mà từ năm 1940 trở về sau, có lúc nhà cầm-quyền Côn-đảo phải cho giam



trong những khám riêng những chiến-sĩ thuộc hai khuynh hướng.

Trước năm 1930, nhứt là sau năm 1908, các chính-trị-phạm bị đưa ra Côn-đảo phần nhiều là những chí-sĩ thuộc Phong trào Cần-Vương, Văn-Thân, Đông-Kinh Nghĩa-Thục nghĩa là những hàng khoa-mục, Nho học uyên-thâm, khí tiết trong trắng, đức-độ cao cả khiến kẻ nghịch là thực-dân Pháp phải kính-phục. Ấy là các nhà lãnh-đạo phong trào cách-mạng thời ấy như : Cụ Phan-Chu-Trinh, cụ Huỳnh-thúc-Kháng và cụ Phan-trọng-Kiên v.v...

Cụ Phan-Chu-Trinh bị đày ra Côn-đảo trong tuần tháng tư dương-lịch năm 1908 với cái án « Xử tử phát Côn-Lôn, ngộ xá bất nguyên ». Cụ bị giam giữ trong Banh I mất vài tháng và hàng ngày bị đưa đi đập đá hoa cương để trải đường. Sau Cụ được cho ra ở ngoài tại làng An-Hải trong một ngôi nhà riêng do cụ dựng lên.

Sau Cụ Phan-Chu-Trinh là Cụ Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng bị bắt vào tháng 2 năm 1908, bị giam tại ngục Faïfo và tháng 8 năm ấy Cụ bị đày ra Côn-đảo với cái án : « Xử tử phát Côn-lôn, ngộ xá bất nguyên ». Các nhà khoa-mục khác cùng chung số phận với Cụ là các Cụ Cử-nhân Phan-Thúc-Duyên, Ấm sanh Nguyễn-Thành (Cụ Tiều La), Cử-nhân Lê-Bá-Trinh, Tú-tài Lê-Bá-Huy, Dương-Phụ-Thạch, Hương Cảnh và Hương Quần.

Thêm vào số đó có các Cụ : Phó bảng Đặng-nguyên-Cần, Tiến sĩ Tập xuyên Ngô-đức-Kế, Đặng-nghiên-Giảng, Lê-lâm-Ngụ, Đỗ-Tĩnh, Lý-Tư, Đội-Phương, Hương-Hợp, Ấm-sinh Lê-dinh-Mông, Cử nhân Nguyễn-Suy, Cử nhân Nguyễn-dinh-Quản, Tri huyện Nguyễn-Mai, Tú tài Nguyễn Tuyên, Phan-cao-Châm (Quảng-Ngãi), Hồ-như--Ý, Hương-Đôn, Cụ Chi, Cụ Tinh (Bình-Định) và sau cùng là Cụ Tú-

tài Trần - trọng - Cung tục gọi là Đờ-Cát, người của phong trào Cần-Vương bị tình nghi can dự vào cuộc đấu độc Hà-Thành và bị đày ra Côn đảo trước đó vài tháng.

Đến tháng hai năm 1909 có một số lớn các nhà chí-sĩ thuộc các vụ chống Pháp bị đày ra Côn-đảo như các Cụ : Cử nhân Dương-bá-Trạc, Nguyễn-Quyền (chủ Đông Kinh Nghĩa Thục), Cử nhân Lê-Đại, Tú tài Võ-Hoành.

Vài tháng sau một số đông các chí sĩ người Thanh-Hóa bị đưa ra Côn đảo như sau :

Các Cụ ; Cử nhân Hoàng Khải, Lê Nhĩ, Nguyễn Xứng, Nguyễn Soạn, Nguyễn Thiệp, Lê nguyên Thành, Lê Tá, Nghĩa Bình, Trần kỳ Phong ;

Các cụ thuộc tỉnh Bình Định có tên như sau : Tú tài Nguyễn duy Viên, tri huyện Nguyễn Hàm, Nguyễn Tuấn, Chánh Tổng Hàm, Trùm Lập, Phó Khá và Cụ Nguyễn chỉ Tin (Hànội).

Ít năm sau lại có ba vị mục sư người Nghệ An là : Đỗ Lệnh, Nguyễn-Tường, Nguyễn thân Đồng và các Cụ : Tú [tài Nguyễn hy Cao (Tú Kiên), Nguyễn văn Ngôn, Cử nhân Nguyễn Tình, Thống ngôn Nguyễn Long cũng bị đày ra Côn đảo.

Lúc đầu các Cụ bị giam chung với thường phạm phần nhiều thuộc loại du côn tại Banh I (năm 1917 mới cất Banh II). Vì trình độ học-thức hai hạng người bất đồng cho nên các Cụ lấy làm khó chịu trước cử chỉ tàn-nhẫn, thô-bỉ của bọn côn-đồ cùng chung khám. Còn bọn này thì lấy làm khó-chịu khi nghe các cụ suốt ngày luận-đàm văn-chương và chính-trị. Tình-trạng ấy nếu kéo dài sẽ có việc không hay cho cả hai bên. Vì thế, đã nhiều lần, các Cụ đệ đơn lên nhà cầm-quyền xin

cho các Cụ là chính-trị-phạm được ở riêng trong một khám và được làm việc nhẹ. Lần sau cùng đơn ấy được chấp-thuận và kể từ đó các cụ được ở riêng trong một khám nhỏ gọi là khám B của Banh I và được làm những công việc nhẹ như : đương ghế mây, dệt chiếu, làm rẫy, trồng rau.

Lúc đầu các Cụ cũng bị đưa đi đập đá ở phía sau Banh I. Đối với một người thường-phạm công việc đập đá là một công việc nhẹ-nhàng. Nhưng đối với các Cụ là hàng Nho-sĩ, khoa-mục « lực bất phục-kê » thì công việc ấy lại là quá nặng. Vì thế mà các Cụ bị Thầy-Chú kiêu-ngạo vu gán cho cái tên « Quan to hèn ».

Danh từ ấy được nêu lên mỗi khi họ mắng nhiết các Cụ. Thầy-chú hiểu rằng : phần đông các Cụ trước kia thuộc hạng đại-khoa và có làm quan khá to ngoài triều Huế.

Vì thế mà Thầy-Chú gọi các Cụ là : « Tụi quan to ». Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng có thuật lại câu chuyện cười ra nước mắt như sau trong quyển Thi-tù từng-thoại của Cụ :

« Ngày nọ có một chú mã-tà nhỏ tuổi coi xâu đập đá; « thấy tụi quan to » đập đá ươn quá, chú bèn tay cầm cây « roi mây đi từ đầu này đến đầu kia, hỏi từng người :

« — Mày, cái gì ?

« — Bầm : Cử nhân.

« Chú cho một roi, rồi tiếp :

« — Còn lão này ?

« — Bầm Tấn-sĩ. Khi bầm vị ấy có bộ cười. Chú cũng « cho một roi khá đau và nói : « Mày vô lễ, cho một roi từ « này về sau biết tay tao ». Rồi các ấu sinh, Tú tài v.v. đều



*Cù Thiện-Pháp, Nguyễn-Bửu-Tài một đại Thiên-Phong của phái Thiên-Tiên (Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ) bị dày ra Côn-Đảo năm 1940.*



*Cù Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng bị dày ra Côn-Đảo năm 1908.*

« được lãnh mỗi người mỗi roi. Duy có người xưng Chánh « Tổng thì được miễn đòn ». (Thời buổi ấy thầy chú ở trong Nam chỉ biết chức Chánh tổng là gì thôi chớ không biết các cấp bậc khoa mục của chế độ thi cử xưa).

Thấy thế Cù Minh-Viên có làm bài thơ kỷ niệm như sau:

Tấn sĩ nhĩ hà vật ?  
Ngôn ngữ thái ngạo mạn !  
Tặng nhữ nhứt trường tiên,  
Sử tri ngã thủ đoạn.

Bài thơ ấy chính Cù dịch ra như sau :

*Tấn sĩ là cái gì ?  
Ăn nói rất vô lễ.*

*Cho mây một ngọn roi,*

*Mây biết tay tao nhé.*

Cụ Minh-Viên và các bạn đồng chí bị đày ra Côn-đảo ở Ban 1 không sao gặp được Cụ Phan-Tây-Hồ. Lúc này Cụ Tây-Hồ đã được cho ra ở ngoài, tại làng An-Hải. Hay tin các bạn của Cụ ra đến Côn-đảo Cụ Tây-Hồ bèn tìm cách gửi thư chào mừng như sau :

« Thoạt nghe tin anh em ra đây, dậm chân van trời  
« một tiếng ! đoạn tự nghĩ rằng anh em vì Quốc-dân mà  
« hy sinh đến phải ra đây, chắc là có trăm điều vui mà  
« không có chút gì buồn ! Đây là một trường học thiên  
« nhiên, mùi cay đắng trong ấy, làm trai giữa thế kỷ 20  
« này, không thể không nếm chọ biết ».

Cách đó ít lâu Cụ Minh-Viên tìm cách đi gặp Cụ Tây-Hồ như sau : trong khám B của các Cụ, hàng ngày có người được mang dính bài ra ngoài trồng rau. Cụ Minh-Viên bèn mang dính-bài người ấy và đi thay. Nhờ thế mà Cụ gặp được Cụ Tây-Hồ đang câu cá theo các ao chum gần sở trồng rau. Cụ Minh-Viên bèn xin phép thầy-chú lại nói chuyện với Cụ Tây-Hồ vài phút.

Cụ Tây-Hồ thì lấy làm lạ sao Cụ Minh-Viên mới có 33 tuổi mà tóc đã bạc gần hết nửa ! Còn Cụ Minh-Viên thì Cụ lại thấy Cụ Tây-Hồ đã rụng hai cái răng cửa !

Sau cuộc gặp-gỡ này Cụ Minh-Viên có làm bài thơ kỷ-niệm sau đây và Cụ đã thích nôm :

Khả liên Cụ thị đảo Côn-Lôn,

Bỉ thử Sâm-Thương kỷ hiểu hồn.

Ngã phát thương thương, quân xã lạc

Tương phùng nhứt tiểu, lưỡng vô ngôn.

Thích nôm

*Kiếp tù chung một cõi ven trời,  
Hai ngả Sâm-Thương cách mỗi nơi !  
Tóc tóc bạc phơ, răng bác rụng,  
Gặp nhau không nói, ngó nhau cười !*

Sau đó Cụ Tây-Hồ được ân-xá về đất rồi bị đưa an tri bên Pháp. Còn Cụ Minh-viên thì một thời gian sau được nhà cầm-quyền cho ra làm Tổng-thor-văn tại văn phòng Viên-Giám-Đốc Côn-Đảo. Như dịp này Cụ học tiếng Pháp và sau khi về đất Cụ nói tiếng Pháp được, điều rất cần ích cho Cụ khi Cụ được bầu làm Chủ-tịch Hội-đồng Dân-biểu Trung-Việt. Vào khoảng tháng 7 năm 1929 Cụ Nguyễn-Công-Riệu tức Ba-Riệu cùng 27 vị cách mạng kê tên như sau : Các Cụ : Hồ-văn-Mịch (chết tại Côn-đảo), Phạm-Tuấn-Tài, Nhượng-Tổng tức Hoàng-Trân, Cử Hy (Lê-xuân-Hy) Nguyễn-danh-Đời, Nguyễn-Ngọc-Sơn, Hàn-Kiều (họ Phạm), Đoàn-Chế, Đội Thủy.v... bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn-đảo trước ngày tên trùm mộ phu đi đồn điền cao su Nam-kỳ là Bazin bị ám sát tại Hà-nội. Mãi đến năm 1933 các Cụ mới được ân xá về đất. Ân của các Cụ được giảm bớt 11 tháng tù.

Một khi đã vào tù thì một cá nhân mất hết thể-thống quyền tước của mình. Đã là thằng tù thì dù trước kia đã đỗ Ông Cống, Ông Nghè, chiếm một địa vị khả-quan trong xã-hội cũng bị các Xếp Tây gọi là « Tu » (nghĩa là : mi, mày) và Thầy chú gọi là « mày » như mọi tên tù khác, và cũng bị ăn đòn như ai !

Sau lại, vì có sự kêu nài luôn của chính-trị phạm nhà cầm-quyền Côn-đảo mới cho chính-trị-phạm làm việc nhẹ và được ở riêng một khám.

Chế-độ đặc-biệt ấy bị bãi-bỏ kể từ năm 1930, và nhứt là năm 1940 trở đi cho đến năm 1945. Trong thời gian này vì các cuộc biểu-tình xin thuế, chống chánh-phủ thực-dân của hàng mấy nghìn người ở nhiều nơi trong nước và nhứt là có những vụ phá hoại đường xá, giầy thép, cầu cống, những vụ đốt nhà, xúc lúa, bắt heo, giết người bằng cách mổ bụng đồn trấu cho nên chính-trị-phạm không được ưu đãi nữa và bị liệt vào hạng thường phạm, bị khổ sai, bị đánh đập tàn nhẫn như ai !

Từ năm 1944 trở đi, các ông Xếp Tây vẫn còn gọi phạm nhân là « Tu » (mày) vì người tù mất hết quyền công-dân. Nhưng một số Thầy chú nhĩ-nhận không gọi chính-trị-phạm bằng « mày » nữa mà gọi theo chức-tước của họ trước khi họ vào tù. Thí-dụ : Ông bác-vật A, Ông Đốc B, Ông giáo O, Ông Ký D...v.v...

Đầu năm 1943 và 1944 các đảng phái chính-trị trong nước hoặc hữu-khuynh hay tả khuynh đều có đại-diện tại Côn-đảo được kể như sau :

a) **Việt-Nam-Quốc-Dân-Đảng.**— (bị đưa ra Côn-đảo sau năm 1930) Đại diện là các Cụ Khóa, Cụ Ký Thân, Cụ Tú Nguyên và trên 40 vị nữa...

b) **Đảng Duy nhứt ;** Đại diện Ô. Đào-duy-Phiên.

c) **Đảng Phục-Quốc-Quân,** (của Cụ Trần-Trung-Lập). Đại-diện ông phán Nguyễn-văn-Thân và 19 vị nữa phần nhiều là người Thượng-Du Bắc-Việt.

d) **Đảng Đại-Việt.**— Đại-diện : Cụ Bề và ông Thu.

e) **Đảng thanh-niên ái quốc đoàn.**— Đại-diện : Các Cụ Trần-Thành-Quận (chết vì bệnh ghê), và nhiều vị khác.

f) **Đảng Huỳnh-Long.**— Đại-diện : Ô.Ô. Đỗ-văn-Có, và nhiều vị khác.

**g) Đảng Liên-Đoàn Ái-Quốc Việt-Nam..**

Những đại diện tại Côn-đảo : Các ông có tên như sau :

*Nhà lão cách mạng thuộc phong trào Đông-Du : Cụ Nguyễn-văn-Tòng* hay là Nguyễn-văn-Dương 10 năm ; 10 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

*Cụ Trần-văn-Tồn.*— 10 năm khổ sai, 10 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

*Ông Nguyễn-văn-Thề.*— 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

*Ông Nguyễn-văn-Kế.*— 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

*Ông Võ-văn-Kiệt.*— 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

Sau lại có thêm hai vị nữa từ Trung-Việt đưa và là :

*Cụ Huỳnh-Đích.*— 5 năm khổ sai, 5 biệt xứ, tịch biên gia sản.

*Ông Nguyễn-Khế.*— 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

Những vị bị án treo và bị đưa ra an-trí tại An-hải, là chư quí ông :

Ô.Ô. Trần-Thánh-Thơ 5 năm khổ sai (án treo)

Commis Hên 5 năm khổ sai (án treo). Trần-văn-Hải án treo 5 năm khổ sai.

Những vị được trắng án ngay tại tòa binh hình Saigon chư quí ông :

Lê-văn-Huê.

Phạm-văn-Chiêu.

Trần-văn-Nho.

Những nữ đảng viên bị án khổ sai nhưng bị giữ lại khám lớn Saigon :



Cô Nho 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

Cô Gấm 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

**h) Đảng của ông Giai.**— gồm có :

Ông Giai được trắng án tại tòa binh Saigon.

Ông Nguyễn-văn-Thổ 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia sản.

**i) Đảng của Trung-úy Pach-Oum.**— (người Miên) gồm có nhiều ông sãi (ông lục) người Miên trong vụ 600 ông lục vào dinh quan khám sứ Cao-Miên đòi độc lập như : ông Lục Ni chẳng hạn.

**j) Những đảng-phái tả khuynh có đại diện tại đảo vào năm 1944 — 1945 là.**— (nhơn vật tượng trưng)

*Đệ tam quốc-tế.*— Ô.Ô. Nguyễn-an-Ninh (1), Trần-ngọc-Danh và 1400 đảng viên khác.

*Đệ tứ quốc-tế.*— chư quí ông : Tạ-thu-Thâu, Hồ-hữu-Tường, Trần - văn - Thạch, Phan - văn - Chánh, Lê - Tấn-Thông v.v...



## CÁC TÔN-GIÁO BỊ CHÍNH-PHỦ PHÁP TÌNH-NGHI HOẶC KẾT-ÁN VÀ ĐÀY RA CÔN-ĐẢO

### THUỘC ĐẠO PHẬT.

Hòa Thượng Đồng, một vài nhà sư trước kia có ở chùa gọi là chùa Nguyễn-an-Ninh tại Hóc-Môn.

---

(1) Ra Côn-đảo nhà Cách-mạng Nguyễn-an-Ninh bị đa số đồng chí bỏ rơi và sống lẻ loi một mình, nhất là về phương-diện tinh-thần. Những người cố hữu đem đá đập mả ông là thiếu số bạn kỳ cựu xưa của ông thôi, nhất là giới thường phạm.

## THUỘC ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ

**a) Những chức sắc và đạo hữu thuộc các vụ và bị đày ra Côn-đảo.**

*Cụ Đốc-học Nguyễn-bửu-Tài* một vị Đại thiên phong của phái Tiên-Thiên bị kết án 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ và tịch-biên gia sản. Ở Côn-đảo một thời gian Cụ được đưa qua Hòn Cau ở nhà dưỡng-lão.

*Ông Giáo Huỳnh-Công-Khai.* đạo hiệu là Thiên-Tĩnh, 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ, tịch biên gia-sản (cùng một án với Cụ đốc học Nguyễn-bửu-Tài).

*Ông Giáo Chơí, Ông Nguyễn-văn-Điều và Đồng-tử Ân.* Mỗi người bị 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ và tịch biên gia-sản vì đã bạo dạn đi hành đạo và bị kết án là phá rối cuộc nội an. (Hai ông Chơí và Điều chết tại Đảo trước ngày mãn án, chỉ có Đồng-tử Ân được mãn án về trong đất).

*Ông Huỳnh-văn-Thảo.*— tục gọi là Giáo Thảo 20 năm khổ sai, 20 năm biệt xứ, tịch biên gia sản đã tham gia vào các cuộc bạo động năm 1940 — 1941.

**b) — Những chức sắc bị tình nghi và bị đưa đi an-trí tại An-Hải thuộc Tòa-Thánh Tây-ninh.**— Các Cụ Ngọc-Lịch-Nguyệt, Cụ giáo sư Thượng-Sáng-Thanh và chư đạo hữu Vô, Trò và nhiều vị nữa.

*Thuộc phái Tiên-Thiên.*— Các Cụ Phối sư Nghiêm, Cụ Huỳnh-văn-Di tự Giỏi, Cụ Mai-chí-Thuần. Ba Cụ này đều qui liễu tại Đảo trước ngày được ân xá.

*Thuộc đạo Minh-sư.* (Minh-Dường hay đại-đạo)

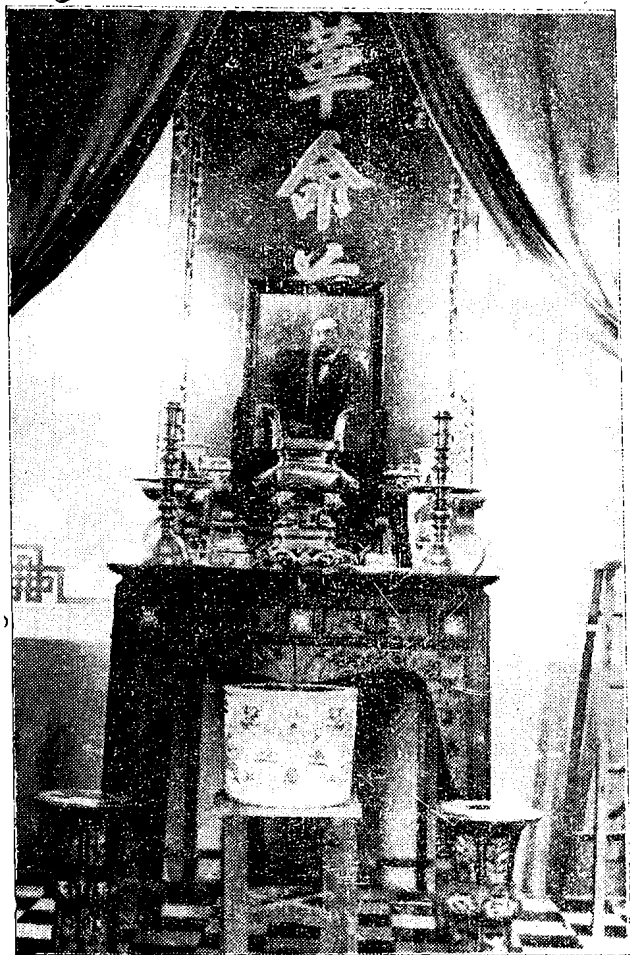
*Đại-diện :* Cụ Lão-Sư Chương và một ít môn-đệ

## CHÚ-THÍCH QUAN-TRỌNG.

Sau cuộc đảo-chánh Nhật, ngày 2-8-1945 tại Côn-đảo có tổ-chức tại sân Vận-Động một cuộc lễ ăn mừng sự văn hồi nền độc-lập của nước nhà. Trong cuộc lễ long-trọng này ông Tham-Tá Lê-văn-Trà đại-diện nhà cầm-quyền Côn-đảo tuyên đọc đạo Dụ của Chánh-Phủ Trần-Trọng-Kim ân xá vô điều-kiện tất cả chánh-trị-phạm hiện-diện tại Côn-đảo.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG VI

Nói tóm lại, trước năm 1945, đã là phạm-nhân mà bị án từ 5 năm trở lên thì bị liệt vào hạng án nặng (*fortes peines*) và mặc nhiên sẽ bị đày ra Côn-đảo. Nơi đây họ bị bắt buộc làm việc khổ-sai nghĩa là làm những công-việc quá sức của họ. Ai chịu nổi thì sống. Ai không chịu nổi thì chết ! Đó là luật nhất-định của nhà tù Côn-đảo. Bởi thế ít tội nhân nào bị án từ 10 năm trở lên ở được hết án và được về đất bình-an. Lời nói sau đây của Ông Cố-kê-Viên Côn-đảo đủ chứng minh điều đó. Để trả lời câu-hỏi của một chánh-trị-phạm làm việc dưới quyền ông, vị ấy nói : « Mày đừng trông ở mãi án rồi về. Hiện giờ mày đã 42 tuổi rồi mà mày bị án 20 năm khổ-sai thì, theo tao, mày sống ở đây giỏi lắm là mười năm là cùng ! Mày phải trông sao chiến-tranh sẽ kết-liệu sớm để chính-phủ xét lại án của mày rồi ân xá cho mày, sớm chừng nào hay chừng ấy ». Vì lẽ nói trên mà một đảng phái chánh-trị có 20 đảng-viên bị đày ra Côn-đảo, đến ngày được ân-xá về đất thì chỉ còn độ 7, 8 người là cùng ! Một chánh-trị-phạm làm tại phòng lục sự có chứng-minh việc chết chóc quá nhiều ấy bằng cách cho xem những danh-sách



*Đền thờ cụ Phan-Tây-Hồ tại miếu Phan-Tây-Hồ  
tại Đa-Kao Saigon.*



đảng-viên thuộc các đảng phái bị đẩy ra đây. Tên người chết thì bị gạch bằng mực đỏ và cứ vài ba tên thì gạch một vài tên hoặc nhiều hơn nữa.

Bởi thế, từ khi có khám đường Côn-đảo đến nay, nơi đây người ta phải lần-lượt lập lên ba nghĩa-địa rồi. Nghĩa-địa thứ I và thứ II đều đầy dẫy mồ mả phạm-nhân, tính có đến mấy vạn năm. Hiện giờ không thể nào nhận ra các nấm mồ ấy là của những ai! Các số định-bài ghi trên miếng gỗ con đã xiêu lạc mất từ lâu!

Thật là đau-đớn cho muôn ngàn chiến-sĩ vì Tổ-Quốc mà hài cốt đành chôn vùi nơi đây trong tình-cảnh mờ hoang cổ lạnh!

Thật là :

*« Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi,*

*« Mặt chinh-phu trắng đối-dối soi.*

*« Chinh-phu tử-sĩ mấy người,*

*« Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn ! »*

(Chinh-phụ Ngâm)

## CHƯƠNG THỨ VII

### MỘT ÍT ĐIỂM ĐẶC-BIỆT VỀ TÂM-LÝ PHẠM-NHÂN Ở CÔN-ĐẢO

1) Sự thêm - thường tự - do. — Có hưởng tự-do, mất tự-do rồi mới biết tự-do là quý! Dù nghèo khổ, đói khát đến đâu con người ai cũng thích làm « con hạc nội » chứ không ham ăn uống no đủ mà cam chịu « phận gà lồng ». Bởi thế sự trông mong được ân-xá, được chế giảm

tội-tình là tâm-trạng chung của tội-nhân, thường phạm lẫn chính-trị-phạm, nhưt là thường phạm.

Mỗi khi gặp nhau thì họ thường hỏi thăm nhau về số năm ở tù để tự an-ủi. Người bị án 5 năm thường tự-hào rằng mình sẽ về đất trước hơn ai hết. Họ nói : « Tôi chỉ lãnh cái giấy ngẫu (ngũ), giấy « Con công » (giấy bạc 5 đồng) thôi. Mà 5 năm đó chờ 5 năm đâu. Sắp tới bây giờ, phải không anh ? ». Và, trong lúc đắc chí, họ lại chế diễu những người bị án 20 năm hoặc chung thân khổ-sai bằng cái giọng như sau : « À, còn anh A, anh lãnh tới bốn cái giấy « Con Công », mệt quá anh há ! Anh B lại càng mệt nữa, anh bị cái án đồ mực » (án đen mò vô hạn định) Ở Côn-đảo nghe nhắc tới số 20 năm, 30 năm, hoặc chung thân khổ-sai những đương-sự mang các án đó buồn rầu vô hạn ! Họ buồn là phải và họ có rất nhiều lý-do. Trong thời gian 20 năm, hoặc 30 năm biết chắc họ có đủ sức khỏe mà sống đến đó không ? Mà dù cho họ có diễm phúc sống đến đó đi nữa thì sau khi về đất họ sẽ bơ vơ, đau khổ trước cái cảnh « vật đổi sao dời » sẽ diễn ra trong gia-đình họ, trong thân tộc, làng mạc họ ! Cha mẹ họ chắc-chắn sẽ không còn trông thấy họ ; mà trong số người thân-thuộc còn lại sẽ là người da mồi, tóc sương như họ ! Họ chỉ được về nguyên quán để rồi vài ba năm sau họ gởi nấm xương tàn cho quê cha đất tổ ! Đòi của họ còn gì mà mong ! Cảnh ngộ đã biến họ ra người vô-dụng rồi !

Bởi thế, ở Côn-đảo, người có thiệp-thế, khi gặp bạn trong giới phạm-nhân, rất cần-thận trong lời nói và không khi nào hỏi đến số năm ở tù của bạn. Hỏi như thế là thiếu lịch-sự, là thiếu lòng nhân vậy !

**2) Sự glac-ngộ rõ-rệt.**— Xa vợ, xa con, xa cha,

xa mẹ, xa làng mạc quê hương, ở Côn-đảo, những người từ 40 tuổi trở lên dám ra suy nghĩ nhiều và thật lòng hối cải. Nhiều người, trước kia giết người không gớm tay, nay đã trở nên hiền lành, ít ăn, ít nói, thật thà như những cụ già chất phác ở thôn quê !

Đây là những lời thú lỗi, ăn-năn, rất cảm-động ! Một buổi nọ có ba người tuổi trạc 45, trời còn mờ-mờ phải vác mai cuốc ra đồng làm việc theo lệnh bề trên. Một trong ba người ấy nói rằng : « Trước kia, khi chúng mình còn ở « nhà, chừng này đã chịu thức dậy đâu ! Mình ngủ cho đến « 8, 9 giờ. Nếu dám con nói to thì mẹ chúng nó la rầy bảo : « Đừng làm om đề ba bây ngủ ! » Người thứ hai tiếp : « Khi ở nhà, đến bữa ăn, nếu vợ con dọn cơm với « những bát đĩa có mẻ một chút thì mình dẫn mâm « xán bát, chửi mắng om sòm ! Nay ra đây chúng mình « đã không có lấy bát mẻ mà phải ăn cơm bằng mủng « vừa (sọ dừa : noix de coco), thật là đáng kiếp ! ».

Người thứ ba kết luận : « Kỳ này nếu may ra màặng « về đất thì chắc-chắn chúng ta sẽ không dám đả động, « chửi rửa vợ con như trước nữa ! ».

Nói xong ba người rất bùi-ngùi, cảm-động và thui-thủi đi ra đồng, không nói thêm một câu gì nữa !

Trái lại những người trai-tráng, chưa vợ con thì vô tư vô lự, quen vui với chúng bạn và không buồn mấy nỗi.

**3) Tình thương vợ nhớ con trong giờ phút cuối cùng.**— Độ nọ tại đường đường Ban II một phạm nhân ốm sắp chết. Trong cơn hôn mê người ấy giơ hai tay lên tựa như sắp ôm lấy vật gì mà nói lớn « Vợ tôi đâu ? Con tôi đâu ? Con, con, lại đây con ». Nói xong người ấy ôm chặt hai tay vào ngực rồi chết !



Một phạm nhân khác biết mình sắp chết bèn trời lại (di ngôn) với người bên cạnh rằng: « Tôi chắc chết, khó « mạnh được ! Vậy, nếu sau này anh may được về đất thì « xin anh nghĩ tình tôi, làm ơn săn sóc giùm vợ và mấy « đứa con tôi ở làng X, tổng Y, tỉnh Z. » Nói xong, người « ấy thở hơi cuối cùng !

**4) Sự tin-tưởng có linh-hồn theo đòi thường mạng.**— Vào khoảng năm 1944 — 1945 ở Côn-Nôn có một phạm-nhân Huê-kiều họ Châu người Phủ-Triều-Châu bên Tàu, làm bồi cho một ông Xếp người Pháp. Người bồi này rất hiền-lành, siêng-năng và trung-thành với chủ. Có người tò-mò hỏi về đời tư của phạm nhân họ Châu, nhứt là lý-do ông ấy bị đày ra Côn-đảo với án đồ-mực (khô-sai chung-thân). Phạm nhân họ Châu bèn diễm tĩnh thuật lại câu chuyện như sau : « Trước kia tôi là người lính trong « đạo quân Chánh-Quy của Chính-Phủ Trung-hoa. Sau khi « được giải ngũ về làng, không biết làm gì ăn, tôi mới « hiệp với một số anh em cựu binh-sĩ khác tổ chức một « đảng ăn cướp có súng. Hay tin ấy tên Vệ-úy và tám tên « lính dưới quyền y hiện đóng tại đồn của làng chúng tôi « liền ngày đêm truy nã chúng tôi. Họ định hạ sát chúng « tôi cho kỳ được. Biết rõ ý định của họ, nhưn lúc họ đang « ăn tiệc trong đồn không đề phòng, chúng tôi bèn kéo « binh về và xuất kỳ bất ý vào giết sạch họ. Xong rồi « chúng tôi chia một người đào tẩu một phương. Riêng tôi « thì tôi tìm thế sang An-Nam với vợ con và ở tại Saigon « trong một căn phố lâu vùng Cầu-Ông-Lãnh và tiếp tục « nghề cũ. Một đêm nọ tôi nằm trong màn thì mờ-mờ tôi « tôi thấy tên vệ-úy và tám tên lính bị chúng tôi giết ngồi « sắp hàng, khoanh tay trước mặt tôi. Họ khóc và đòi tôi « phải thường mạng cho họ. Thấy thế tôi bèn lấy súng « lục đề bên mình bắn lên trần nhà. Công việc vì thế mà

« đến tại nhà cầm-quyền. Tôi bị bắt, bị giam, bị đưa ra tòa  
« đại hình và đưa đi Côn-đảo với cái án khổ-sai chung  
« thân ! ».

*Câu chuyện thứ nhì.*— Một tên lính Mã-Tà Cao-Miên họ Đào, người tỉnh Cần-Thơ được sung vào đội Mã-Tà kiều mẫu đóng tại tỉnh lỵ Gia - Định vì tức giận người bạn cũng là lính Mã-Tà, đã giết chết bạn mình bằng ba nhát dao. Thủ phạm họ Đào bị kết án 7 năm khổ-sai và bị đày ra Côn-đảo làm cặp rằn coi sở đồn củi tại Chuồng-Bò. Một bữa kia vui miệng phạm nhân họ Đào thuật lại tử-mỹ vụ án mạng nói trên cho anh em nghe và nói thêm rằng : « Khi tôi bị bắt giam tại Cabanon trong khám lớn Saigon thì mỗi đêm tôi thường mơ thấy người bạn tôi, về đòi thường mạng và đánh lộn với tôi. Trong lúc ấy tuy tay chân tôi bị còng tôi vẫn đập rầm-rầm và khi tôi thức dậy thì mệt lã người. Sau đó anh em bạn tù khuyên tôi nên đọc kinh cầu siêu cho bạn tôi và kể từ ngày ấy thỉnh-thoảng tôi cũng còn thấy bạn tôi về nhưng vui tươi và không còn đòi mạng và đánh lộn với tôi nữa. »

**5) Ra Côn-đảo, muốn sống phạm nhân phải quên hết việc nhà.**— Ấy là câu đầu cửa miệng của những người bị đày ra Côn-đảo lâu năm nói lên để khuyên những bạn tù vừa trong đất mới ra. Thật thế. Nhiều người bị hàm oan, sau khi bị đày ra Côn-đảo, hễ rảnh việc thì ngồi trong xó góc, than thân trách phận, thở vắn than dài ! Vài tháng sau thì họ chết ! Bởi thế, những người có óc thực-tế khuyên những bạn đồng hội đồng thuyền rằng « Ra đến đây rồi các anh còn bận-bịu việc « nhà chi nữa ? Các anh chỉ lo bảo vệ sức - khỏe các « anh là hơn ! Các anh làm sao luôn-luôn được khỏe-mạnh « hòng có ngày về đất. Nếu ở Côn-đảo mà các anh lo nghĩ

« đến việc nhà thì sự lo nghĩ ấy chẳng những không giúp  
 « được gì cho gia quyến các anh, mà lại còn làm hại cho  
 « sức-khỏe các anh là khác. Vậy nếu có thương vợ thương  
 « con thì hiện giờ các anh phải tập tính vô-tư vô-lự để  
 « được sống cho đến ngày về. Chừng đó các anh mới  
 « có thể giúp ích cho gia-đình các anh được. » Lời khuyên  
 ấy được phần đông phạm nhân, thường-phạm lẫn chính-  
 trị-phạm, áp dụng triệt để. Vì muốn sống khỏe-mạnh  
 mỗi phạm-nhân đều tìm cách tránh những nơi lam-  
 chướng, những công việc chết người. Vì thế mà « việc  
 vận-động dễ chạy sở » được thi-hành với đủ mọi thủ-  
 đoạn dù phải dấn lên sự sống của kẻ khác cũng nên !  
 Việc chạy sở đi đòi với tề-tục hối-lộ với Memento. Ấy  
 là việc xảy ra hằng ngày. Rốt cục, những phạm nhân thật-  
 thà chất-phác, không phe đảng, đành lót đường cho những  
 kẻ quỷ-quyet ở Côn-đảo đi qua để họ được sống về  
 đất.

**6) Ở Côn-đảo vì phái-yếu không có cho nên vấn-  
 đề « Em nuôi » thỉnh-thoảng lại hiện ra trong giới  
 thường-phạm.—**

Một ít « anh chị bự » thuộc hạng cấp-răn các sở ở  
 Côn-đảo, vì xa cách vợ con lâu ngày, dễ san sẻ tình-yêu  
 cho người khác hầu giải cơn phiền-muộn, mới che-chở và  
 giúp đỡ tiền-bạc, áo quần cho một ít phạm nhân còn  
 trai trẻ, dáng điệu xinh-xinh gọi là « Em nuôi ». Các  
 « em nuôi » này nhiều khi lại thích ăn-vận theo lối phụ-  
 nữ, thích lên sân-khấu rạp hát Chuồng-Bò để đóng vai  
 phụ-nữ trong các màn hát cải-lương hay hát bộ. Họ đóng  
 vai phụ-nữ khéo cho đến đổi các ông Xếp, các Thầy-chủ  
 và các viên-chức tại Côn-đảo không nhận ra là « trai giả  
 gái ». Sau một buổi trình diễn như vậy các « Em nuôi »



*Lò với lộ thiên tại Côn - Sơn*  
(Ảnh của Tổng nha Thông-Tin Việt-Nam).



lại được các « anh chị bự » tâng-tiu, các Thầy-chú và mọi người vị-nể.

Tuy vậy, hầu hết phạm-nhân tại Côn-đảo đều chế-diếu, khinh bỉ những ai có « Em nuôi ».

Trước năm 1940, ở Côn-đảo vì tranh-giành « Em nuôi » mà một phạm-nhân đã giết chết một phạm-nhân khác, tình địch của mình. Trước khi lên đoạn-dầu-dài (máy chém được chở từ Saigon ra) thủ phạm sát nhân ấy nài xin thấy mặt « Em nuôi » lần chót rồi sẽ thọ hình !

**7) — Xem tuồng hát phở-diễn nhiều màn giống trường-hợp của mình nhiều phạm nhân sa nước mắt !**

Ở Côn-đảo trước ngày 9 tháng 4 năm 1945 tại rạp Chuồng-bò có diễn tuồng « Phụng-Kiều, Lý-Đáng ». Một « đào đực » đóng vai Phụng-Kiều rất khéo, ăn vận theo lối cô gái quý phái ăn náu trong chốn thôn-quê. Nàng Phụng-Kiều, yếu-diệu, nết-na, ngồi khâu-vá, nhớ chồng là Lý-Đáng, vừa chậm-chậm gút chỉ, vừa ngâm thơ. Thấy vậy nhiều phạm nhân nhớ đến vợ nhà đồng sa nước mắt !!!

Nếu có màn hát bộ nào diễn cảnh người trung mắc nạn phải vào thiên-lao rồi có những tay hiệp-sĩ đến phá ngục cứu ra thì mọi người đều hơn hớn vui mừng và cổ lễ trong thâm-tâm đều vái thầm rằng mình sẽ được như thế.

Sau đó độ mấy tháng các phạm nhân trí-thức có diễn một tuồng cải-lương nhan đề là : « Đi Côn-đảo » gồm nhiều màn diễn đúng sự thật một người bị nhà cầm-quyền bắt, bị giam, bị đưa ra tòa và sau cùng bị đưa ra Côn-đảo. Trong lúc xuống tàu đi Côn-đảo thì nào là cha già, mẹ yếu, nào là vợ đại con thơ chạy theo khóc than rất là bi thảm !

Hầu-hết các phạm nhân có mặt buổi ấy đều sa nước mắt ! Có lẽ trong thâm-tâm mọi người đều có ý mong mỗi : « nhà cầm-quyền nên xem như thế, thương hại cho số phận tội nhân mà nới tay cho họ một phần nào ! »

Ở Côn-đảo phạm nhân thường nói : « Nhứt nhứt tại lao thiên thu tại ngoại » để tỏ ra sự trông đợi được trả tự-do ! Trong cảnh tù-tội người tù sống cũng như người chết chưa chôn ! thì ai mà không đau lòng khi nghĩ đến đó.

Nhiều khi họ bực tức vì có tài, có sức khoẻ mà đành bó tay ngồi trong bốn vách không được ở ngoài vẫy-vùng cho phỉ chí ! Và họ tự thân : « Tài hoa chi lắm ! Uống mất một đời ! »

### 8) — Tết ở Côn-Nôn.

Ở Côn-đảo, mỗi khi Tết đến công việc sửa-soạn rất là rộn-riپ. Tất cả các phạm nhân các sở, các khám đường được nghỉ ba ngày : Mồng một, mồng hai, và mồng ba. Ngoài ra muốn cho phạm nhân trong ba ngày ấy được ăn uống đầy đủ nhà cầm-quyền ban cho mỗi Banh; mỗi sở một vài con lợn, một vài con vịt tùy theo số phạm nhân nhiều hay ít. Về phần phạm-nhân thì họ chung nhau một số tiền để mua ở Hợp-tác-Xã nào là bột, là đường, là nếp, để đem về xay thành bột làm bánh, làm bún v.v...

Ở trong các Banh thì không được mang rượu vào. Trái lại ở các công-sở, các sở trồng trọt thì các phạm-nhân nhờ thầy chú mua hộ rượu trắng hoặc rượu mùi cho. Ở sở nào có nhiều thường phạm chưa tiêm-nhiễm sâu đậm thuyết Duy-vật thì họ đặt bàn cúng ông-bà, ông vải, cúng thập loại chúng sinh để suốt năm được mạnh tay khỏe chân trong công việc làm.

Ở Chuồng-Bò và các sở vùng ngoại ô trong ba ngày ấy, thì phạm-nhân tha hồ, ăn uống, trà rượu và nhứt là cờ bạc, nào là : bài cào, xóc đĩa, lúc lắc, bông vụ (thò-lò 6 mặt) v.v... Trong những sòng bạc có đông đảo tay con số bạc giấy đặt ra đầy cả chiếc đệm, trông như những lá cây bàng !

Ở trong các Banh lớn, nhứt là Banh III thì lại có mùa cù (múa lân), hát bộ, hát cải lương, trống đánh ầm-ĩ tiếng cười thâu đêm.

Nhưng mnốn được hưởng các cuộc vui tung bừng ấy thì mỗi phạm nhân phải ăn cánh với phần đông nghĩa là phải vào một đảng, thờ một chủ nghĩa thì mới được !

Ở Côn-nôn trong ba ngày Tết năm 1944 có ba chính-trị-phạm thuộc phái Quốc-gia bị nhốt trong Banh III. Họ đã bị đa số bỏ rơi ! Họ chỉ được phần đông ban cho khô mứt hoặc những món ăn thừa, thối hơi không còn dùng được. Thấy vậy một Cụ tú-tài trong thiều số ấy có làm bài thơ như sau :

*Bốn năm ăn Tết ở Côn-nôn,  
Tết nhứt chi chi Tết cứ dần.  
Khô mứt vẫn dành ba bữa sẵn,  
Thịt tươi may đề một xu con !  
Muông lân múa nhảy ngoài song sắt ;  
Man-gát (1) rình mò trước cửa rôn (2).  
Thân-thể thảnh tù như thể đó,  
Thế mà mong mỗi tướng Đờ-Gôn ! (3).*

---

(1) Giám-thị người Malgache.

(2) Geôle.

(3) De Gaulle,



**9) Một ít nét đan-thanh của đời sống chính-trị-phạm Côn-đảo.**

Ở Côn-đảo các chính-trị-phạm thường được liệt vào hai loại án là : Trahison (Phản-bội) và Manueuvres sub-veisives (Những công-tác phá-hoại). Chính-trị-phạm thuộc loại thứ nhứt được coi là không nguy-hiểm. Trái lại, chính trị-phạm thuộc loại thứ nhì bị coi là nguy-hiểm và bị giam giữ luôn luôn trong Banh III.

Dù ở đâu, ở ngoài các sở hay ở trong Banh, các chính trị-phạm, dù hữu-khuynh hay tả-khuynh đều có tư-cách đứng đắn và biết cách tổ-chức đời sống tập-thể để bảo-vệ chung ! Phần nhiều chính-trị-phạm có học-thức cao và ít có những cử chỉ lỗ-lăng, buồn cười như thường phạm, nhứt là về vấn đề « Em nuôi ». Trong mọi trường hợp họ biết giữ khí-tiết để làm gương cho kẻ dưới.

Dù sao, về tình cảm đối với gia-đình, quê cha đất tổ, họ còn mang xác phàm và vẫn còn là người với ý nghĩa đầy đủ của nó, nhứt là trong những buổi buồn vui, nhớ-nhung, thương-tiếc ! Nếu vô tâm, vô ý và vô tình thì con người với cỏ cây, có khác gì đâu ?

Nhiều khi chính cái đa sầu đa cảm của họ đã giúp họ vượt lên khỏi hạng tầm thường ! Vì đa sầu đa cảm họ mới cảm thông được những nỗi đau-khổ của đồng-bào và dám chết vì đồng-bào !

Ở Côn-đảo, để tự an-ủi một cách kín đáo họ thường đọc Truyện Kiều. Nhiều chính-trị phạm đã thuộc lòng từ đầu chí cuối quyển Đoạn-Trường Tân-Thanh. Trong cảnh tù tội nàng Kiều là bạn tri âm của họ. Nàng Kiều tài hoa rất mực mà phải bầy nổi ba chìm thì có khác chi họ ! Bởi thế khi gặp những cảnh nên thơ, hoặc những cơn sầu muộn thì họ ngâm lên một ít câu thơ của truyện Kiều để tự an-ủi!

Thí dụ : Khi họ một mình đi thơ thần dài theo mé biển từ Nhà mát (Mũi chim ưng hay là mũi Cá mập) đền Bến-đầm, trên khoảng đường bốn kilômét bên tay mặt là núi non chón chở, đứng sừng giữa trời, hùng tráng, yên lặng nhưng vô tình ! Bên tay trái (tay tả), xa ở dưới chơn, có đến mấy mươi thước tây, mấy lần sóng bạc từ ngoài khơi đưa lại, đập vào các mỏm đá, tiếng nghe ầm ĩ, bọt tung lên trắng xóa ! Trong mấy cành cây, giọng ve sầu lên xuống từng chập, từng hồi, khiến lòng người càng thêm náo nức Trước mặt là Nam-Hải bao la với màu xanh biếc ! Ngoài xa tit mù, tận chân trời, mấy vùng mây bạc, không động đây, im-lìm báo cho họ biết đó là lục địa ! Rồi rất cảm-động, họ đọc lại mấy câu thơ sau đây với giọng run run :

*« Bốn phương mây trắng một màu,*

*« Trông vờn cổ quốc biết đâu là nhà ! ».*

Lại khi, ở Côn-nôn, mỗi buổi chiều tà, ngó ra ngoài khơi về hướng Hòn Tài, Hòn Bông-Lang thấy một vài cánh buồm nhấp nhô trên mặt nước, lênh đênh không biết từ đâu đến và không biết đi về đâu, thì ngâm lên đoạn :

*« Buồn trông cửa bể chiều hôm,*

*« Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.*

*« Buồm trông ngọn nước mới sa*

*« Hoa trôi man mác biết là về đâu !*

Đôi khi lại nhớ cảnh cha già, mẹ yếu, tóc bạc, da mồi tựa cửa ngóng trông thì họ lại đọc lên câu thơ :

*« Sân lai cách mấy nắng mưa,*

*« Có khi gốc tử đã vừa người ôm !*

Lại nghĩ đến số phận nhiều lần rủi-ro của họ, họ liền đọc lên câu :

*« Chém cha cái số Hoa-đào,  
« Mở ra rồi lại buộc vào như chơi » !*

Nhớ lại người bạn trăm năm của họ và không biết người ấy còn nhớ tưởng đến họ không thì họ đọc lên câu thơ sau đây :

*« Ai về hỏi Liễu Chương-đài,  
« Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay ? ».*

Đây là bài thơ của một nhà Cách-mạng gửi cho người bạn trăm năm của ông khi ông phải bước chân xuống tàu từ biệt quê-hương vì quốc sự :

*Ra đi không hẹn được ngày về,  
Kính hay quyền em liệu lấy bề,  
Trốn tuyết đầu thu đánh phạt nhận,  
Sầu sương giữa hạ tủi thân ve !  
Cửa nhà cũng muốn chiều đầm-ấm,  
Non nước trông ra cảnh náo-nề !  
Đại nghĩa vẫn là hơn tiểu-tiết,  
Thương nhau đôi trẽ một lời thề.*

Bài thơ trên đây tràn-ngập tình-tứ, lâm ly nhưng không vì thế mà cản-ngăn nhà cách-mạng phục-vụ đại-nghĩa !

## KẾT LUẬN CHƯƠNG VII

Theo như lời Cụ Phan-Tây-Hồ đã nói : « Côn-đảo là một trường học thiên-nhiên, mùi cay đắng trong

ấy, làm trai giữa thế-kỷ 20 này, không thể không nắm cho biết... » Thật thế, Côn-đảo là lò hun-đúc, giữa-mài những người vì đại nghĩa mà bị đưa ra đó. Trong cảnh chật hẹp của khám đường cái chân tướng của mọi người đều hiện ra rõ-rệt. Người trình độ cao thì cao tuyệt vời và được chẳng những các bạn đồng hội đồng thuyền kinh-mến mà lại còn được đối phương là nhà cầm-quyền Pháp kiêng-nể nữa. Trái lại, người trình độ thấp thì thấp hèn sát đất. Đối với hạng người này không có cái chi độc ác, đê hèn mà họ không làm, miễn là được sống ấm-no, yên-ổn thì thôi ! Nhiều kẻ cố che đậy cái thâm-tâm nhỏ-nhen, hèn hạ của họ bằng những cử-chỉ bề ngoài rất tốt-đẹp. Nhưng sự thực nào che dấu được ai !

## *CHƯƠNG THỨ VII*

### **CÁC CHỨNG-BỆNH Ở CÔN-ĐẢO NGHĨA - ĐỊA CÔN - ĐẢO, NƠI AN - GIÁC NGÀN THU CỦA NHỮNG PHẠM - NHÂN XẤU - SỐ — SỰ VƯỢT NGỤC VỀ ĐẤT.**

#### **A. — CÁC CHỨNG BỆNH Ở CÔN-ĐẢO.**

Ở trên khắp quần đảo Côn-Lôn phạm-nhân thường bị các chứng bệnh sau đây : bệnh ngã nước, bệnh sốt rét kinh-niên, bệnh kiết-ly, bệnh phong phù (phù mình) và nhứt là bệnh ghẻ.

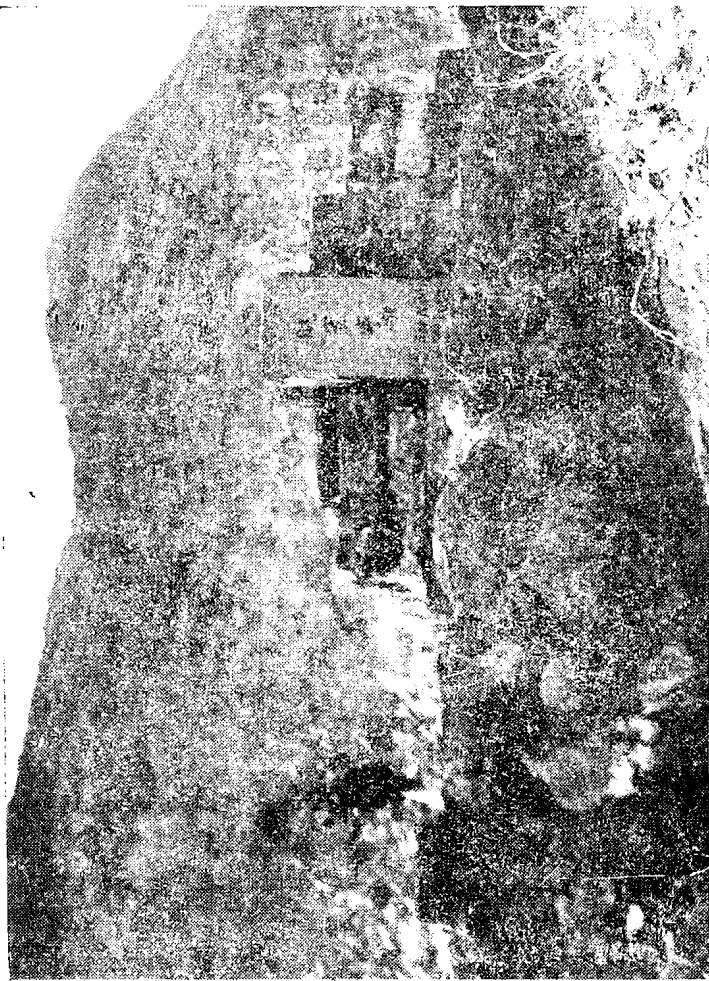
1) **Bệnh ngã nước và bệnh sốt rét.** Như trong các chương trước có nói hai chứng bệnh này rất thông

thường ở khắp nơi trên quần đảo. Nguyên nhân của hai chứng bệnh ấy là : Sơn-lam, chướng khí, nước độc và nhứt là sự có mặt của loài muỗi đòn xóc (Anophèle). Vào năm 1945 số bệnh nhân bị sốt rét nhiều cho đến nỗi không có đủ thuốc mà phát. Một phần sự thiếu thuốc là do tàu tiếp-tế lương thực và thuốc men hơn nửa năm ở Saigon không ra được vì bị bom Đồng-Minh. Túng thế nhà cầm-quyền Côn-đảo phải cho phép phạm-nhân dùng lấy thuốc nam (Cây và giấy kiếm trên rừng núi) để tự trị lấy bệnh.

**2)— Bệnh kiết-ly.**— Ở Côn-đảo có lắm ruồi, nhặng. Giống này sinh ra rất mau và bu trên cơm và đồ ăn của phạm-nhân, đen như đậu đen. Bởi thế, các phạm nhân thường nói : « Ở Côn-đảo người ta ăn cơm trộn lẫn với đậu đen » là vậy. Bởi vậy, khi người bị bệnh kiết ly thì bệnh ấy truyền ra rất mau trong giới phạm-nhơn. Cũng vì thế mà năm nào dịch-tả phát khởi thì nó lan tràn rất mau chóng và giết hại có đến mấy trăm người.

Phần nhiều phạm-nhân bị bệnh kiết-ly là trước kia ở khám lớn Saigon, nhứt là ở bót Catinat, họ bị tra tấn, đánh đập nhiều quá cho nên sức lực của họ quá yếu khi ra đến Côn-đảo thì họ lại ăn những kho mọt trộn với dầu. Thức ăn ấy sanh ra chứng bệnh ỉa chảy rồi sau cùng đi ra máu mà chết.

**3)— Bệnh ghẻ.**— Với sự sanh sản mau chóng của giống ruồi bệnh ghẻ phát sinh và truyền đi rất mau. Đây không phải là thứ ghẻ thường mà là thứ ghẻ khoét, mặt ghẻ màu tím, mà người ta cũng gọi là ghẻ đen. Loại ghẻ này có khả năng đào khoét da thịt rất mau nhiều bệnh nhân phải bị cưa tay, cưa chân và cuối cùng phải chết một cách thảm-thiết ! Chỉ có một thứ thuốc thủy vàng



*Ngôi mộ của nhà cách-mạng Nguyễn-an-Ninh ở sở ruộng  
(nghĩa-địa Côn-dảo) trước mặt núi Chùa.*



(Calomel) thì mới chặn đứng được bệnh ấy. Mà làm gì có thứ thuốc ấy tại Côn-đảo cho nhiều được ? Vì vậy mà số người chết về bệnh này khá lớn,

**4) Bệnh phù mình.**— Tức là trạng thái cuối cùng của bệnh sốt rét. Bệnh nhân nào bị chứng phù mình vào Banh II mà ăn thịt heo thì bệnh trở nên trầm-trọng liền, vài ngày sau là đi qua thế-giới khác. Vào năm 1945, đôi khi có tàu trong đất ra tiếp-tế và có chở nhiều heo. Heo ấy bị đại sống mà chết. Nhà cầm-quyền bèn cho làm thịt các con heo ấy và phát cho các Banh. Vì thế mà thịt heo ấy rất độc đối với người phải bệnh phù mình và bệnh kiết lỵ !

**5) Bệnh dịch-tả.**— Thỉnh thoảng ở Côn-đảo bệnh dịch-tả đôi khi cũng có phát lên. Theo tài liệu để lại thì năm 1864 dịch tả hoành hành một cách ghê gớm trên Côn-đảo. Số người chết về bệnh này rất nhiều kể cả vị Trung úy Hải-Quân Pháp tên là Bizot và vị Bác-sĩ mổ-xẻ tên là Gustave Viaud, em ruột của nhà văn hào Pháp là Pierre Loti. Hai vị này đã tận tâm cứu chữa bệnh nhân.

#### **6) Các bệnh bất trị. — Bệnh lao và bệnh cùi.**

*a) Bệnh lao.*— Phần nhiều các nhà chính-trị-phạm bị bệnh lao vì trước kia ở khám Catinat họ bị đánh đập tra tấn quá nhiều và sau khi ra Côn-đảo họ bị bắt làm việc quá sức mà thức ăn thì không có gì để bồi dưỡng lại sức lực họ. Ấy là chưa nói đến sự thiếu thuốc. Thí dụ : Nhà cách-mạng Nguyễn-an-Ninh khi ra đến Côn-đảo thì bị bệnh lao phổi rất nặng. Ông có xin nhà cầm quyền Côn-đảo được phép về dưỡng bệnh tại nhà thương Chợ-Quán. Nhưng đơn của ông không được chấp thuận và ông phải ở lại Côn-đảo với chứng bệnh trên cho đến ngày ông



thở hơi cuối cùng. Trước đó mấy ngày ông đã uống huyết sống của con vít vì tưởng đó là phương thuốc hay cho căn bệnh ông. Sau khi ông đã lên cơn sốt quá nặng tại đường Banh II ông thở hơi cuối cùng.

b) *Bệnh cùi*.— Bệnh này ít có phát ra tại Côn-Đảo. Ai mắc phải bệnh này và bệnh lao phổi thì được nhà cầm-quyền Côn-đảo đưa qua an-dưỡng tại Hòn-Cau.

### B) NGÀY CUỐI - CÙNG CỦA NHỮNG PHẠM-NHÂN XẤU SÓ — NGHĨA - ĐỊA CÔN - ĐẢO.

Phạm nhân nào bị bệnh nặng, không thể cứu sống thì nhơn viên y - tế coi Banh II cho người khiêng (qua « khám liệt ». Gần bên khám liệt là nhà xác (La morgue). Đến đây một trò đau lòng lại diễn ra : những kẻ bị đưa xuống khám liệt là những kẻ không hy-vọng gì sống và sắp chết nay mai ! Ấy thế mà họ còn cố gắng bò qua Nhà Xác lột những bộ quần-áo xanh (quần áo tù) của các xác chết để bán lại cho phạm-nhân khác nằm dưỡng bệnh trong Banh II ! Bởi thế phần nhiều xác chết đều trần-trồng hết, ngoại trừ những xác chết nào có anh em (cũng là tội-nhân) canh giữ. Ấy là trường hợp của ông Nguyễn-An-Ninh. Nhờ có anh em canh xác ông nên khi tần-liệm ông còn được mặc bộ-đồ xanh. Khi ông Nguyễn-An-Ninh tuyệt khí và được đưa vào nhà xác thì một số anh em cố-hữu của ông trong giới chính-trị-phạm có cậy ông Fournillier kỹ-sư giám-đốc Nhà đèn Côn-đảo, một đảng viên đảng Xã-hội Pháp, can thiệp với viên giám-đốc Côn-đảo để ông Nguyễn-An-Ninh được có một quan tài bằng gỗ. Viên giám-đốc Côn-đảo từ khước lời xin ấy với lời lẽ như sau : « Ở Côn-đảo gỗ làm ván rất hiếm. Ta không nên tạo ra một tiền-lệ ! ». Thế rồi ông Nguyễn-An-Ninh được nhơn viên Sở-Ruộng (Sở trông coi Nghĩa địa

và chôn cất phạm nhân chết) tần liệm như sau : Người ta tròng hai chân ông vào một cái bao bằng (bao còi) và kéo bao ấy lên cho tới ngang lưng quần. Rồi người ta tròng đầu, mình và hai tay của ông vào một cái bao bằng bằng nữa và kéo bao thứ nhì xuống trùm lên bao thứ nhất và cột bảy nột giây, từ dưới chân lên mình ông để hai bao khỏi tuột ra. Thế là xong cuộc tần liệm nhà cách-mạng Nguyễn-An-Ninh ! Đoạn họ mang xác ông ra bỏ vào một cái xe bò có nắp đậy, phía sau để hủ, vôi vãi xác chết khác nữa. Xe bò cứ thế mà chở ông ra Sở-Ruộng (Nghĩa-địa). Nơi ấy người ta đã đào sẵn vài ba cái huyệt vài giờ trước. Người ta « hạ rộng » ông xuống dưới một trong các huyệt ấy và lấp cát lại, bắt cần coi xác ông nằm ngửa hay nằm sấp. Thế là xong việc chôn cất nhà cách-mạng Nguyễn-An-Ninh ! Đối với các phạm nhân khác chết bình, nếu không có sự gởi gắm cho nhân viên Sở-Ruộng thì chẳng những xác người chết không còn áo quần, mà sự tần liệm và hạ huyệt rất là cầu-thả. Nhiều khi vì số phạm nhân chết mỗi ngày quá nhiều (6 xác chết mỗi ngày trong thời kỳ có dịch tả) nhân viên Sở-Ruộng làm việc rất vất vả. Có khi đến tối mò rồi mà họ còn hè-hụi khiêng xác người ra và vứt xuống huyệt, một hai xác trong một huyệt cũng nên ! Mỗi năm mồ được đắp sơ bằng cát (vì nghĩa-địa là một đồi cát) dưới chân có cắm một cây cọc trên mang một tấm ván con, có ghi số đình-bài của phạm-nhân xấu-số !

Được mười hôm thì cọc ấy bị xiêu đổ mất là vì mỗi ngày Nông-trại Côn-đảo thả bò và trâu đi ăn trong các nghĩa địa. Đó là trường hợp chung. Nhưng đối với nhà cách mạng Nguyễn - an - Ninh thì có khác. Mộ của ông được các thân bằng cố hữu đến viếng và lúc đầu mỗi người mang đến một vài cục đá hoa cương để đắp nấm.

Nhờ thế mà sau một năm ngôi mộ nói trên đã trở thành mộ đá có mộ chí đường hoàng đắp bằng cimente trên có mấy chữ Hán như sau : Nguyễn-an-Ninh và dưới có thêm Nguyễn-an-Ninh bằng chữ Quốc-ngữ.

Sau này khi quần-đảo Côn-lôn đã trở về với chính-phủ Quốc-gia thì ngôi mộ ấy được xây cất cao lên và toàn bằng đá hoa cương lấy ở núi Chúa.

### C) SỰ VƯỢT NGỤC VỀ ĐẤT.

Như các chương trước đã có nói : Công việc khổ-sai ở Côn-đảo là công việc giết người. Đó là mục đích thâm kín của sự tạo lập khám đường Côn-đảo dưới thời Pháp thuộc. Lại nữa, nếu tránh được những công việc làm chết người thì năm này qua năm nọ làm sao phạm nhân tránh khỏi thần bệnh ! Mà ở Côn-đảo mỗi khi bị bệnh thì phạm nhân khó sống lắm ! Và khi chết rồi họ sẽ được tần liệm và chôn cất như thế kia ! Ấy là chưa nói đến sự bị đòn bọng (một hai trăm roi là thường) bị mắng chửi không tiếc lời của các ông Xếp và Thầy-Chú. Vì đời sống phạm nhân quá ư đen tối, không có một tia hy vọng nào nên một số người bị án khổ sai dài hạn đâm ra bi quan và tìm thế trốn về đất cho kỳ được.

Trước năm 1945 phương sách thông thường được áp dụng là : vào rừng đóng bè rồi thả bè xuống biển để nhờ gió biển đưa về đất. Công việc làm như thế phải được chuẩn bị đến mấy tháng mới xong và đòi hỏi sự cộng sự của nhiều người. Một số người, như khi vào rừng đốn củi, lên đốn tre, gỗ, bức giây mây giấu kín ở nhiều nơi. Một số người nữa trong bọn thì chuyên lo tích trữ cơm khô trong những thùng dầu tây, hoặc trong bao bố. Vài ngày trước khi xuống bè thì họ mua thêm bánh mì và các

thức ăn khác ; Nhứt là nước uống cần phải chuẩn bị cho đầy đủ vì đó là vấn đề sống chết một khi đã ra khơi và lênh đênh trên mặt biển ! Khi sắp đặt đầu đó xong xuôi hai nhóm người nói trên mới hề nhau trốn vào rừng nội đêm đó họ phải khiêng bè hạ thủy cho lẹ. Nếu không thì thầy chú sẽ theo dõi và bắt họ trở lại. Trong trường hợp này họ sẽ bị đưa ra phiên tòa bất thường nhóm tại Côn đảo và bị chổng án, sau khi đã ở ít nhứt là 90 ngày hầm (cachot). Bởi thế trong khi cho bè hạ thủy mà rủi có thầy chú và nhân viên sở truy nã đến thì giữa hai bên sẽ có một sự chống cự kịch liệt, chết người. Nếu số thầy chú và nhân viên sở truy nã ít thì họ có thể bắt trói đám người theo bắt họ vào gốc cây hoặc họ tàn sát số người ấy để khỏi làm trở ngại việc vượt ngục của họ. Một khi đã xuống bè rồi và đã lênh đênh trên mặt nước họ cũng vẫn chưa chắc rằng sống bởi lý do sau đây : Canot của sở truy nã Côn-đảo có thể tìm thấy họ và bắt họ lại. Vì gió mùa đổi chiều, họ không được đưa ngay vào đất mà trái lại, bè của họ lại trôi giạt hoặc theo hướng Nam-Dương Quần-Đảo và Mã-Lai hay Thái-Lan, hoặc theo hướng Thái-Bình-Dương và Phi-Luật-Tân v.v. Vì bè cột không chặt nên khi bị các làn sóng to đánh vào sẽ tan rã ngay và những phạm nhân ở trên bè sẽ vào bụng cá ! Nếu vì trôi giạt mà bè phải lênh-đênh trên mặt biển lâu ngày lương thực hết và nước uống khô cạn thì đó là một cảnh tượng hãi-hùng ! Trong tình-trạng dở sống dở chết nói không ra tiếng ấy người này liều cho người kia uống cầm hơi ! Nếu rủi có người chết thì họ vớt xác ngay xuống biển để bớt một nhân khẩu. Theo lời một phạm-nhân đã vượt ngục nhiều lần thuật lại thì : « một đôi khi vì thiếu lương thực họ phải hy-sinh một người trong bọn để có thức ăn ! Người mà nội bọn cho là có tội, mất cảm-tình đối với nội bọn ! sẽ bị hy-sinh trước nhất »,

Thỉnh-thoảng trong báo có đăng tin một chiếc tàu ngoại-quốc A đã vớt được một số phạm-nhân người Việt trong vùng Bắc, hoặc Nam của biển A hoặc B và đã giao trả cho chính-phủ Việt-Nam v.v...

Như trên đã nói, lối vượt-ngục bằng bè tre là lối vượt-ngục thập-tử nhất sanh, rất là liều-lĩnh, phiêu-lưu ! Bởi-thế từ năm 1944 trở đi các phạm-nhơn ở Côn-đảo toan trốn về đất đã nghĩ ra một phương sách khác là : đóng thuyền theo lối như sau : Một số người (vài ba phạm nhơn) nhân khi đồn củi chặt những cây mây chà-vông to bằng cổ tay và làm sườn chiếc thuyền, rộng độ 1 thước 20 và dài độ 5 hoặc 6 thước. Những phạm-nhơn khác làm việc trong các sở tại Côn-đảo có chân trong bọn, lo mua nhiều bộ quần áo xanh. Một vài phạm-nhân trong bọn tháo các vật áo ấy ra và xếp lại thành một tấm bố lớn. Với tấm bố ấy họ sẽ phất lên sườn thuyền bằng gỗ mây nói trên và trét dầu chai vào để khỏi thấm nước. Khi đâu đó xong-xuôi họ hè nhau vào rừng trốn và đêm ấy độ 10 giờ tối họ hạ thủy thuyền của họ. Nếu công-việc tru-liệu được tốt đẹp thì một khi ra khơi họ sẽ lấy chiếu trương lên làm buồm và nhờ gió mùa đưa họ ngay vào vàm sông Mỹ-Thanh thuộc tỉnh Bạc-Liêu (nay là Ba-Xuyên) và lối 8 giờ sáng, ngày hôm sau là họ cập bến. Muốn công việc về đất được mau chóng như trên họ phải chờ có gió mùa thổi hần về hướng ấy. Gió ấy chỉ xuất hiện trong cuối tuần tháng chạp về độ nửa tháng giêng mà thôi. Bởi thế, ở Côn-đảo Tết cũng là dịp ăn chơi mà cũng là dịp cho một thiểu số phạm nhơn trốn về đất ! Lẽ dễ hiểu là trong ba ngày Tết chẳng những là gió mùa rất thuận lợi cho sự trốn về đất mà lại sự hạ thủy bè hay là thuyền sẽ được dễ-dàng vì thầy-chú và các nhơn-viên Sở truy-nã có bồn-phận canh-gác các bãi biển

sẽ vì các cuộc vui chơi tung bừng mà trễ-tràng phận-sự.

Phương-sách vượt-ngục về đất thứ ba là sự cướp đoạt thuyền của Sở-Luôi sau khi đã ném ông Xếp và thầy-chú xuống biển. Công việc này quá ư táo-bạo và nhiều khi bất thành. Sự phản ứng rất là nặng-nề đối với nội bộ chủ xưởng — Dù sao, ở Côn-đảo lâu-lâu lại có xảy ra một việc như vậy và hơn viên trông coi Sở-Luôi, Pháp lẫn Việt, luôn-luôn phải đề phòng cẩn-mật — đề dập tắt ngay trong trứng những manh-nha bạo động ấy.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG VIII

Như các chương trên đã nói : « Côn-đảo là một nơi đèn-tội » chứ không phải một nơi để cho phạm-nhân sống mạnh-khỏe, sung-sướng để một khi hết án rồi được trả lại tự-do, về đất sống lại cuộc đời bình thường như mọi người — Lời nói sau đây của viên Thiếu-Tá lục-quân giám-đốc Côn-đảo đầu năm 1945, đã chứng tỏ mục-đích sâu kín của chế-độ nhà tù ở Côn-đảo thời Pháp thuộc. Nhận thấy có nhiều phạm-nhân (thường-phạm lẫn chính-trị-phạm) đóng vai đào, kép rất khéo trong các buổi trình diễn các tuồng hát bộ và cải-lương tại rạp Chuồng-bò, ông Xếp Chủ-Sở Chuồng-bò là người Pháp có ra mắt vị giám-đốc Côn-đảo xin cho phép cất lại rạp hát nói trên bằng gạch ngói để làm hi-viện xứng đáng cho toàn thể Công-chức tại đảo. Nghe vậy viên giám-đốc bèn nói rằng : « Một hi-viện đẹp để như vậy không lẽ chỉ dành riêng cho các công chức của chính-phủ. Sáu ngàn tù khắp nơi trên quần-đảo sẽ đến dự. Như vậy nơi Côn-đảo này sẽ không còn là nơi đèn tội nữa mà sẽ là một nơi rất vui ! Nếu như thế thì từ đó sắp sau các tội

nhơn sẽ không sợ bị đày ra Côn-đảo nữa và sẽ gián tiếp được khuyến-kích trong công việc làm quấy của họ ! »

Đó là quan-niệm cũ-kỹ chế độ nhà tù của thực dân Pháp. Quan niệm ấy có tính-cách hẹp hòi và giết người ! Ngày hôm nay ở các nước văn-minh tân-tiến chế-độ nhà tù được cải-thiện rất nhiều. Những phương-pháp nhân-đạo được đem ra áp-dụng. Có như thế thì số tội-nhơn bị khổ-sai mà chết, số tội nhân bị các chứng bệnh không thuốc uống mà chết và nhứt là số tội nhân liệu chết để chống lại nhà cầm quyền hầu thoát khỏi cái cảnh địa ngục ở miền trần-gian sẽ không có nữa. Số người giác-ngộ sẽ mỗi ngày mỗi tăng là vì dù cho được tru-đãi đi nữa các phạm-nhân đồng nhìn nhận rằng : sự mất tự-do là một hình phạt quá ư nặng-nề rồi đối với cá-nhân họ ?

## CHƯƠNG THỨ IX

### **KHOA THẦN - LINH - HỌC ĐÃ XUẤT - HIỆN TRONG CHỖN LAO - TÙ, TẠI KHÁM LỚN SAIGON CŨNG NHƯ Ở NHIỀU NƠI TRÊN QUẦN-ĐẢO CÔN-LÔN**

Có người cho biết rằng từ năm 1908 trở đi, sau khi các nhà chí-sĩ, nho học uyên-thâm, bị đày ra Côn-đảo thì một ít vị, trong khi nhàn rỗi, có nghĩ đến việc phù-cơ thỉnh tiên bằng cách chấp bút. Thay vì chấp bút trên khay cát ở trong nhà thì các Cụ ra mé biển, trên bãi cát, tìm một nơi tinh-khiết và thanh-tịnh để thi hành thủ tiêu khiên ấy. Nhiều khi các Cụ rất thích được

xương họa với các đấng vô hình. Các Cụ không đòi hỏi gì hơn là những bài thơ quý báu họa nguyên-vận với bài thơ của các Cụ. Vào năm 1925, ở Hỏa-lò Hà-nội đã có xảy ra một chuyện tương-tự. Một trong số 17 thanh niên bị bắt trong khi họ vượt biên-giới sang Tàu, khi bị giam tại Hỏa-lò Hà-nội, đã dùng cánh đào chấp bút làm thi họa vận với một đấng vô hình nữ-phái. Sau khi được trả lại tự-do vị ấy có đến viếng Cụ Nghè Ngô-Đức-Kế và trình cho cụ Nghè xem những bài thơ của đấng vô hình ấy. Cụ Nghè cũng nhìn nhận là hay.

Ở nước ta từ Nam chí Bắc, đâu.đâu những nhà nho.học uyên.thâm hoặc những nhà chí.sĩ, những nhà tu tiên đều biết cách phù cơ thỉnh tiên này.

Ở Côn-đảo từ năm 1940, 1941 trở về sau và ở khám lớn Saigon (chỗ cất Nha Đại-Học Văn-Khoa bây giờ) lần lượt có nhiều nhà tu hành theo Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ (tục gọi là đạo Cao-Đài) bị bắt và bị giam. Vì thế mà sự phù cơ thỉnh tiên dưới hình thức « chấp.bút » đã được xuất hiện. Ở Saigon các nhà cầm quyền đề lao khoan dung hơn. Họ cho rằng sự chấp bút thỉnh tiên không có hại gì cho chế độ nhà tù và sẵn sàng làm lơ. Vì thế mà ai có ngờ đâu trong khám lớn lại có nhiều đàm cơ lập lên nhiều lần ở khám đặc.biệt dành cho phạm nhân trí.thức, hoặc có Pháp tịch hay là người Pháp (Batiment spécial), ở Préan 8 (khám giam mấy công chức đương còn trong vòng thăm vấn chớ chưa thành án) Sall 3 (phòng giam số 3 trên gác thượng) và nhứt là ở Cabanon (một khám giam những phạm nhân quá 50 tuổi với chế độ dễ chịu). Các vị đại tiên thì lâu lâu mới giáng và cho biết tại sao các Ngài giáng trong những nơi ở.trước đây uất khí này bằng hai câu thơ như sau :



*« Lao tù nào có diễm tiên thần,  
« Hay có bởi người nhọc xác thân...»*

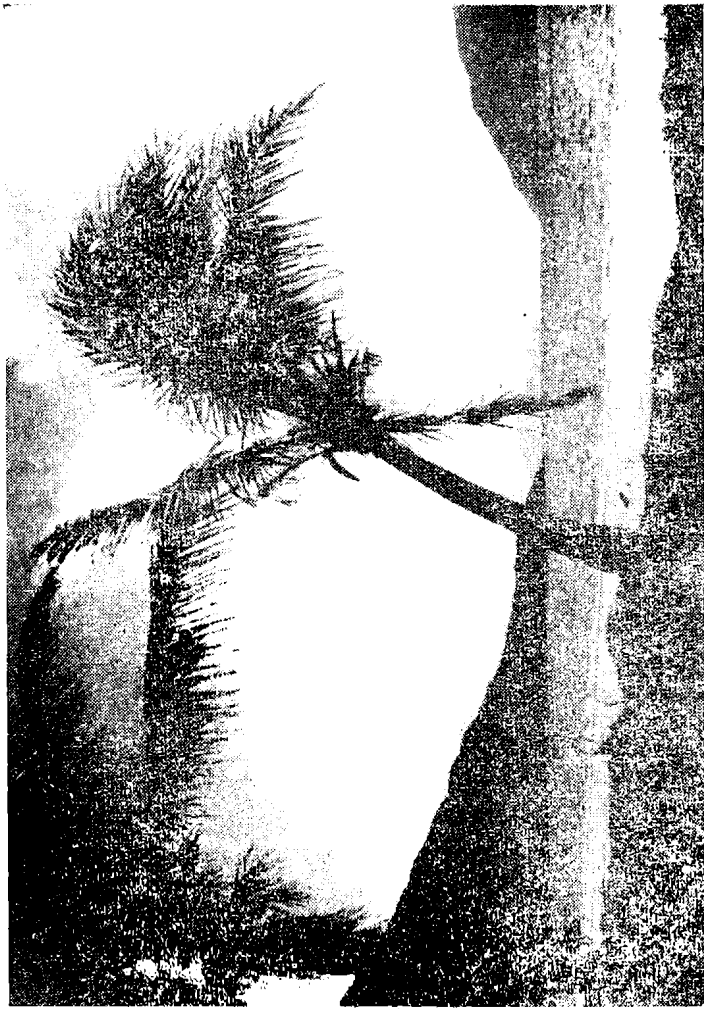
Đại để hai câu ấy cho biết rằng : « Các ngài không quản trần trược của cảnh thiên lao mà giảng diễm là vì một số môn-đồ của các Ngài lâm nạn ở đây »

Ở Préan 8 thì Đức-Hưng-Đạo Đại-Vương có giảng xuống cho một bài thơ bát cú thất ngôn xưng danh hiệu của Ngài và một bài Trường-thiên rất dài theo điệu song thất lục bát dạy những đệ-tử hầu đàn về việc tương lai trong đường tu và cách hành đạo sau này.

Ở Bâtiment Spécial thì chơn linh cụ Trạng-Trình có về dạy cách ra tòa phải biện luận làm sao để mọi người tự bào chữa lấy mình.

Cũng ở nơi đây, một chơn linh giảng bút xưng danh như sau : « Thành-Hoàng bốn cảnh Nguyễn-Bửu-Cảnh ». Vị Thành-Hoàng nói trên có cho biết : trước kia Ngài cũng làm quốc sự và chết tại khám lớn này. Ngài được Đức Thượng-Đế phong làm Thành-Hoàng bốn cảnh. Nay Ngài được lệnh đến ủng hộ tinh thần cho các anh em.

Sau khi mười ba anh em thuộc Liên-Đoàn Ái-Quốc Việt-Nam bị tòa án quân sự đặc biệt kêu án khổ sai rồi và bị giam tại « khám tội nặng » (Fortes peines) để chờ ngày đi Côn-đảo thì một vị đại-tiên thỉnh thoảng giảng bút cho thi xưng danh và cho một bài trường-thiên trong đó Ngài có cho mỗi vị hầu đàn bốn câu thơ nói rõ tính tình và ngày hậu nhứt của mỗi vị. Trong đó có hai anh em bạn họ Võ và họ Trương được Ngài cho biết trước như sau : « K. sau sẽ rõ đêm thâu canh tàn ». Sau khi ra đến Côn-đảo hai vị này bị đưa đi Cỏ-Ổng. Qua đó được vài tháng hai vị nói trên đã đồng ý với một ít tội nhân khác, hơn đêm



Mũi lò vôi bên tay trái, nơi đồn có mỏ vàng. Ở xa  
ngoài khơi hình lơ mờ của hòn Cau

(Ảnh của Tổng Nha Thông Tin Việt-Nam)



khuya, đoạt chiếc thuyền gỗ của sở Lưới Cỏ-Ổng để vượt ngục. Công việc bại lộ, tất cả đều bị bắt bị nhốt hãm đến 90 ngày. Vì thế mà vị đại-tiên nói trên đã nhấn mạnh đoạn : « Đêm thâu canh tàn ».

Ở Côn-đảo, nhà cầm-quyền không được rộng-rãi đối với sự cầu cơ chấp bút. Ấy cũng bởi có phạm-nhân thuộc đảng phái chánh-trị đi báo cáo với Pháp và vu cáo rất nhiều cho những chính-trị-phạm tén ngưỡng tôn-giáo. Nếu phạm nơn nào bị bắt với đầy đủ tài liệu về sự cầu-cơ chấp bút thì họ sẽ bị 90 ngày hãm và không được ra làm việc giấy ở các sở nữa.

Tuy vậy thỉnh-thoảng cũng có người lập đàn cầu cơ chấp-bút ở trên Núi-Chùa, ở trong Sở-Lò-Gạch, ở trong tư thất một vài viên thơ ký — và sau ngày 9-3-1945 ở trong Annexes du Bagne III, cũng như ở trong một văn phòng con của khu vườn vị giám đốc Côn-Đảo.

Ngay ở Hòn-Cau cũng đã có nhiều buổi phù cơ thỉnh tiên do các Cụ Thiện-Pháp Nguyễn-Hữu-Tài, Cụ Nguyễn-văn-Tòng và Cụ Trần-văn-Tồn tổ-chức. Cụ Trần-văn-Tồn nường bút đề các đấng thiêng liêng giảng diễn dạy mọi việc.

Có một lần chơn linh của nhà cách-mạng Nguyễn-An-Ninh giảng bút viết ra bài thơ sau đây để tặng một thiều số thanh-niên có mặt tại đàn.

*Nguyễn* tiếng đừng nghe tiếng *Nguyễn* (1) đờn,  
*An* lòng tu-niệm được *An* hơn.  
*Ninh* thà cam chịu mình *Ninh* biết,  
*Giáng* bút khuyên ai bớt dạ hờn,

---

(1) Chữ *Nguyễn* đáng lẽ phải là chữ *quyền* nghĩa là « ống sáo » mới là đúng nghĩa : vì tiếng kèn tiếng *quyền* là lời nói ngọt ngào êm tai dễ dụ dỗ người.

Có điều này đáng chú-ý là : đầu năm 1944 trước ngày 9-3-1945 sự liên-lạc giữa Saigon và Côn-đảo bị bế tắc vì tàu bè từ Saigon đi ra chưa khỏi Cấp là bị ăn bom Đồng-Minh rồi. Đồng thời sự liên-lạc giữa Côn-đảo và Hòn-Cau cũng trở nên khó-khăn. Như vậy những tin-tức ở trong đất không sao lọt ra đến Côn-đảo, và nhứt là Hòn Cau. Trong lúc ấy Hòn Cau quả thật là một thế-giới riêng biệt ! Ấy thế mà nhờ cơ bút mà các Cụ nói trên biết được việc sắp xảy ra ở trên đất và ở Côn-đảo. Một tháng trước ngày Nhựt đảo chánh (9-3-1945), tại Hòn Cau các Cụ nói trên có phù cơ thỉnh tiên : một tiên ông giảng xuống cho biết các Cụ sẽ được trả tự-do và được về đất. Sau khi đọc bài cơ ấy các Cụ tin chắc như vậy cho nên đã tự động bán lại mùng, mền, nôi niêu, bát đĩa cho những anh em còn ở lại. Thật vậy, sau ngày Nhựt đảo-chánh nhà Cầm-quyền Côn-đảo thời ấy bèn cho canot qua rước ba Cụ về Côn-Nòn để chuẩn bị ngày về đất. Lời tiên tri trước kia rất đúng.

Sau ngày đảo chánh 9-3-1945. Vụ án-xá toàn thể chánh-trị-phạm đã được long-trọng tuyên bố trong một cuộc đại lễ để ăn mừng « Nước nhà được độc-lập ». Danh sách 124 vị gồm toàn chính-trị-phạm đã được lập lên. Nhưng chờ mãi không thấy tàu ở Saigon ra. Mỗi lòng vài ba anh em thuộc Thanh-niên Ái-Quốc-đoàn mới yêu cầu một chính-trị-phạm khác tu theo Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ lập đàn phù cơ thỉnh tiên để hỏi thăm về việc ấy. Để cho anh em khỏi nghi-ngờ một trong số bốn anh em không có đạo được chọn làm đồng-tử. Vì không tin có thần tiên vị này nhận lời mời và cứ ở trần mà thủ bút (bút chì). Trên vai vị ấy chỉ choàng sơ một cái khăn lông. Các vị có mặt, đều rạp nhau đọc bài triệu thỉnh. Đọc thôi mỗi miệng mà tay đồng-tử không

thấy cử-động. Thua buồn các vị ấy đều ngưng đọc và ngồi ngoài xem : Chỉ còn vị tu theo Đại-Đạo-Tam-Kỳ Phổ-Độ tiếp-tục đọc mà thôi. Vị này đổi bài cầu và đọc bài cầu Đức Lữ-đồng-Tân. Độ nửa giờ sau tay đồng-tử bắt đầu chuyển động và viết :

*Lữ khách giảng đà lâu,  
Đồng-tử không được đâu.  
Tân thể còn khuyên-nhục,  
Tiên giảng dễ gì đâu ?*

Kế vị đại tiên nói trên mượn tay đồng-tử viết một đoạn văn xuôi như sau :

« Những bọn Lưu-Linh, Đế-Thích, thân thể ô trược  
« như thế này mà dám đeo bông phù cơ thỉnh tiên. Ta  
« muốn cho quỷ nhập cho nó biết, ngặt vì nó có họa phù... »

Đến đây tay đồng tử không viết nữa. Độ mười lăm phút sau đồng-tử tỉnh lại buông cây bút chì xuống bàn và nói rằng : « Thật, mấy anh ! Bữa nay tôi mới biết là có thần-tiên. Chính vì tôi muốn thử coi có linh hay không cho nên tôi ở trần, không bận áo. Lại nữa, vì sợ quỷ nhập cho nên trước khi cầm bút tôi đã tự lấy chót lưỡi họa phù « chúc-do » để phòng việc bất trắc. Mấy anh đâu có biết ! Nãy giờ ngài đề đầu tôi xuống và Ngài mắng tôi quá nhiều. Ngài biểu tôi viết nhiều lắm mà tôi không viết. Tôi thú thật với mấy anh rằng : ba ngày trước đây tôi đã ăn thịt chó ! » Trong đàn tái cầu, một đấng vô hình khai giảng xuống không xưng tên và cho biết rằng : ngày 17 tháng sáu sẽ được về đất. Điều ấy quả đúng như vậy.

## KẾT-LUẬN CHƯƠNG IX

Trong cảnh tù tội người phạm-nhân thấy mất hết quyền tự-do nhưt là về phương diện đi đứng, hoạt động. Họ chỉ còn một quyền tự-do duy nhất là : Tự-do tư-tưởng. Trong cảnh tù-tội họ không còn biết kêu ca than vãn với ai ! Ai ai cũng đều ngó họ bằng những con mắt hoặc là thù hằn, hoặc là ghê tởm ! Họ chỉ còn một nước là cầu cứu với thế-giới vô-hình may ra các đấng ở thế giới ấy, vì công bình, vì vô tư, sẽ hiểu rõ họ hơn và sẽ đề lời an ủi họ ! Vì các lẽ ấy mà sau khi đã vào khám, nhiều người phát nguyện tu-hành và siêng đọc kinh, đọc sách để may ra được cứu, được đỡ khổ, được tránh các tai nạn ! — Vì thế mà bất cứ ở khám đường nào, ở đâu, hoặc ở vào thời đại nào, nếu có thể tiếp xúc với cảnh vô hình được thì họ làm ngay.

Cũng vì lý-do nói trên mà một cái am đã được dựng lên tại Lò-Gạch, một thánh-thất đã được khai mở ngay tại mé biển Côn-Nôn.

Nhiều vị trước khi vào tù, không chịu theo một tôn giáo nào. Nhưng sau khi ra khỏi khám đã trở thành một nhà tu hành theo tôn giáo A hoặc tôn giáo B. Trong thời gian tại lao họ đã suy nghĩ nhiều và đã hồi tâm hướng thiện !

## CHƯƠNG THỨ X

### TỔNG LUẬN

Trong chín chương vừa qua chúng tôi đã trình bày quần đảo Côn-lôn dưới mọi khía cạnh.

Mỗi khía cạnh đều cho thấy sự quan-hệ của quần-đảo này dưới một hình thức khác biệt.

Nói tóm lại thì quần-đảo Côn-lôn đáng cho ta đặc biệt đề ý về ba mặt là : chính trị, quân sự và kinh-tế.

Về phương diện chính-trị quần-đảo Côn-Lôn rất quan-hệ ở chỗ nó mật-thiết liên-hệ đến nền độc-lập của nước ta tại Nam-phần. Về phương-diện quân-sự trong tương-lai nó sẽ là một trong các quân cảng trọng-hệ của Đông-Nam-Á nhứt về thủy-phi-thoàn và Hải-quân.

Về phương-diện kinh-tế nó sẽ là nơi đình bạc (lưu đậu lại) cần thiết cho các thương thuyền từ Âu sang Á hoặc từ Á sang Âu để lấy thêm nước uống, than, củi và thực-phẩm. Sự cần thiết ấy đã nhiều lần được thể hiện trong quá khứ bằng sự ghé lại của các tàu thuyền ngoại quốc để mua những thứ ăn tươi, có tính cách giải khát như hoa, quả, rau, đậu v.v...

Ấy là chưa nói đến sự biến Côn-đảo thành một ngư-cảng quan trọng được trang bị với những máy móc, dụng cụ tối tân và sự phát triển kỹ-nghệ làm nước mắm và cá hộp.

Lại nữa, nếu Côn-đảo và các đảo lân cận được trang bị một cách mỹ-thuật nó sẽ là một nơi du lịch lý tưởng với một bãi biển sạch và đẹp vô song cùng với nhiều liệu-duỡng-viện (Sanatorium) dài theo mé biển, hoặc xây cất trên các đỉnh núi. Với ngần ấy tiện nghi và vẻ đẹp, quần-đảo Côn-lôn sẽ là nơi thu hút mạnh du khách Năm-Châu và sẽ là một nguồn lợi đáng kể cho nước nhà.

*Viết xong ngày 24/7/1961*

## — CHUNG —

### XIN ĐẶC - BIỆT LƯU - Ý

Muốn hiểu rõ phần lịch-sử và quần-đảo Côn-lôn xin thỉnh qui độc-giả đọc-quyển « *Côn-Lôn Sát-Lược* » cùng một tác-giả.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

---

Những tài liệu trong quyển « Côn.Lôn Quần đảo trước ngày 9-3-1945 » này đều được trích ở các sách như sau :

- 1 — Poulo-Condore do nhà in T. F. E. O. tại Saigon xuất bản.
- 2 — « Thi tù tùng thoại » của cụ Minh - Viên Huỳnh Thúc Kháng.
- 3 — Ba nhà chí-sỹ họ Phan của ông Đào-văn-Hội.
- 4 — Tiểu sử cụ Phan Chu Trinh của nhiều tác giả.
- 5 — Việt-Nam Sử-Lược của cụ Trần Trọng Kim.
- 6 — Một ít câu thơ mượn trong truyện Kiều và Chinh-Phụ Ngâm và nhất là những việc mắt thấy tai nghe tại Côn-Đảo

# MỤC-LỤC

Trang

|                       |   |
|-----------------------|---|
| LỜI NÓI ĐẦU . . . . . | 7 |
|-----------------------|---|

## CÔN-LÔN QUẦN-ĐẢO

TRƯỚC NGÀY 9-3-1945

### CHƯƠNG THỨ I

#### Địa-lý hình-thể

|                                              |    |
|----------------------------------------------|----|
| I.— Vị-trí . . . . .                         | 9  |
| II.— Diện-tích . . . . .                     | 9  |
| III.— Ý nghĩ tên một ít hòn vừa kể . . . . . | 13 |
| IV.— Địa-thể đảo Côn-Lôn . . . . .           | 17 |
| Kết-luận Chương I . . . . .                  | 22 |

### CHƯƠNG THỨ II

#### Khí-hậu — Sông ngòi

|                              |    |
|------------------------------|----|
| I.— Khí-hậu . . . . .        | 22 |
| II.— Sông ngòi . . . . .     | 23 |
| Kết-luận Chương II . . . . . | 24 |

### CHƯƠNG THỨ III

#### Khoáng-sản—Thổ-sản—Thú-cầm—Thủy-Tộc

|                               |    |
|-------------------------------|----|
| I.— Khoáng-sản. . . . .       | 25 |
| II.— Thổ-sản . . . . .        | 27 |
| III.— Thượng cầm hạ thú.      |    |
| a) Thượng cầm . . . . .       | 28 |
| b) Hạ thú . . . . .           | 32 |
| IV.— Loài thủy tộc . . . . .  | 35 |
| Kết-luận Chương III . . . . . | 59 |

### CHƯƠNG THỨ IV

#### Các nẻo giao thông. Các dinh-thự. Các cơ sở.

|                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------|----|
| I.— Các nẻo giao thông . . . . .                             | 63 |
| II.— Các dinh thự . . . . .                                  | 64 |
| III.— Các sở, các nông trại thuộc các vùng ngoại ô . . . . . | 68 |
| Kết-luận Chương IV . . . . .                                 | 75 |

## CHƯƠNG THỨ V

### Việc cai trị — Đời sống của công chức.

|                                                                  |    |
|------------------------------------------------------------------|----|
| I.— Việc cai trị . . . . .                                       | 76 |
| II.— Đời sống công-chức tại Côn-Đảo . . . . .                    | 80 |
| Bề mặt và bề trái đời sống của công - chức tại Côn-Đảo . . . . . | 80 |
| Kết-luận Chương V . . . . .                                      | 87 |

## CHƯƠNG THỨ VI

### Đời sống phạm nhân tại các sở ở Côn-đảo.

|                                                                                        |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| a) Lưu . . . . .                                                                       | 87  |
| b) Thường phạm . . . . .                                                               | 90  |
| c) Chánh trị phạm . . . . .                                                            | 105 |
| Người các Tôn-giáo bị chính-phủ Pháp tình-nghi hoặc bị kết án đày ra Côn-Đảo . . . . . | 114 |
| Kết-luận Chương VI . . . . .                                                           | 116 |

## CHƯƠNG THỨ VII

|                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------|-----|
| Một ít điểm đặc biệt về tâm lý phạm-nhân ở Côn-Đảo . . . . . | 119 |
| Kết-luận Chương VII . . . . .                                | 132 |

## CHƯƠNG THỨ VIII

### Các chứng bệnh ở Côn đảo. Nghĩa địa Côn đảo. Nơi an giấc ngàn thu của những phạm nhân xấu số. Sự vượt ngục về đất.

|                                                                              |     |
|------------------------------------------------------------------------------|-----|
| a) Các chứng bệnh ở Côn-Đảo . . . . .                                        | 133 |
| b) Ngày cuối cùng của những phạm nhân xấu số—<br>Nghĩa-địa Côn-Đảo . . . . . | 138 |
| c) Sự vượt ngục về đất . . . . .                                             | 140 |
| Kết-luận Chương VIII . . . . .                                               | 143 |

## CHƯƠNG THỨ IX

|                                                                                                                            |     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Khoa thần-linh-học đã xuất hiện trong chốn lao tù tại khám lớn Saigon cũng như ở nhiều nơi trên quần-đảo Côn-Lôn . . . . . | 144 |
| Kết-luận Chương IX . . . . .                                                                                               | 152 |

## CHƯƠNG THỨ X

|                     |     |
|---------------------|-----|
| Tổng-luận . . . . . | 152 |
|---------------------|-----|

|                              |     |
|------------------------------|-----|
| TÀI LIỆU THAM KHẢO . . . . . | 154 |
|------------------------------|-----|

|                  |     |
|------------------|-----|
| MỤC LỤC. . . . . | 155 |
|------------------|-----|

## CÙNG MỘT TÁC GIẢ

### ĐÃ XUẤT BẢN :

|                                            |                 |
|--------------------------------------------|-----------------|
| — Sư - Phạm Đại - Cương                    | 50\$            |
| — Sư - Phạm Thục - Hành                    | 70\$            |
| — Côn - Lôn Sử - Lược                      | 15\$            |
| — Côn-Lôn' quần đảo<br>trước ngày 9-3-1945 | <del>40\$</del> |

Thơ từ giao thiệp và mandat gửi cho :

**Ô. TRẦN VĂN QUẾ**

**THANH - HƯƠNG TÙNG - THU**

,132, Lý Thái Tổ

(CHỢ-LỚN) SAIGON

---

GIẤY PHÉP KIỂM DUYỆT SỐ 1.686/XB NGÀY 10-8-61  
IN TẠI NHÀ IN VIỆT-LIÊN 193 GIA-LONG SAIGON

GIÁ : ~~40\$~~ 50\$

**Nhà Sách KHAI-THỊ**  
**Đat-Lô 1.6-Lợi SAIGON**